NGUYỄN HỮU HẠNH (Chủ biên)
VŨ THỊ THU HÀ

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

MĨ THUẬT

6

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẦN CHUNG

I - MỤC TIÊU

Từ mục tiêu chung của môn Mĩ thuật ở Trung học cơ sở (THCS), môn Mĩ thuật lớp 6 cần đạt một số mục tiêu cụ thể như sau:

– Giáo dục thẩm mĩ cho học sinh (HS), tạo điều kiện cho các em tiếp xúc, làm quen và thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên, của các tác phẩm mĩ thuật; biết cảm nhận và tập tạo ra cái đẹp, qua đó vận dụng được những hiểu biết về cái đẹp vào cuộc sống hằng ngày.

– Cung cấp cho HS một lượng kiến thức mĩ thuật (MT) cơ bản nhất định, giúp các em hiểu được cái đẹp của ngôn ngữ mĩ thuật, đồng thời hoàn thành được các bài tập lí thuyết và thực hành.

– Phát triển khả năng quan sát, nhận xét, tư duy sáng tạo của HS.

– Góp phần phát hiện HS có năng khiếu mĩ thuật, tạo điều kiện cho các em phát triển tài năng của mình.

II - NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TỪNG PHÂN MÔN

a) Vẽ theo mẫu

+ Mục đích – yêu cầu:

Nối tiếp Vẽ theo mẫu ở Tiểu học, Vẽ theo mẫu ở THCS nhằm rèn luyện cho HS khả năng quan sát, nhận xét và kĩ năng đơn giản về vẽ nét, vẽ hình và sắp xếp bố cục. Vẽ theo mẫu còn giúp HS hiểu được vẻ đẹp của mẫu, tạo điều kiện để HS học tốt các bài Vẽ trang trí, Vẽ tranh, Thường thức MT...

+ Nội dung

Phân môn Vẽ theo mẫu ở lớp 6 gồm có các nội dung cơ bản sau:

– Sơ lược về *Luật xa gần*:

+ Khái niệm: Thế nào là *Luật xa gần*?

+ Những kiến thức cơ bản về *Đường tầm mắt*, *Điểm tụ*.

+ Cách vận dụng *Luật xa gần* vào các bài vẽ cụ thể.

– Vẽ theo mẫu:

+ Khái niệm: Thế nào là *Vẽ theo mẫu?*

+ Các bước tiến hành một bài *Vẽ theo mẫu*.

+ Thực hành vẽ các hình khối cơ bản (hình hộp, hình trụ, hình cầu) và các đồ vật (chai, lọ, ấm...).

b) Vẽ trang trí

+ Mục đích – yêu cầu

Nối tiếp các bài vẽ trang trí ở Tiểu học, các bài vẽ trang trí ở THCS giúp HS mở rộng thêm hiểu biết về đường nét, mảng hình, màu sắc, đậm nhạt và bố cục. Trên cơ sở đó, HS có thể tạo ra các họa tiết, các hình trang trí đẹp, biết cách sắp xếp hoạ tiết để tạo hình trang trí, đồng thời cảm thụ được vẻ đẹp của các sản phẩm trang trí.

+ Nội dung

Phân môn *Vẽ trang trí* ở lớp 6 gồm có các nội dung sau:

– Hoạ tiết trang trí và cách chép hoạ tiết trang trí;

– Cách sắp xếp (bố cục) trong trang trí;

– Màu sắc;

– Màu sắc trong trang trí;

– Kẻ chữ in hoa nét đều, kẻ chữ in hoa nét thanh nét đậm;

– Trang trí cơ bản và ứng dụng:

Trang trí đường diềm, hình vuông;

Trang trí chiếc khăn để đặt lọ hoa.

c) Vẽ tranh

+ Mục đích – yêu cầu

Nối tiếp các bài vẽ tranh ở cấp Tiểu học, các bài vẽ tranh ở THCS tạo điều kiện cho HS tiếp tục tiếp xúc với thế giới xung quanh, tìm và nhận ra hình dáng, đặc điểm, màu sắc và vẻ đẹp của đối tượng. Qua đó, HS có thể vẽ tranh theo ý thích và cảm nhận của riêng mình, đồng thời thông qua bài học còn bồi dưỡng cho HS tình cảm yêu mến cái đẹp, yêu mến thiên nhiên, đất nước, con người.

+ Nội dung

Phân môn *Vẽ tranh* ở lớp 6 gồm có các nội dung sau:

* Khái niệm: Thế nào là *Vẽ tranh*?

* Các thể loại tranh;

* Các bước tiến hành bài vẽ tranh:

– Tìm chọn nội dung đề tài;

– Chọn hình ảnh, sắp xếp hình ảnh;

– Chỉnh sửa bố cục;

– Vẽ màu.

* Bài tập vẽ về các đề tài: Học tập; Bộ đội; Ngày Tết và mùa xuân; Mẹ của em; Thể thao, văn nghệ; Quê hương em...

d) Thường thức mĩ thuật

+ Mục đích – yêu cầu

Nối tiếp các bài Thường thức MT ở Tiểu học, các bài Thường thức Mĩ thuật ở THCS giúp HS tìm hiểu thêm về MT, tạo điều kiện cho các em tiếp xúc, thưởng thức vẻ đẹp của một số tác phẩm tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ của Việt Nam và thế giới.

+ Nội dung

Phân môn *Thường thức MT* ở lớp 6 gồm có các nội dung sau:

– Giới thiệu MT Việt Nam:

* Sơ lược về MT Việt Nam thời kì cổ đại:

* Sơ lược về MT thời Lý (1010 – 1225)

* Một số công trình tiêu biểu của MT thời Lý.

* Tranh dân gian Việt Nam: Giới thiệu một số tranh dân gian Việt Nam tiêu biểu (tranh Đông Hồ và tranh Hàng Trống).

– Giới thiệu MT thế giới:

* Sơ lược về MT thế giới thời kì cổ đại.

* Một số công trình tiêu biểu của MT Ai Cập, Hi Lạp và La Mã thời kì cổ đại.

III - PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC MĨ THUẬT

1. Những yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy – học

Hiện nay đổi mới phương pháp dạy – học tập trung nhiều vào việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Các hoạt động học tập thường được quan tâm là:

– Quan sát và tiếp xúc với tài liệu, nguồn thông tin.

– Động não để phát hiện kiến thức.

– Thực hành trên các vật liệu mới hoặc bối cảnh mới để củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng, tự đánh giá. Phạm vi của các hoạt động này là hoạt động độc lập của cá nhân và hoạt động hợp tác trong nhóm.

Để tổ chức cho HS hoạt động, GV cần thực hiện các yêu cầu sau đây:

– Hướng dẫn bằng lời và động tác mẫu.

– Tổ chức môi trường học tập cho HS (Chia nhóm và giao việc theo nhóm, cho cá nhân trong nhóm, cho cặp).

– Hoạt động tác động (đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi, tham gia thảo luận, tham gia làm ra sản phẩm với HS).

– Đánh giá HS.

* Phương pháp dạy – học theo định hướng đổi mới ngoài việc dạy kiến thức và kĩ năng cho HS, nhiệm vụ của GV còn phải dạy cho các em phương pháp tự học qua các hoạt động học tập. Đổi mới phương pháp là sự kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp dạy – học truyền thống có những yếu tố tích cực với những phương pháp dạy học tập trung vào việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

* Việc đổi mới đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng góp phần cho sự thành công của phương pháp dạy – học theo định hướng mới, việc đổi mới đánh giá nhằm xác nhận kết quả học tập của HS và điều chỉnh quá trình dạy học của GV cho phù hợp với mục tiêu.

Đổi mới đánh giá còn nhằm đổi mới chủ thể đánh giá, GV đánh giá kết quả học tập của HS, HS tự đánh giá và tham gia đánh giá kết quả học tập của nhau.

2. Định hướng về đổi mới phương pháp dạy – học Mĩ thuật 6

– Môn Mĩ thuật là môn dành thời gian chủ yếu để HS thực hành. Do vậy, GV cần thiết kế bài dạy như một kế hoạch tổ chức các hoạt động để HS chủ động, tích cực tham gia và phát huy hết khả năng và năng lực của mình ở mỗi bài vẽ.

– Trong mỗi tiết học, GV cần lựa chọn và phối hợp các phương pháp dạy học sao cho luôn luôn tạo được không khí học tập vui vẻ, nhẹ nhàng, hấp dẫn để lôi cuốn HS, tránh giờ học tẻ nhạt, khô cứng.

– Đối với một số bài vẽ tranh đề tài, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động vẽ theo tổ, theo nhóm để các thành viên trong nhóm có dịp thể hiện năng lực cá nhân trước bạn bè, thầy cô giáo.

– Có thể kết hợp các trò chơi hỗ trợ cho nội dung bài học khi thấy cần thiết, phù hợp.

– Tạo mọi điều kiện để tất cả mọi HS chủ động, tích cực tham gia và tham gia có hiệu quả các hoạt động, quan tâm nhiều hơn đến các HS nhút nhát, chưa tích cực hoạt động.

– Về phân bố thời gian của tiết học, GV cần lưu ý bố trí thời gian hướng dẫn bài và thời gian thực hành của HS sao cho hợp lí (phần hướng dẫn của GV chỉ nên từ 12 đến 15 phút, phần thực hành từ 20 đến 25 phút, phần đánh giá từ 4 – 5 phút).

– Tùy theo nội dung của từng bài, GV điều chỉnh thời gian giảng bài và thời gian thực hành của HS cho phù hợp, không thực hiện một cách máy móc cho tất cả các bài.

– Trong quá trình thực hiện các tiết dạy, GV cần chú ý giáo dục HS hiểu biết cái đẹp, cảm nhận cái đẹp làm trọng tâm, không nên quá đi sâu và rèn luyện kĩ năng vẽ.

B. PHẦN THIẾT KẾ BÀI DẠY MĨ THUẬT 6

Bài ***1.*** **Vẽ trang trí**
CHÉP HOẠ TIẾT TRANG TRÍ DÂN TỘC

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu một số hoạ tiết trang trí dân tộc.

– Biết cách vẽ và vẽ được một số hoạ tiết gần đúng mẫu và tô màu.

– HS cảm nhận vẻ đẹp của các hoạ tiết dân tộc của một số vùng miền.

II - CHUẨN BỊ

– Sưu tầm các hoạ tiết dân tộc ở: quần, áo, khăn, túi, váy hoặc bản rập các hoạ tiết ở trên bia đá; hình vẽ, ảnh chụp hoạ tiết trên các công trình kiến trúc cổ của Việt Nam.

– Hình minh hoạ hướng dẫn cách chép hoạ tiết trang trí dân tộc (Đồ dùng dạy học MT6).

– Phóng to một số hoạ tiết làm mẫu.

– Hình mẫu các bước chép một hoạ tiết dân tộc.

Lựa chọn phương pháp dạy học trọng tâm

– Phương pháp trực quan.

– Phương pháp vấn đáp gợi mở.

– Phương pháp luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– GV giới thiệu một vài hoạ tiết trang trí ở các công trình kiến trúc (đình, chùa), hoạ tiết ở trang phục của các dân tộc để HS thấy được sự phong phú của nền văn hoá Việt Nam và tài hoa của các nghệ nhân.

– Cho HS xem các hoạ tiết đã chuẩn bị và hoạ tiết ở trang 75 SGK, yêu cầu các em quan sát, tìm hiểu về hình dáng, đặc điểm và vẻ đẹp của các hoạ tiết.

– GV nêu câu hỏi định hướng:

+ Tên hoạ tiết, hoạ tiết này được trang trí ở đâu?

+ Hình dáng chung của hoạ tiết? (hình tròn, hình vuông, hình tam giác)

+ Bố cục? (đối xứng, xen kẽ, nhắc lại)

+ Hình vẽ? (hoa lá, chim muông...)

+ Đường nét? (mềm mại, khoẻ khoắn...)

– GV có thể giới thiệu một số vật phẩm có hoạ tiết trang trí đẹp của địa phương như: bình, đĩa, thổ cẩm... để HS thấy được cách sử dụng hoạ tiết.

– GV tóm tắt phần này để HS nhận biết được vẻ đẹp đa dạng và ứng dụng rộng rãi của các hoạ tiết dân tộc.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ HOẠ TIẾT

– GV giới thiệu và chỉ dẫn cách vẽ qua đồ dùng dạy học (ĐDDH), sau đó yêu cầu HS xem phần II trang 74 SGK để tìm hiểu kĩ hơn cách chép hoạ tiết.

– GV có thể vẽ bảng minh hoạ cách vẽ qua các bước:

+ Vẽ đường chu vi bao quanh hoạ tiết bằng hình tròn, hình chữ nhật...

+ Nhìn mẫu, vẽ phác các mảng hình chính trong chu vi hình vừa vẽ;

+ Nhìn mẫu, vẽ các nét chi tiết cho đúng;

+ Vẽ màu theo ý thích; tô màu kín hoạ tiết và nền.

– Nếu thời gian cho phép, GV giới thiệu thêm cách vẽ hoạ tiết khác trên bảng để củng cố mở rộng bài, đồng thời giúp HS nhìn thấy cách vẽ rõ ràng, sinh động hơn.

– Cho HS xem một số bài vẽ đẹp của HS lớp trước để các em tham khảo cách vẽ.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– GV giao nhiệm vụ cho HS.

+ Tự chọn một hoạ tiết ở SGK hay hoạ tiết khác sưu tầm được để chép.

+ Xác định hình hoạ tiết cho vừa và cân đối với khổ giấy.

+ Nhớ lại cách chép hoạ tiết như đã hướng dẫn (GV cất ĐDDH, xoá hình hướng dẫn ở trên bảng để HS tự vẽ).

+ Vẽ phác bằng bút chì trước, sau đó sửa chữa hoàn thiện hình vẽ.

+ Vẽ xong, tô màu theo ý thích.

– GV góp ý, động viên HS làm bài.

– Lưu ý:

+ Chỉ ra chỗ được, chỗ chưa được ngay ở bài vẽ của mỗi HS.

+ Bổ sung hay chỉ ra cho HS thấy vẻ đẹp của hình, của nét vẽ ở hoạ tiết.

– GV làm việc với HS cho đến khi gần kết thúc giờ học.

Hoạt động 4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– Chọn một số bài treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét.

– GV gợi ý định hướng nhận xét về:

+ Bố cục hình vẽ;

+ Hình hoạ tiết (Giống mẫu, chưa giống mẫu);

+ Màu sắc.

– GV nhận xét chung tiết học, động viên, khích lệ HS và xếp loại các bài được treo.

3. Bài tập về nhà

– Sưu tầm hoạ tiết trang trí và cắt dán vào giấy.

– Chuẩn bị bài sau: Đọc trước bài 2.

Bài 2. Thường thức mĩ thuật
SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT VIỆT NAM THỜI KÌ CỔ ĐẠI

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu mĩ thuật Việt Nam thời kì cổ đại.

– Hiểu thêm giá trị các công trình mĩ thuật của người Việt cổ.

– Quý trọng các công trình nghệ thuật của cha ông để lại.

II - CHUẨN BỊ

– Một số tranh ảnh, hình vẽ liên quan đến bài giảng.

– Bộ ĐDDH MT 6.

– Hình ảnh trống đồng phóng to.

– Một số bài viết về MT VN thời kì cổ đại trong cuốn *Giới thiệu trống đồng Việt Nam.*

Phương pháp dạy – học:

– Phương pháp thuyết trình kết hợp với minh hoạ tranh ảnh, vẽ bảng, giảng giải qua ĐDDH và hỏi đáp.

– Hoạt động theo nhóm.

III - TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

TÌM HIỂU MỘT SỐ NÉT CƠ BẢN CỦA MT VIỆT NAM THỜI KÌ CỔ ĐẠI.

– Chia lớp thành các nhóm theo tổ học tập.

– Yêu cầu thành viên trong nhóm đọc và xem hình minh hoạ trong SGK.

– GV nêu câu hỏi để HS trao đổi nhóm:

+ Hãy nêu một số nét sơ lược về mĩ thuật Việt Nam thời kì cổ đại?

+ Kể tên một số hiện vật mĩ thuật thời kì này?

– Dành thời gian khoảng 10 phút để HS đọc SGK và trao đổi nhóm.

– Yêu cầu đại diện các nhóm lên trả lời các câu hỏi đã trao đổi.

– GV bổ sung và giảng giải:

+ Các nhà nghiên cứu lịch sử chia thời kì đồ đá làm 2 giai đoạn:

* Thời kì đồ đá cũ:

Các hiện vật thuộc thời kì đồ đá cũ được các nhà khảo cổ học phát hiện ở di chỉ Núi Đọ (Thanh Hoá).

* Thời kì đồ đá mới:

Các hiện vật thuộc thời kì đồ đá mới được phát hiện với nền Văn hoá Bắc Sơn (miền núi phía Bắc) và Quỳnh Văn (đồng bằng ven biển miền Trung) ở nước ta.

+ Thời kì đồ đồng được các nhà nghiên cứu lịch sử chia làm bốn giai đoạn từ thấp tới cao là: Giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên, giai đoạn văn hoá Đồng Đậu, giai đoạn văn hoá Gò Mun và giai đoạn văn hoá Đông Sơn.

– GV nhấn mạnh: Các di sản văn hoá của các thời kì này nổi bật là trống đồng của giai đoạn văn hoá Đông Sơn đạt tới đỉnh cao về chế tác và nghệ thuật trang trí của người Việt cổ.

– GV kết luận: Các hiện vật do các nhà khảo cổ học phát hiện ở các thời kì văn hoá nêu trên cho thấy Việt Nam là một trong những cái nôi phát triển văn hoá của loài người. Nghệ thuật cổ đại Việt Nam có sự phát triển liên tục, trải dài qua nhiều thế kỉ và đã đạt được những đỉnh cao trong sáng tạo.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU HÌNH VẼ MẶT NGƯỜI TRÊN VÁCH HANG ĐỒNG NỘI (HOÀ BÌNH)

– GV yêu cầu HS quan sát các hình vẽ trong SGK để tìm hiểu:

+ Các hình vẽ này được vẽ cách đây khoảng một vạn năm (10.000), đây là những bức vẽ được phát hiện sớm nhất ở Việt Nam thuộc nghệ thuật thời kì đồ đá (Nguyên thuỷ).

+ Người vẽ đã thể hiện ý tưởng bằng cách khắc vào vách đá ngay gần cửa hang ở độ cao khoảng 1,5m... vừa với tầm mắt và tầm tay con người.

– GV yêu cầu HS quan sát kĩ hình vẽ và nhấn mạnh các điểm sau:

+ Trong nhóm hình mặt người, có thể phân biệt nam, nữ qua nét mặt và kích thước. Hình phía bên ngoài có khuôn mặt thanh tú, thể hiện chất nữ giới. Hình ở giữa có khuôn mặt vuông chữ điền, lông mày rậm, miệng rộng thể hiện chất nam giới...

+ Các mặt người đều có sừng cong ra hai bên như những nhân vật được hoá trang, một biểu tượng mà người nguyên thuỷ thờ cúng.

+ Hình mặt người được diễn tả với góc nhìn chính diện, đường nét hình rõ ràng, dứt khoát nhưng mềm mại.

+ Các nét vẽ được khắc trên vách đá sâu khoản 2cm, các nét vẽ này có thể được vẽ từ các công cụ bằng đá hoặc mảnh gốm thô.

+ Các hình vẽ được sắp xếp bố cục cân xứng, tỷ lệ hợp lí tạo được cảm giác thuận mắt, hài hoà.

– GV mở rộng thêm:

Về nghệ thuật thời kì này, chúng ta còn phải biết đến những viên đá cuội có khắc hình mặt người được tìm thấy ở Na Ca (Thái Nguyên) và các công cụ sản xuất như rìu đá, chày và bàn nghiền được tìm thấy ở Phú Thọ, Hoà Bình...

Hoạt động 3
TÌM HIỂU MỘT VÀI NÉT VỀ THỜI KÌ ĐỒ ĐỒNG

– GV lưu ý HS nhớ lại những nét chính trong nội dung đã thảo luận về thời kì đồ đồng và nhấn mạnh các điểm sau:

+ Sự xuất hiện của kim loại (thay cho đồ đá), đầu tiên là đồng, sau đó là sắt, đã làm thay đổi cơ bản xã hội thời kì cổ đại Việt Nam, nó thể hiện sự chuyển dịch từ hình thái xã hội Nguyên thủy sang hình thái xã hội văn minh.

+ Căn cứ vào kết quả nghiên cứu về mức độ sử dụng đồng và trình độ kĩ thuật đúc đồng của người Việt thời kì này, các nhà khảo cổ học đã xác định ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ có ba giai đoạn văn hoá phát triển kế tiếp nhau (gọi là văn hoá Tiền Đông Sơn), đó là: văn hoá Phùng Nguyên, văn hoá Đồng Đậu và văn hoá Gò Mun.

+ Tiếp theo nền văn hoá Tiền Đông Sơn là nền văn hoá Đông Sơn, nền văn hoá này nằm ở lưu vực sông Hồng (tồn tại trong thế kỉ thứ I trước Công nguyên và thời kì đầu Công nguyên). Địa bàn của văn hoá Đông Sơn rất rộng bao gồm cả miền Bắc và một số vùng như Sa Huỳnh (miền Trung) và Óc Eo (miền Nam).

GV hướng dẫn HS tìm hiểu mĩ thuật thời kì đồ đồng:

+ *Đồ đồng*

– Ở thời kì này, đồ đồng gồm các công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt và vũ khí như rìu, thạp, dao găm.

– Đồ đồng thời kì này được trang trí đẹp và tinh tế, người Việt cổ đã biết phối, kết hợp nhiều kiểu hoa văn, phổ biến là sông nước, bện thừng và hình chữ S để trang trí trên các công cụ và đồ dùng sinh hoạt. (Tham khảo một số minh hoạ trong SGK).

+ *Trống đồng Đông Sơn.*

– Đông sơn là địa danh một huyện thuộc tỉnh Thanh Hoá, nằm bên bờ sông Mã, là nơi đầu tiên mà các nhà khảo cổ học phát hiện được một số đồ đồng, trong đó có trống đồng vào năm 1924.

– Nghệ thuật trang trí trên các trống đồng được tìm thấy ở đây rất giống với các trống đồng lớn đã tìm thấy trước đó như là trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam), ... Trống đồng Đông Sơn được coi là đẹp nhất trong các loại trống đồng tìm thấy ở Việt Nam, vẻ đẹp này thể hiện ở những nét độc đáo sau:

+ Bố cục các hình vẽ và hoa văn trên mặt trống là những vòng tròn đồng tâm chạy bao lấy ngôi sao nhiều cánh ở giữa.

+ Cách trang trí mặt trống và tang trống (thân trống) là sự kết hợp giữa hoa văn hình học và chữ S với các hoạt động của con người, chim, thú, cách trang trí được phối hợp rất hợp lí, thuận mắt.

+ Những hoạt động tập thể của con người đều thống nhất chuyển động ngược chiều kim đồng hồ cùng với vòng quay của trái đất.

+ Hoa văn diễn tả theo lối hình học hoá, nhất quán trong toàn thể các hình trang trí ở trống đồng.

– GV kết luận.

+ Nét nổi bật của nghệ thuật trong thời kì văn hoá Đông Sơn là hình ảnh con người chiếm vị trí chủ đạo trong thế giới của muôn loài (các hình

trang trí trên trống đồng như cảnh giã gạo, chèo thuyền, các chiến binh và vũ nữ...).

+ Sự phong phú, đa dạng của các di sản văn hoá được tìm thấy qua các thời kì đã chứng minh Việt Nam có một nền nghệ thuật cổ rất đặc sắc, liên tục phát triển mà đỉnh cao là nghệ thuật Đông Sơn.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT– ĐÁNH GIÁ

– GV yêu cầu HS nhắc lại bằng cách trả lời câu hỏi để ghi nhớ kiến thức về thời kì đồ đá, đồ đồng và nghệ thuật trang trí trên trống đồng Đông Sơn:

+ Nêu những nét tiêu biểu của thời kì đồ đá?

+ Nêu những nét tiêu biểu của thời kì đồ đồng và những nét đặc sắc của trống đồng Đông Sơn?

– GV kết luận chung:

+ Nghệ thuật Việt Nam thời kì cổ đại đã có sự phát triển nối tiếp, liên tục suốt một chặng đường lịch sử lâu dài, đó là một nền nghệ thuật hoàn toàn mang bản sắc dân tộc do người Việt cổ sáng tạo nên.

+ Nền MT Việt Nam thời kì cổ đại chứa đựng nhiều yếu tố mới, nó giao lưu và học hỏi và tiếp thu những tinh hoa của các nền MT khác cùng thời ở khu vực Hoa Nam, Đông Nam Á lục địa và hải đảo.

3. Bài tập về nhà

– Đọc kĩ lại bài và xem lại các tranh minh hoạ trong SGK.

– Chuẩn bị bài sau.

Vẽ theo mẫu
SƠ LƯỢC VỀ *LUẬT XA GẦN*

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu những điểm cơ bản của *Luật xa gần*.

– Biết vận dụng *Luật xa gần* để tạo không gian đơn giản trong bài vẽ theo mẫu, vẽ tranh.

II - CHUẨN BỊ

– Tranh, ảnh có lớp cảnh xa, lớp cảnh gần (cảnh biển, con đường, hàng cây, phố, nhà...).

– Tranh và các bài vẽ thể hiện rõ *Luật xa gần*.

– Một vài đồ vật (hình hộp, hình trụ...).

– Hình minh hoạ về *Luật xa gần* (ĐDDH MT 6).

Phương pháp giảng dạy:

– Hoạt động nhóm.

– Vấn đáp, gợi mở.

– Tự học.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

TÌM HIỂU VỀ KHÁI NIỆM "XA – GẦN"

– Yêu cầu HS đọc phần I SGK và xem hình minh hoạ trang 79 để tìm hiểu khái niệm về xa và gần.

– GV giới thiệu một bức tranh hay ảnh có hình ảnh rõ về "xa – gần" và gợi ý để HS quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:

+ Vì sao hình này lại to, rõ hơn hình kia (cùng loại)?

+ Vì sao hình con đường (hay dòng sông) ở chỗ này lại to, chỗ kia lại nhỏ dần?

– GV đưa tiếp một vài đồ vật: hình lập phương, cái bát, cái cốc... để ở vị trí khác nhau và gợi ý để HS quan sát và thấy được sự thay đổi hình dáng của mọi vật khi nhìn ở khoảng cách xa, gần khác nhau.

+ Vì sao hình mặt hộp khi là hình vuông, khi là hình bình hành?

+ Vì sao hình miệng cốc, bát lúc là hình tròn, lúc là hình bầu dục (e – líp), khi lại chỉ là đường cong hay thẳng?

– Sau khi HS quan sát và trả lời, GV nhấn mạnh:

+ Mọi vật sẽ thay đổi khi ta nhìn ở xa hoặc nhìn ở gần.

+ Vật cùng loại, có cùng kích thước khi nhìn ở xa hoặc nhìn ở gần ta sẽ thấy:

* ở gần: hình to, cao, rộng và rõ hơn.

* ở xa: hình nhỏ, thấp, hẹp và mờ hơn.

* Vật ở phía trước che vật ở phía sau.

+ Mọi vật thay đổi hình dáng khi nhìn ở các góc độ (vị trí) khác nhau, trừ hình cầu nhìn ở góc độ nào cũng luôn luôn tròn.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU NHỮNG ĐIỂM CƠ BẢN CỦA LUẬT XA GẦN

* ***Đường tầm mắt*** *(hay đường chân trời):*

– GV giới thiệu hình ở ĐDDH và hình minh hoạ ở trang 80, 81 SGK, yêu cầu HS quan sát kĩ để trả lời câu hỏi gợi ý:

+ Các hình này có đường nằm ngang không?

+ Vị trí của các đường nằm ngang như thế nào?

– Sau khi HS trả lời GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Khi đứng trước cảnh rộng như biển, cánh đồng, ta cảm thấy có đường nằm ngang ngăn cách giữa nước và trời; giữa trời và đất. Đường nằm ngang đó chính đường chân trời.

+ Đường này ngang với tầm mắt của người nhìn, nên còn gọi là *Đường tầm mắt* (viết tắt là TM).

+ Vị trí của đường TM có thể thay đổi phụ thuộc vào vị trí của người nhìn cảnh.

– GV đặt hình hộp, hình trụ ở vài vị trí khác nhau để HS quan sát và trả lời câu hỏi:

– Hình dáng của các vật trên sẽ như thế nào khi đặt dưới đường TM?

– Hình dáng của các vật trên sẽ như thế nào khi đặt trên đường TM?

– Hình dáng của các vật trên sẽ như thế nào khi đặt ngang đường TM?

*** *Điểm* tụ:**

– Yêu cầu HS tiếp tục quan sát hình 5 trang 81 SGK và một số tranh, ảnh để tìm hiểu:

+ Các đường song song với mặt đất như: Các cạnh hình hộp, tường nhà, đường tàu hoả... hướng về chiều sâu thì càng xa, càng thu hẹp và cuối cùng tụ lại một điểm tại đường TM.

+ Các đường song song ở dưới thì chạy hướng lên đường TM; các đường ở trên thì chạy hướng xuống đường TM.

– GV kết luận:

+ Điểm gặp nhau của các đường song song hướng về phía đường TM gọi là *Điểm tụ* (viết tắt là ĐT).

+ Những đồ vật có hình hộp, khi quan sát ở vị trí chéo góc sẽ có nhiều điểm tụ.

Hoạt động 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– GV củng cố bài bằng cách gọi 2 HS lên bảng:

+ Một HS vẽ một hình hộp trên đường tầm mắt, sau đó vẽ các điểm tụ.

+ Một HS vẽ một hình hộp dưới đường tầm mắt, sau đó vẽ các điểm tụ.

+ HS còn lại dưới lớp chia làm hai nhóm và tập vẽ tương tương tư như hai HS trên bảng.

– GV cùng HS đánh giá hình vẽ của hai HS vẽ trên bảng.

– Chọn một số bài vẽ đúng để biểu dương khen ngợi, góp ý chỉnh sửa những bài vẽ chưa đúng.

3. Bài tập về nhà

– Xem lại mục II của *Bài 3* trong SGK.

– Chuẩn bị một số đồ vật: chai, lọ, ca... cho bài sau.

Bài 4. Vẽ theo mẫu
CÁCH VẼ THEO MẪU

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu khái niệm *Vẽ theo mẫu* và cách tiến hành bài vẽ theo mẫu ở mức độ cao hơn so với Tiểu học.

– Biết vận dụng những kiến thức đã học vào các bài vẽ theo mẫu.

– Biết tạo ra cái đẹp trong các bài vẽ theo mẫu.

II - CHUẨN BỊ

– ĐDDH MT 6.

– Tranh minh hoạ cách vẽ mẫu khác nhau.

– Một số vật mẫu thích hợp (lọ, chai, hộp...).

– Một số bài vẽ tĩnh vật của họa sĩ, bài vẽ theo mẫu của HS.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM "VẼ THEO MẪU"

– GV treo một số tranh tĩnh vật của hoạ sĩ và một số tranh vẽ theo mẫu của HS.

– Yêu cầu HS quan sát tranh và nhớ lại.

+ Tranh tĩnh vật thường vẽ những gì?

+ Bài vẽ theo mẫu của các bạn vẽ những gì?

+ Theo em vẽ theo mẫu là gì?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Ở Tiểu học các em đã được học rất nhiều bài vẽ theo mẫu.

+ Vẽ theo mẫu là mô phỏng lại mẫu bày trước mặt bằng hình vẽ thông qua hiểu biết và tình cảm của người vẽ để diễn tả đặc điểm, hình dáng, tỉ lệ, đậm nhạt và màu sắc của vật mẫu.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CÁCH VẼ THEO MẪU

– Yêu cầu một hoặc hai HS nhắc lại *các bước vẽ theo mẫu* đã học ở Tiểu học.

– Yêu cầu HS đọc phần II SGK và xem hình minh hoạ trang 83.

– Yêu cầu HS so sánh xem cách vẽ theo mẫu đã học ở Tiểu học có gì khác, có gì giống với cách vẽ ở bài này.

– Sau khi HS nhận xét, GV bổ sung và giảng giải thêm:

Để có bài vẽ đúng và đẹp ta cần:

+ Khi vẽ theo mẫu, ta không vẽ từng bộ phận mà phải vẽ từ bao quát đến chi tiết, tức là vẽ khung hình chung của mẫu, của từng vật mẫu trước.

+ Ước lượng tỉ lệ của khung hình: so sánh chiều cao với chiều ngang của mẫu. Tuỳ theo hình dáng của mẫu, khung hình có thể là hình tam giác, tứ giác, hình tròn hay hình đa giác... (H.4 a, b, c, d, e, g, h).

+ Vẽ phác khung hình sao cho cân đối với tờ giấy, dễ nhìn, không to, nhỏ hay xô lệch quá.

+ Dựa vào hình dáng của mẫu mà vẽ hình vào tờ giấy để ngang hay dọc cho bố cục bài vẽ đẹp hơn.

+ Nếu mẫu có hai hoặc ba vật mẫu, cần vẽ phác khung hình của từng vật mẫu (H.4e).

+ Vẽ phác các nét chính.

+ Vẽ chi tiết và chỉnh sửa, hoàn chỉnh hình.

+ Vẽ đậm nhạt của mẫu và nền.

– GV giải thích thêm cho HS về khái niệm *vẽ đậm, nhạt*:

+ Vẽ đậm, nhạt làm cho mẫu có đậm, có nhạt, có sáng, có chỗ xa, có chỗ gần, tạo cho mẫu có hình khối như đang tồn tại trong không gian mặc dù vẽ trên mặt phẳng giấy.

+ Vẽ đậm nhạt không phải là cạo chì hay dùng bút chì "di" cho bóng "nhẫy". Độ đậm, độ nhạt ở mẫu có ranh giới nhất định. ở đồ vật có các mặt phẳng như hình hộp thì đậm, nhạt có ranh giới rõ ràng. Ngược lại, ở đồ vật có mặt cong như hình trụ, hình cầu thì độ đậm, nhạt chuyển tiếp mềm mại hơn. Ở những nơi trực tiếp nhận ánh sáng và nơi ánh sáng chiếu chếch (xiên) đều có độ đậm, nhạt khác nhau.

+ Các đồ vật khác nhau về chất liệu thì độ đậm, nhạt cũng không như nhau:

* Các đồ vật bằng gỗ, bằng sành, thì có màu đậm hơn.

* Các đồ vật nhẵn, sáng thì độ đậm nhẹ, mềm hơn.

+ Diễn chất là tả được chất của màu. Diễn tả đậm, nhạt bằng chì đen nhưng làm cho người ta nhận ra đó là gỗ, thạch cao hay thuỷ tinh... thấy được nó xù xì, khô, xốp hay mềm mại...(GV giới thiệu một số bài vẽ để HS hiểu rõ khái niệm).

– GV hướng dẫn thêm về cách vẽ đậm, nhạt:

+ Quan sát mẫu, tìm hướng chiếu sáng, phân biệt phần sáng, tối chính ở mẫu.

+ Vẽ phác các mảng hình đậm, nhạt theo cấu trúc của mẫu: theo chiều thẳng, cong, nghiêng, chếch như hình dáng của nó.

+ Nhìn mẫu vẽ và so sánh mức độ đậm, nhạt của các mảng: đậm nhất, đậm vừa, nhạt và sáng. Độ đậm của màu không phải là độ đen nhất của chì. Tuỳ theo vật mẫu là gỗ, sành, thạch cao hay thuỷ tinh mà quyết định độ đậm nhạt của chì.

+ Diễn tả mảng đậm trước, từ đó so sánh tìm ra các độ đậm vừa, nhạt cho phù hợp.

+ Diễn tả đậm, nhạt bằng các nét đậm, nhạt, dày, thưa đan xen vào nhau theo cấu trúc của mẫu (thẳng đứng, xiên, cong).

Hoạt động 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– GV đặt câu hỏi theo nội dung Hoạt động để kiểm tra nhận thức của HS.

– Nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Xem mục II của *Bài 4* trong SGK.

– Chuẩn bị bài sau: Cách vẽ tranh đề tài.

Bài 5. Vẽ tranh

CÁCH VẼ TRANH ĐỀ TÀI

I - MỤC TIÊU

– Mở rộng hiểu biết về đề tài và cách vẽ tranh đề tài.
– Biết cách vẽ tranh đề tài theo yêu cầu của bài.
– Cảm nhận được vẻ đẹp của tranh đề tài.

II - CHUẨN BỊ

– Một số tranh đề tài của hoạ sĩ.

– Một số tranh đề tài của HS (cả tranh tốt và chưa tốt).

Phương pháp giảng dạy

– Phương pháp trực quan.

– Phương pháp vấn đáp.

– Phương pháp luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh mẫu hoặc một trò chơi đơn giản để giới thiệu bài cho phù hợp và sinh động, hấp dẫn.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

– GV dùng tranh mẫu yêu cầu HS xem và tìm hiểu các bức tranh vẽ về nội dung gì.

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung và giảng giải để HS nhớ lại:

Trong cuộc sống có nhiều các hoạt động có thể vẽ thành tranh, những hoạt động đó đều mang nội dung nhất định, ta có thể gọi các nội dung đó là các đề tài để vẽ tranh. Chúng ta có thể lựa chọn đề tài và thể hiện thành tranh bằng khả năng và ý thích của mình theo sự quan sát được, cảm nhận được cái hay, cái đẹp ở sự sắp xếp hình ảnh, màu sắc để làm rõ nội dung.

– GV yêu cầu HS xem và tìm các tranh khác nhau như: tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật, tranh sinh hoạt, tranh lịch sử…

– GV cho HS xem thêm tranh cùng một đề tài nhưng có những cách thể hiện nội dung khác nhau. Ví dụ: đề tài nhà trường có thể vẽ tranh: giờ ra chơi, buổi lao động, học nhóm, cắm trại... Cùng đề tài phong cảnh nhưng có thể vẽ cảnh miền núi, cảnh biển, cảnh đường phố.

– GV giới thiệu thêm cho HS một số tranh của các hoạ sĩ trong nước và thế giới, những bức tranh dân gian Đông Hồ, Hàng Trống để HS hiểu

được sự phong phú của nội dung và cách thể hiện các đề tài qua các thể loại tranh như: tranh sinh hoạt, tranh phong cảnh, tranh chân dung, tranh tĩnh vật...

– GV kết luận: Muốn vẽ được và vẽ đẹp bức tranh đề tài các em cần:

+ Có nhiều nội dung để lựa chọn trong một đề tài;

+ Cần chọn nội dung gần gũi, dễ vẽ;

+ Không nên chọn nội dung mà mình chưa biết rõ.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ

Bước 1: Tìm hình ảnh và sắp xếp bố cục (xếp đặt mảng chính, mảng phụ) – GV chỉ dẫn để HS biết muốn thể hiện được nội dung cần phải vẽ những hình ảnh gỡ, các hình ảnh đó có hình dáng như thế nào. Thể hiện hoạt động gì, cảnh vật xung quanh như thế nào, vẽ ở đâu (trong nhà, ngoài cánh đồng, làng bản, thành phố, nhà trường...); hình ảnh nào sẽ là hình ảnh chính của bức tranh, hình ảnh nào sẽ là hình ảnh phụ hỗ trợ để làm cho nội dung phong phú hơn.

Hình ảnh chính, phụ thường được quy vào các mảng to, nhỏ để làm rõ trung tâm của tranh. Cụ thể là: sắp xếp hình mảng không lặp lại, không đều nhau, cần có các mảng trống (như nền trời, đất) sao cho bố cục không chật chội hoặc quá trống, dàn trải, có gần, có xa.

– GV cần chỉ ra các mảng chính, mảng phụ trên bức tranh cụ thể để HS hình dung rõ ràng hơn khái niệm thế nào là "Sắp xếp".

Bước 2: Vẽ phác hình

– Vẽ phác các mảng chính, mảng phụ.

– Dựa vào các mảng hình đã phác để vẽ các hình dáng cụ thể (con người, cảnh vật...).

– Chỉnh sửa các hình vẽ cho cân đối, phù hợp.

– Lưu ý HS:

+ Hình dáng nhân vật nên có sự khác nhau, có dáng tĩnh, dáng động.

+ Các nhân vật trong tranh cần phải có to, có nhỏ, có xa, có gần, hợp lí, thống nhất và gắn với nội dung.

– Nên vẽ đơn giản có chọn lọc hình ảnh, không tham vẽ nhiều thứ quá.

Bước 3: Vẽ màu

– Lựa chọn cách vẽ màu cho phù hợp với nội dung.

– Màu sắc trong tranh có thể rực rỡ hoặc êm dịu, tuỳ theo đề tài và cảm xúc của người vẽ.

– Chú ý phối hợp màu giữa người và khung cảnh, màu nền.

– Tranh được vẽ bằng các chất liệu khác nhau (tuỳ theo điều kiện và ý thích) như chì, sáp màu, bút dạ, màu nước, màu bột...

Hoạt động 3

NHẬN XÉT– ĐÁNH GIÁ

– Gợi ý để HS so sánh về cách vẽ tranh đề tài THCS có gì giống nhau và có gì khác so với vẽ tranh đề tài ở TH.

– Yêu cầu một HS nhắc lại cách vẽ tranh đề tài để cả lớp ghi nhớ.

– GV nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Hoàn thành bài tập ở lớp.

– Chuẩn bị bài sau.

Bài ***6.*** **Vẽ trang trí**
CÁCH SẮP XẾP (BỐ CỤC) TRONG TRANG TRÍ

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu cách trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng.

– Phân biệt được sự khác nhau giữa trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng.

– Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài *Vẽ trang trí*.

II - CHUẨN BỊ

– Một số đồ vật thật: ấm, chén, khăn vuông... có hoạ tiết trang trí đẹp.

– Một số tranh, ảnh về trang trí nội, ngoại thất (phòng ở, phòng làm việc) và đồ vật thông dụng.

– Một số bài trang trí của HS các năm trước.

– Thước, giấy, chì, tẩy, màu vẽ.

Phương pháp giảng dạy

– Trực quan.

– Vấn đáp.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh mẫu hoặc một trò chơi đơn giản để giới thiệu bài cho phù hợp và sinh động, hấp dẫn.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– Yêu cầu HS đọc phần I SGK và xem hình minh hoạ trang 89 để tìm hiểu bài.

– Yêu cầu HS sau khi đọc SGK và xem hình minh hoạ thì trả lời câu hỏi: Theo em thế nào là cách sắp xếp trong trang trí?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung và mở rộng kiến thức: Giới thiệu một vài hình ảnh về cách sắp xếp nội, ngoại thất, trang trí hội trường, ấm, chén, tủ, sách vở, lọ hoa... để HS thấy được sự đa dạng trong bố cục trang trí.

– GV nêu yêu cầu của trang trí là tạo cho mọi vật đẹp (có bố cục hợp lí, sử dụng màu sắc hài hoà...).

– GV chỉ dẫn một vài cách sắp xếp trong trang trí (H.2, trang 90, SGK):

+ Cách sắp xếp nhắc lại;

+ Cách sắp xếp xen kẽ;

+ Cách sắp xếp đối xứng;

+ Cách sắp xếp tự do.

– GV nhắc HS khi quan sát các hình trang trí cần tìm hiểu:

+ Các mảng hình to, nhỏ có hợp lí không; các khoảng trống của nền có làm ảnh hưởng đến bố cục chung không;

+ Cách sắp xếp các mảng có bị dày đặc hoặc thưa, dàn trải quá không;

+ Các hoạ tiết giống nhau có vẽ bằng nhau, và vẽ cùng một màu, cùng độ đậm, nhạt không;

+ Bài vẽ dùng ít màu hay nhiều màu;

+ Màu sắc có phù hợp với nội dung không.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH TRANG TRÍ CÁC HÌNH CƠ BẢN

– GV nêu câu hỏi gợi ý để HS tìm hiểu bài:

+ Hãy nêu một số cách sắp xếp trong trang trí?

+ Hãy nêu cách làm bài trang trí cơ bản?

– Yêu cầu HS đọc phần II và phần III SGK và xem hình minh hoạ trang 90, 91 để tìm hiểu nội dung bài.

– GV cho HS xem một số bài trang trí cơ bản và ứng dụng để mở rộng kiến thức: Hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, cái hộp (hình vuông), cái thảm (hình chữ nhật), cái đĩa (hình tròn).

– Yêu cầu một hoặc hai HS lời các câu hỏi nêu trên.

– GV bổ sung và nhấn mạnh thêm: Cách trang trí cơ bản gồm các bước:

+ Kẻ trục dọc, trục chéo, trục ngang... (kẻ trục để vẽ cho các mảng đều nhau);

+ Tìm các mảng để sắp xếp hoạ tiết;

+ Tìm hoạ tiết phù hợp với các mảng;

+ Sắp xếp hoạ tiết vào mảng;

+ Tìm và vẽ màu để bài vẽ hài hoà, rõ trọng tâm.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– GV nêu yêu cầu của bài tập:

+ Tập sắp xếp mảng hình cho 2 hình vuông cạnh 10cm hoặc 15cm.

+ Tìm và vẽ hoạ tiết, vẽ màu cho một trong 2 hình đó.

– GV gợi ý HS vẽ các mảng hình khác nhau ở mỗi hình vuông (kẻ trục và vẽ có mảng to, mảng nhỏ).

– Sau khi tìm được mảng hình của cả 2 hình vuông, HS tự nhận xét và chọn một hình ưng ý để vẽ họa tiết và vẽ màu.

– Trong khi HS làm bài, GV đến từng bàn để quan sát và hướng dẫn thêm khi thấy cần.

Hoạt động 4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– Chọn một số bài treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét, đánh giá.

– Gợi ý HS nhận xét đánh giá theo những yêu cầu sau:

+ Cách chia mảng hợp lí, chưa hợp lí.

+ Cách chọn hoạ tiết, cách sắp xếp hoạ tiết.

+ Cách vẽ màu phù hợp, chưa phù hợp.

– Cùng HS đánh giá, xếp loại các bài vẽ.

– Nhận xét chung tiết học.

– GV khen ngợi những HS làm bài tốt.

3. Bài tập về nhà

Làm bài tập theo SGK và chuẩn bị bài sau.

Bài 7. Vẽ theo mẫu
MẪU CÓ DẠNG HÌNH HỘP VÀ HÌNH CẦU
(Vẽ hình)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu cấu trúc của hình hộp, hình cầu và sự thay đổi hình dáng, tỉ lệ của chúng khi quan sát ở các vi trí khác nhau, tầm mắt khác nhau.

– Biết cách vẽ đồ vật có dạng hình hộp, hình cầu.

– Vẽ được hình hộp và hình cầu theo mẫu.

– Cảm nhận vẻ đẹp của mẫu và vẻ đẹp trên bài vẽ.

II - CHUẨN BỊ

– Hình minh họa ở ĐDDH MT 6.

– Mẫu vẽ:

+ Hình lập phương mỗi cạnh khoảng 15 cm, màu trắng (nếu có).

+ Một quả bóng: đường kính khoảng 10 cm, màu đậm (nếu có).

+ Hình hộp: kích thước khoảng 20 cm × 14 cm × 5 cm, quét màu trắng.

+ Một quả (trái cây) có dạng hình cầu: đường kính khoảng 6 cm, màu đậm.

+ Một số bài vẽ của HS.

Phương pháp dạy – học

– Phương pháp trực quan.

– Phương pháp vấn đáp gợi mở.

– Phương pháp luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH **BÀI** DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng vật mẫu hoặc tổ chức một trò chơi đơn giản để lôi cuốn HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT MẪU

– GV bày mẫu và đặt thay đổi vị trí của từng vật mẫu để HS quan sát, nhận xét và tìm ra khi các vật mẫu đặt ở vị trí nào thì bố cục hợp lí.

– Có thể cho một hoặc hai HS lên bảng tự bày mẫu để các bạn góp ý.

– GV gợi ý cách đặt mẫu qua hình vẽ:

+ Đặt hình hộp sau hình cầu, nhìn chính diện (H.3a).

+ Nếu đặt hình hộp cách xa hình cầu và thẳng hàng ngang (H.3b). Ở góc độ nhìn như hình 3a, b bố cục bài vẽ không đẹp.

+ Đặt hình hộp nhìn thấy ba mặt, hình cầu ở phía trước (H.3c).

+ Hình hộp đặt chếch, hình cầu ở trên hình hộp (H.3d).

+ Đặt ở góc độ nhìn như hình 3c, d bố cục bài vẽ sẽ rõ, đẹp hơn.

– Sau khi chọn được cách đặt mẫu hợp lí, GV cho HS quan sát và nhận xét mẫu vẽ:

+Tìm tỉ lệ của khung hình chung (chiều cao so với chiều ngang).

+Tìm tỉ lệ của khung hình riêng của từng vật mẫu.

+ So sánh, nhận xét độ đậm nhạt chung của mẫu và so sánh độ đậm, nhạt riêng của từng vật mẫu.

– GV hỏi một số HS và điều chỉnh bổ sung để HS biết cách quan sát và nắm được hình dáng, tỉ lệ và đặc điểm của vật mẫu trước khi vẽ.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ

– GV nhắc HS cách vẽ bài này cũng tiến hành theo trình tự như đã hướng dẫn ở *Bài* 4, cụ thể là:

+ Xác định tỉ lệ khung hình chung và vẽ phác vào tờ giấy cho cân đối;

+ Xác định chiều cao của mẫu từ góc cao phía trong của mặt hộp đến điểm đặt của hình cầu (H.3c); hoặc từ đỉnh hình cầu đến góc đáy thấp của hình hộp (H.3d).

+ Xác định chiều ngang của mẫu từ cạnh xa hình hộp đến thành hình cầu (H. 3c); hoặc là khoảng cách của hai cạnh xa của hình hộp (H. 3d).

+ Vẽ phác khung hình riêng của hình hộp và hình cầu.

Chú ý đối chiếu theo chiều ngang và dọc để có tỉ lệ đúng.

+ Tìm tỉ lệ các bộ phận rồi vẽ phác các nét chính.

+ Sửa chữa hình, vẽ đậm, nhạt đơn giản.

– GV nhắc HS lưu ý:

+ Quan sát kĩ độ chếch của hai mặt bên cạnh hộp chạy vào chiều sâu.

+ Quan sát mẫu, so sánh điều chỉnh tỉ lệ chung và tỉ lệ các bộ phận cho cân đối, phù hợp.

+ Vẽ đậm, nhạt theo các mảng lớn, cần vẽ đơn giản (ba mức độ: đậm, đậm vừa, nhạt).

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HÀNH VẼ

– Yêu cầu 1 hoặc 2 HS nhắc lại các điểm cơ bản khi quan sát và các điểm cơ bản khi tiến hành vẽ.

– GV nhấn mạnh các yêu cầu quan trọng trước khi cho HS vẽ:

+ Ước lượng tỉ lệ và vẽ khung hình vào tờ giấy.

+ Ước lượng tỉ lệ các bộ phận và vẽ phác nét chính.

+ Vẽ nét chi tiết, vẽ đậm, nhạt và hoàn thành bài vẽ.

– GV đến từng bàn quan sát và giúp đỡ HS làm bài.

Hoạt động 4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– Chọn và treo một số bài có tình huống để nhận xét đánh giá.

– Gợi ý cho HS nhận xét, đánh giá về:

+ Sắp xếp bố cục;

+ Nét vẽ, hình vẽ và đậm, nhạt.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét, đánh giá.

– GV tóm tắt, chốt lại những ý đúng và xếp loại.

3. Bài tập về nhà

– Hoàn thành bài tập trong SGK.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài ***8.*** **Thường thức mĩ thuật**
SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT THỜI LÝ
(1010 – 1225)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu và nắm được một số nét cơ bản về MT thời Lý.

– Cảm nhận được vẻ đẹp của nền nghệ thuật này qua một số công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu.

II - CHUẨN BỊ

– Hình ảnh một số tác phẩm, công trình MT thời Lý (ĐDDH MT 6).

– Một số tranh ảnh vị MT thời Lý (sưu tầm).

– Câu hỏi thảo luận nhóm.

Phương pháp giảng dạy

– Hoạt động nhóm.

– Thuyết trình. Vấn đáp gợi mở.

– Trực quan (qua ĐDDH).

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ HOÀN CẢNH XÃ HỘI THỜI LÝ

– Chia lớp thành các nhóm (theo nhóm học tập).

– Phát câu hỏi thảo luận cho các nhóm:

+ Nhà Lý thành lập năm nào? Ai sáng lập?

+ Tại sao nhà Lý dời đô?

+ Nhà Lý dời đô vào năm nào?

+ Vua Lý Thánh Tông đặt tên nước là gì?

+ Nhà Lý đã đánh đuổi giặc ngoại xâm nào?

– Dành thời gian từ 5 đến 7 phút để HS đọc SGK và trao đổi.

– Sau khi các nhóm trả lời, GV bổ sung và nhấn mạnh các ý sau:

+ Với hoài bão xây dựng đất nước độc lập tự cường, vua Lý Thái Tổ sau khi xem xét địa linh nhân kiệt đã dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La và đổi tên là Thăng Long (Hà Nội ngày nay); sau đó, Lý Thánh Tông đặt tên nước là Đại Việt.

+ Sự cường thịnh của nhà nước Đại Việt:

* Thắng giặc Tống xâm lược, đánh Chiêm Thành.

* Có nhiều chủ trương, chính sách tiến bộ, hợp lòng dân nên kinh tế, xã hội phát triển mạnh và ổn định, kéo theo văn hoá, ngoại thương cùng phát triển.

– GV kết luận:

Dưới triều đại nhà Lý đất nước ổn định, cường thịnh, ngoại thương phát triển cộng với ý thức dân tộc trưởng thành đã tạo điều kiện để xây dựng một nền văn hoá nghệ thuật dân tộc đặc sắc và toàn diện.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ MĨ THUẬT THỜI LÝ

– GV vừa thuyết trình, vừa kết hợp với chứng minh, giảng giải thông qua hình ảnh của ĐDDH.

– Có thể đặt câu hỏi:

+ Nhìn các hình ảnh minh hoạ ở SGK, chúng ta biết được những loại hình nghệ thuật nào của MT thời Lý?

* Kiến trúc

* Điêu khắc và trang trí

* Gốm

Ngoài ra còn có hội hoạ (tranh), nhưng các tác phẩm đã bị thất lạc do thời gian, do chiến tranh và chỉ được ghi chép trong thư tịch.

+ Tại sao khi nói về MT thời Lý, chúng ta lại đề cập nhiều về nghệ thuật kiến trúc?

* Nghệ thuật kiến trúc thời Lý phát triển rất mạnh, nhất là kiến trúc cung đình và kiến trúc Phật giáo.

* Nghệ thuật điêu khắc và trang trí phát triển phục vụ cho kiến trúc.

– Sau khi HS trả lời, GV nhận xét, bổ sung những ý kiến chưa rõ hoặc còn sai về kiến thức. Dựa trên cơ sở của ĐDDH và nội dung ở SGK, GV thuyết trình, minh hoạ kết hợp với vấn đáp để bài dạy sinh động, HS dễ tiếp thu.

– GV giảng giải các nội dung sau:

*** Tìm hiểu nghệ thuật kiến trúc**

Kiến trúc cung đình (Kinh thành Thăng Long)

– Lý Thái Tổ xây dựng kinh đô Thăng Long với quy mô to lớn và tráng lệ.

– Là một quần thể kiến trúc gồm hai lớp, bên trong gọi là hoàng thành, bên ngoài gọi là kinh thành.

+ Hoàng thành là nơi ở, nơi làm việc của vua và hoàng tộc; có nhiều cung điện như điện Càn Nguyên, điện Tập Hiền, điện Giảng Võ. Ngoài ra, còn có điện Trường Xuân, điện Thiên An và điện Thiên Khánh...

+ Kinh thành là nơi ở và sinh hoạt của các tầng lớp xã hội. Đáng chú ý là các công trình:

* Phía Bắc có hồ Dâm Đàm (Hồ Tây), đền Quán Thánh, cung Từ Hoa để công chúa và các cung nữ trồng dâu, nuôi tằm và các làng hoa Nghi Tàm, Quảng Bá...

* Phía Nam có Văn Miếu – Quốc Tử Giám và các trại lính.

* Phía Đông là nơi buôn bán nhộn nhịp, có hồ Lục Thuỷ, tháp Báo Thiên; sông Hồng (thường là nơi mở hội đua thuyền).

* Phía Tây là khu nông nghiệp với nhiều trang trại trồng trọt.

* *Kiến trúc Phật giáo*

– GV chú ý nhấn mạnh: Thời Lý, nhiều công trình kiến trúc Phật giáo được xây dựng là do đạo Phật rất thịnh hành. Kiến trúc Phật giáo thường to lớn và được đặt ở nơi có cảnh quan đẹp.

– Kiến trúc Phật giáo gồm có:

+ Tháp Phật:

Tháp thời Lý là đền thờ Phật giáo, gắn với chùa. Các tháp tiêu biểu là tháp Phật Tích (Bắc Ninh), tháp Chương Sơn (Nam Định), tháp Báo Thiên (Hà Nội).

+ Chùa:

Hiện nay, chỉ còn lại một số nền móng của các ngôi chùa, song qua các thư tịch và các di vật tìm được cũng đủ khẳng định quy mô to lớn của các ngôi chùa và nghệ thuật xây dựng của các nghệ nhân thời Lý. Một số chùa tiêu biểu: chùa Một Cột (Hà Nội), chùa Phật Tích (Bắc Ninh), Chùa Dạm (Bắc Ninh), chùa Hương Lãng (Hưng Yên), chùa Long Đọi (Hà Nam)...

*** Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc và trang trí**

Tượng

– Tượng tròn thời Lý gồm những pho tượng Phật, tượng người chim, tượng Kim Cương và tượng thú. Có hai đặc điểm cần lưu ý:

+ Nhiều pho tượng có kích thước lớn (như tượng Phật A-di-đà, tượng thú, tượng người chim ở chùa Phật Tích).

+ Các pho tượng đã thể hiện sự tiếp thu nghệ thuật của các nước láng giềng, sự gìn giữ bản sắc dân tộc độc đáo và đã chứng minh tài năng tạc tượng đá tuyệt vời của các nghệ nhân thời Lý.

– GV dựa vào ĐDDH và các hình ảnh trong SGK để chứng minh các nhận xét trên.

Chạm khắc trang trí

– Các tác phẩm chạm khắc trang trí là những bức phù điêu đá, gỗ để trang trí cho các công trình kiến trúc.

– Một số đặc điểm GV cần lưu ý khi trình bày:

+ Hình Rồng thời Lý

– Hình Rồng thời Lý không giống với hình vẽ rồng của các thời đại Trung Quốc. Rồng là hình tượng trang trí rất phổ biến trong hình lá đề, trong cánh hoa sen, ở bệ tượng, trong cánh cửa đền, chùa... Rồng thời Lý luôn được thể hiện trong dáng dấp hiền hoà, mềm mại, không có cặp sừng trên đầu; luôn có hình chữ "S" – một biểu hiện cầu mưa của cư dân nông

nghiệp trồng lúa nước. Rồng thời Lý mình tròn, thân lẳn, khúc uốn lượn nhịp nhàng theo kiểu thắt túi từ to đến nhỏ dần về phía sau. (Phân tích trên ĐDDH, nếu có điều kiện thì GV vẽ nét tượng trưng trên bảng).

+ Hoa văn hình "móc câu"

– Các nghệ nhân sử dụng hoa văn hình "móc câu' như một thứ hoa văn "vạn năng". Chỉ một thứ hoa văn ấy đã tạo nên nhiều bộ phận cho một con sư tử, con rồng hoặc những hoạ tiết về mây, hoa lá trên các con vật, trên quần áo giáp trụ của tượng Kim Cương...

*** Tìm hiểu nghệ thuật gốm**

– Gốm là sản phẩm chủ yếu phục vụ đời sống con người, gồm có: bát, đĩa, ấm chén, bình rượu, bình cắm hoa...

– Thời Lý đã có các trung tâm sản xuất gốm nổi tiếng như Thăng Long, Bát Tràng, Thổ Hà, Thanh Hoá...

– Gốm thời Lý có những đặc điểm sau:

+ Chế tác được gốm men ngọc, men da lươn, men lục, men trắng ngà.

+ Xương gốm mỏng, nhẹ; nét khắc chìm, men phủ đều. Hình dáng thanh thoát, trau chuốt và mang vẻ đẹp trang trọng.

Hoạt động 3
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– Sau khi giới thiệu, chứng minh một số loại hình nghệ thuật thời Lý, GV đặt câu hỏi để HS nhận xét chung về MT thời Lý:

+ Các công trình kiến trúc thời Lý như thế nào? (Có quy mô to lớn, đặt tại các nơi có địa hình thuận lợi, đẹp và thoáng đãng, phong cảnh sơn thuỷ hữu tình. Ví dụ như: chùa Phật Tích, Chùa Dạm ở Bắc Ninh, chùa Một Cột ở Hà Nội...).

+ Vì sao kiến trúc Phật giáo thời Lý phát triển? (Đạo Phật được đề cao, sớm giữ địa vị quốc giáo vì các vua quan nhà Lý rất sùng đạo Phật.)

+ Em có nhận xét gì về nghệ thuật điêu khắc thời Lý? (Tượng tròn và phù điêu: Có nhiều tượng và phù điêu bằng đá, nghệ thuật chạm khắc tinh vi trau chuốt. Ví dụ như tượng Phật A-di-đà ở chùa Phật Tích, trụ rồng ở kinh thành Thăng Long, tượng sư tử chùa Bà Tấm ở Hà Nội...).

+ Đồ gốm thời Lý đã được sáng tạo như thế nào? (Đã có các trung tâm sản xuất nổi tiếng, chế tác được các loại men gốm quý như men ngọc, men trắng ngà, men da lươn..., hình dáng gốm thanh thoát và trang trọng).

– GV tóm tắt bài một cách ngắn gọn.

3. Bài tập về nhà

– Đọc và học theo hướng dẫn ở SGK.
– Tìm và sưu tầm tranh ảnh liên quan đến MT thời Lý.
– Chuẩn bị bài sau (đọc và chuẩn bị theo bài tập).

Bài 9. Vẽ tranh
ĐỀ TÀI HỌC TẬP

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu nội dung đề tài học tập.
– Biết cách vẽ tranh đề tài học tập, vẽ được tranh vị đề tài học tập.
– Biết tạo vẻ đẹp cho tranh đề tài học tập.

II - CHUẨN BỊ

– Bộ tranh về đề tài *Học tập* (ĐDDH MT 6).
– Một số tranh về đề tài học tập của HS.

Phương pháp giảng dạy

– Phương pháp trực quan.
– Phương pháp vấn đáp gợi mở.
– Phương pháp luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, phù hợp.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

– GV gợi ý để HS thấy rằng đề tài này rất phong phú, cùng một nội dung HS có thể vẽ nhiều hoạt động khác nhau (xem H.I,2 – *Bài* 9, SGK).

– Gợi ý để HS nhớ lại các hoạt động học tập mà mình đã tham gia, đã chứng kiến.

– Đặt câu hỏi để mỗi HS tự tìm nội dung chủ đề nào, chọn các hoạt động nào phù hợp với khả năng của bản thân.

– Đặt câu hỏi gợi ý để HS lựa chọn các hình ảnh nào tiêu biểu thể hiện rõ nội dung để có thể đưa vào tranh của mình.

– Đặt câu hỏi gợi ý HS chọn khung cảnh nào thì phù hợp với nội dung.

– Lưu ý những HS ít khả năng không nên chọn hoạt động khó, không phù hợp với khả năng, nên chọn hoạt động đơn giản, dễ vẽ.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ TRANH

– Yêu cầu HS nhắc lại cách vẽ tranh ở bài 5.

– GV nhấn mạnh: trong những bài tiếp theo, cách vẽ cơ bản là giống nhau, chỉ khác ở cách thể hiện các hoạt động gắn với nội dung học tập một cách cụ thể.

– Lưu ý HS cách vẽ tranh đề tài theo từng bước, sau khi đã chọn được nội dung, chọn được hình ảnh hoạt động cho cho chủ đề.

– GV nhắc lại những bước cơ bản:

Bước 1: Tìm bố cục

Tìm vị trí cho các mảng chính, mảng phụ bằng các hình chữ nhật, vuông, tròn, tam giác, ô van... và chú ý độ to, nhỏ khác nhau của các mảng chính, mảng phụ, sao cho cân đối, nhịp nhàng.

Bước 2: Vẽ hình

+ Vẽ phác đè lên các mảng chính, phụ hình người, cảnh vật nhưng cần giữ được các mảng đã vẽ lúc đầu, không phá vỡ các mảng đã chia.

+ Hình vẽ phác đơn sơ nhưng đồng bộ và nằm trong phạm vi các mảng đã chia (phác nhanh tất cả các hình).

+ Từng bước chỉnh sửa, hoàn thiện hình vẽ và cách sắp xếp vị trí cho cân đối và phù hợp với nội dung.

Bước 3: Vẽ màu

+ Tuỳ khả năng từng HS mà hướng dẫn các em chọn chất liệu cho phù hợp.

+ Nếu HS chọn vẽ màu bột thì cần lưu ý HS:

– Pha nước với keo loãng, vẽ từ nhạt đến đậm, nước để pha màu, rửa bút cần phải luôn luôn sạch sẽ.

+ Nếu HS chọn vẽ màu nước thì cần lưu ý HS:

– Pha màu với nước sạch, vẽ từ nhạt đến đậm, không chồng nhiều lần.

+ Nếu HS chọn vẽ màu sáp thì cần lưu ý HS:

– Vẽ nhẹ tay, từ nhạt đến đậm, có thể chồng màu hoặc vẽ kết hợp với màu nước. Có thể dùng nét bút tạo ra các hiệu quả khác nhau của màu.

– GV nhấn mạnh: dù vẽ bằng chất liệu gì cũng cần phải có sự hài hoà, nên tập trung màu sắc mạnh mẽ, tươi sáng vào mảng chính, vì đó là nội dung chủ đề của tranh. Vẽ màu thể hiện rõ tình cảm của người vẽ với nội dung tranh. Không nhất thiết lệ thuộc hoàn toàn vào màu sắc tự nhiên nhưng cần dựa vào nó để khơi gợi cảm xúc và sáng tạo trong tranh vẽ của mình. Vẽ màu cố gắng vẽ kín mặt tranh và điều chỉnh sắc độ cho đẹp mắt.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Quan sát lớp khi HS tiến hành vẽ, phát hiện những HS còn lúng túng chưa biết cách vẽ để giúp đỡ kịp thời.

– Dùng các bài vẽ có xu hướng tốt để hướng dẫn, nêu gương tốt.

– Động viên khích lệ để HS tìm cách thể hiện ý tưởng của mình và có suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo trong khi vẽ.

Hoạt động 5

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài tốt và bài có khiếm khuyết để treo và nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét.

– Đánh giá kết quả theo từng yêu cầu: Cách chọn hoạt động; cách vẽ hình; cách sắp xếp bố cục; cách vẽ màu.

– GV gợi ý để HS tự nêu lên nhận xét của mình.

– GV đánh giá các bài được treo và đánh giá chung.

3. Bài tập về nhà

– Tiếp tục hoàn chỉnh bài vẽ.

– Chuẩn bị đồ dùng học vẽ cho bài sau.

Bài 10. Vẽ trang trí
MÀU SẮC

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên và tác dụng của màu sắc trong đời sống con người.

– HS biết được một số màu thường dùng và cách pha màu để áp dụng vào bài trang trí và vẽ tranh.

II - CHUẨN BỊ

– Ảnh màu: cỏ cây, hoa lá, chim thú, phong cảnh...

– Bảng màu cơ bản, màu bổ túc, màu tương phản, màu nóng, lạnh...

– Một vài bài vẽ trang trí có màu đẹp.

Phương pháp dạy – học

– Phương pháp trực quan.

– Phương pháp vấn đáp.

– PP luyện tập thực hành.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh và nêu câu hỏi tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn và phù hợp với nội dung.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– Yêu cầu HS quan sát các tranh, ảnh mẫu và gợi ý để HS tìm hiểu:

+ Màu sắc trong thiên nhiên như thế nào?

+ Có những màu nào trong thiên nhiên?

+ Con người có tạo ra màu sắc được không?

+ Màu sắc có tác dụng gì trong đời sống con người?

– Sau khi HS trả lời GV nhấn mạnh:

+ Màu sắc làm cho mọi vật đẹp hơn, làm cho cuộc sống vui tươi, phong phú.

+ Trong thiên nhiên ở đâu cũng có màu sắc (lá, hoa, quả, mây, trời, đất, nước...).

+ Màu sắc do ánh sáng mà có và luôn thay đổi theo ánh sáng, theo mùa. Trong bóng tối chúng ta không nhìn được màu sắc.

+ Trong thiên nhiên, ánh sáng mặt trời và hơi nước tạo nên 7 sắc cầu vồng.

+ Con người luôn học tập màu sắc từ thiên nhiên.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁC KĨ THUẬT PHA MÀU

– Yêu cầu HS đọc và xem hình trong SGK để HS tìm hiểu:

+ Màu để vẽ do đâu mà có? (con người làm ra).

+ Các màu cơ bản là những màu nào? (đỏ, vàng, lam, hay còn gọi là màu chính, màu gốc).

+ Từ các màu cơ bản ta sẽ pha được nhiều màu khác (da cam, xanh lá cây, tím...)

– Yêu cầu HS quan sát 2 bảng pha màu trong SGK và nhắc lại cách pha màu từ 3 màu cơ bản:

Cách 1:

+ Ở các hình tròn (H.4):

Phần giao nhau giữa màu: Đỏ + Vàng = Da cam

Phần giao nhau giữa màu: Đỏ + Lam = Tím

Phần giao nhau giữa màu: Lam + Vàng = Lục (xanh lá cây)

+ Ở hình ngôi sao (H.5):

Màu ở giữa: Đỏ + Vàng = Da cam

Màu ở giữa: Đỏ + Lam = Tím

Màu ở giữa: Lam + Vàng = Lục

– GV kết luận:

+ Đây là hình gợi ý cách pha màu các em đã được học ở TH:

Pha hai màu theo cách trên ta sẽ được các màu mới, các màu này sẽ đi cặp với các màu cơ bản tạo thành cặp màu bổ túc.

+ Tuỳ theo liều lượng (ít, nhiều) của mỗi màu mà màu thứ ba có độ đậm, nhạt khác nhau. Ví dụ:

– Đỏ và Vàng → Da cam.

(Đỏ nhiều hơn vàng sẽ có Đỏ cam)

– Vàng với Lam → Lục.

(Vàng nhiều hơn Lam sẽ có Xanh lá mạ (xanh lá cây non);

Lam nhiều hơn Vàng sẽ có Xanh lá cây đậm...)

Hoạt động 3

GIỚI THIỆU CHO HS TÊN MỘT SỐ MÀU

GV giới thiệu (bằng hình ảnh) để HS biết tên gọi một số màu và cách dùng:

* Màu bổ túc:

+ Các màu đứng cạnh nhau sẽ tôn nhau lên, tạo cho nhau rực rỡ hơn.

+ Các cặp màu bổ túc gồm:

Màu Đỏ bổ túc với màu xanh Lục

Màu Vàng bổ túc với màu Tím

Màu Da cam bổ túc với màu Lam

+ Cặp màu bổ túc thường dùng trang trí quảng cáo, bao bì...

* Màu nóng:

+ Là màu khi vẽ tạo cảm giác ấm, nóng.

+ Các màu nóng: Đỏ, Vàng, Da cam...

+ Người ta thường dùng gam màu đậm màu nóng trong quảng cáo, trong trang phục mùa thu và mùa đông.)

* Màu lạnh:

+ Là màu khi vẽ tạo cảm giác mát, dịu...

+ Các màu lạnh: Lam, Lục, Tím...

+ Người ta thường dùng các màu lạnh để quét vôi tường công sở, nhà máy, trường học, phòng ở và cho trang phục mùa hè).

Hoạt động 4

GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI MÀU THÔNG DỤNG

GV giới thiệu qua hình ảnh thật hoặc các hình trong SGK để HS nhận biết một số loại màu thông dụng và cách dùng:

* Màu bột:

+ Là màu ở dạng bột, khô. Khi vẽ pha với nước, với keo và hồ để kết dính.

Có loại màu bột đã pha với keo, đựng vào lọ, hộp. Khi vẽ chỉ cần pha với nước sạch.

+ Cách vẽ màu bột:

Lấy 2 hoặc 3 màu pha với nhau (ở bảng pha màu) nghiền kĩ sẽ được màu mới.

+ Lưu ý HS:

• Pha quá nhiều màu với nhau hoặc vẽ chồng màu nhiều lần, màu sẽ không trong.

• Màu bột có thể vẽ trên giấy, gỗ, vải...

* Màu nước:

+ Là màu đã pha với keo, đựng vào tuýp hoặc trong hộp có các ngăn. Khi vẽ, ta phải pha với nước sạch.

+ Cách vẽ màu nước:

• Bóp 2 màu ra bảng pha màu, pha với nước sạch xong vẽ lên giấy.

• Có thể pha hai màu ngay ơ trên nền giấy, lụa.

+ Lưu ý HS: Nước pha màu phải luôn sạch sẽ, khi vẽ màu nước không nên chồng nhiều màu, màu sẽ bị đục.

* Sáp màu:

+ Màu đã chế, ở dạng thỏi.

+ Cách vẽ màu sáp: Vẽ nhẹ tay, vẽ từ nhạt đến đậm, có thể pha màu bằng cách chồng màu hoặc phối hợp với màu nước.

* Bút dạ:

+ Là màu ở dạng nước chứa trong ống phớt, ngòi là dạ mềm.

+ Cách vẽ màu dạ: Vẽ nhẹ tay, vẽ từ nhạt đến đậm, có thể pha màu bằng cách chồng màu hoặc phối hợp với màu nước.

Hoạt động 5

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– GV đưa ra một số ảnh, tranh hoặc bài trang trí và yêu cầu HS tìm ra các màu cơ bản, màu bổ túc, màu nóng, lạnh...

– GV yêu cầu HS:

+ Gọi tên một số màu ở tranh, ảnh.

+ Kể tên một số màu xung quanh em?

3. Bài tập về nhà

– Làm bài tập ở SGK.

– Chuẩn bị bài sau.

Bài ***11.*** **Vẽ trang trí**

MÀU SẮC TRONG TRANG TRÍ

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu tác dụng của màu sắc đối với cuộc sống của con người và trong trang trí.

– Phân biệt được cách sử dụng màu sắc khác nhau trong một số ngành trang trí ứng dụng.

– Biết cách tạo ra cái đẹp cho bài trang trí.

II - CHUẨN BỊ

– Tranh, ảnh của cỏ cây, hoa lá...

– Hình trang trí ở sách báo, nhà ở, y phục, gốm và trang trí dân tộc như: lọ, khăn, mũ, túi, thổ cẩm, đĩa hoa *v.v*...

– Bút dạ, sáp màu, màu nước, màu bột v.v..

Phương pháp giảng dạy

– Trực quan.

– Vấn đáp.

– Thực hành.

III - TIẾN TRÌNH **BÀI** DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh và nêu câu hỏi tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn và phù hợp với nội dung.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– GV cho HS xem một số hình ảnh về thiên nhiên (cỏ cây, hoa lá) để HS thấy sự phong phú của màu sắc.

– GV cho HS xem một số tranh, ấn phẩm, đồ vật... để HS thấy cách sử dụng màu trong cuộc sống.

Trên đây chỉ là ôn tập nên GV chỉ gợi lên sự phong phú của màu sắc và cách sử dụng màu sắc, không phân tích kĩ.

– GV cho HS quan sát các ĐDDH như: một số ảnh về trang trí nhà cửa; một số đồ vật thật; trang trí ấn loát (sách, báo, tạp chí); một số túi, áo, khăn thổ cẩm; một số lọ hoa *v.v*... Sau đó, GV nhấn mạnh vai trò của màu sắc là hỗ trợ và làm đẹp sản phẩm.

– GV gợi ý để HS trả lời bằng sự hiểu biết của mình về màu sắc.

Ví dụ: Em hãy nhận xét về màu sắc ở:

+ Trang trí ấn loát (sách, báo, tạp chí);

+ Trang trí kiến trúc (nhà và các công trình công cộng);

+ Trang trí y phục, vải vóc;

+ Trang trí gốm, sành, sứ...

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HÀNH

– Yêu cầu HS xem thêm các bài vẽ màu và nhận xét cách sử dụng màu ở các bài trang trí, hình vuông, hình tròn, đường diềm *v.v*... và tranh phiên bản... để HS tìm hiểu vẻ đẹp, sự phong phú của màu sắc và cách vẽ màu.

– Có thể cho HS làm bài tập thực hành theo hai cách:

+ Cách 1: Dùng các bài trang trí hình vuông, hình tròn vẽ bằng nét, phôtcoppy rồi cho HS tập tìm màu và tô màu theo ý thích.

+ Cách 2: Cho HS chuẩn bị giấy màu thủ công và giấy làm nền rồi xé dán thành tranh theo chủ đề tự chọn (tranh chân dung, tranh tĩnh vật, tranh phong cảnh).

– Lưu ý HS

+ Kĩ thuật vẽ màu bột, bút dạ, sáp màu, màu nước.

+ Tìm màu nền (là màu nóng hay màu lạnh, màu đậm hay màu nhạt).

+ Tìm màu hoạ tiết cho phù hợp với màu nền và tạo nên các mảng màu chính, phụ cho bài vẽ.

+ Nên vẽ đơn giản, ít màu.

Hoạt động 3

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài vẽ của HS kể cả tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét bổ sung cho các ý kiến nhận xét của HS.

– GV nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Làm tiếp bài ở lớp hoặc vẽ thêm bài mới.

– Quan sát vẻ đẹp màu sắc của cỏ cây, hoa, lá và đồ vật xung quanh nhà.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 12. Thường thức mĩ thuật MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA MĨ THUẬT THỜI LÝ

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu về MT thời Lý

– Tìm hiểu vẻ đẹp của một số công trình, sản phẩm của MT thời Lý thông qua các công trình nghệ thuật.

– Biết trân trọng và yêu quý các di sản nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

II - CHUẨN BỊ

– Xem kĩ các tranh, ảnh trong SGK và bộ ĐDDH MT 6.

– Sưu tầm thêm tranh, ảnh về các công trình, tác phẩm MT, đồ gốm liên quan đến thời Lý.

Phương pháp giảng dạy

– Hoạt động nhóm.

– Đàm thoại.

– Đánh giá.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh hoặc trò chơi đơn giản để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

TÌM HIỂU CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC: CHÙA MỘT CỘT (HÀ NỘI)

– Chia HS theo nhóm học tập, yêu cầu các nhóm đọc SGK và trao đổi nội dung bài theo các câu hỏi sau:

+ Nêu một số nét khái quát về lịch sử triều đại nhà Lý?

+ Mô tả những nét cơ bản về công trình kiến trúc chùa Một Cột?

+ Mô tả và nhận xét những nét cơ bản về tác phẩm điêu khắc: Tượng A-di-đà.

+ Mô tả và nhận xét những nét cơ bản về tác phẩm con rồng thời Lý.

+ Mô tả và nhận xét những nét cơ bản về đồ gốm thời nhà Lý.

– Thời gian đọc SGK và trao đổi nhóm chừng 12 phút.

– Sau khi kết thúc trao đổi, yêu cầu đại diện các nhóm trình bày các nội dung thảo luận.

– GV bổ sung cho phần trình bày của từng nhóm, sau đó GV nhấn mạnh các điểm căn bản cần ghi nhớ của bài học.

+ Trong hơn hai thế kỉ, dưới vương triều nhà Lý (1010 – 1225), nhà nước Đại Việt bước vào thời kì phong kiến hùng mạnh. Đạo Phật được đề cao và giữ địa vị quốc giáo, nghệ thuật kiến trúc cung đình, nhất là Phật giáo phát triển mạnh mẽ. Nhiều ngôi chùa lớn được xây dựng, đặc biệt là ở vùng Kinh Bắc, quê hương của các vị vua nhà Lý.

+ Kiến trúc cung đình, kiến trúc Phật giáo phát triển đã tạo điều kiện cho nghệ thuật điêu khắc, trang trí thời kì này cũng phát triển theo.

– Về các công trình kiến trúc, điêu khắc, nhấn mạnh một số nội dung sau:

Chùa Một Cột (Hà nội)

(còn gọi là Diên Hựu tự) được xây dựng năm 1049, là một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu của kinh thành Thăng Long.

+ Chùa Một Cột cho thấy trí tưởng tượng bay bổng của các nghệ nhân thời Lý, đồng thời là một công trình kiến trúc độc đáo, đầy tính sáng tạo và đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.

Tượng A-di-đà (chùa Phật Tích – Bắc Ninh)

+ Cách sắp xếp (bố cục) chung của pho tượng hài hoà, cân đối, tạo được tỉ lệ cân xứng giữa tượng và bệ.

+ Tượng A-di-đà tuy phải tuân theo quy ước của Phật giáo song không gò bó bởi cách diễn tả mềm mại, nuột nà; sự phối hợp các hoạ tiết trang trí tỉ mỉ nhưng rất sống động, trang nghiêm nhưng không khô cứng.

+ Pho tượng là hình mẫu của cô gái với vẻ đẹp trong sáng, lặng lẽ và lắng đọng đầy nữ tính nhưng lại không mất đi vẻ trầm mặc của Phật A-di-đà.

Con Rồng thời Lý

+ Rồng là hình ảnh tượng trung cho quyền lực của vua chúa. Song Rồng thời Lý có những đặc điểm cấu tạo khác hẳn với các thời trước hoặc cùng thời ở Trung Quốc (như thời nhà Hán, Đường, Tống). Rồng thời Lý là sản phẩm của sáng tạo trong nghệ thuật dân tộc Việt Nam.

+ Luôn được thể hiện trong dáng dấp hiền hoà, mềm mại, không có cặp sừng trên đầu và luôn có hình chữ "S" (một biểu tượng cầu mưa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước có vốn sinh tụ ở vùng Nam Á).

+ Thân rồng khá dài, tròn lẳn, uốn khúc mềm mại, thon nhỏ dần từ đầu đến đuôi, khúc uốn lượn nhịp nhàng theo kiểu "thắt túi", mang dạng của một con rắn, do đó còn được gọi là "Rồng Rắn" hoặc "Rồng Giun".

+ Rồng thường có mặt cạnh những biểu tượng Phật giáo như lá đề và hoa sen.

Nghệ thuật gốm thời Lý

+ Cùng với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và trang trí, nghệ thuật gốm thời Lý đã phát triển mạnh và đạt đến đỉnh cao.

+ Có các trung tâm lớn và nổi tiếng về gốm như Thăng Long, Bát Tràng, Thổ Hà, Thanh Hoá...

+ Có nhiều thể dạng khác nhau như bát đĩa, ấm chén, bình, liên...

+ Chế tạo được các men gốm quý hiếm như gốm men ngọc, men lục, men da lươn, men trắng ngà.

+ Hình vẽ trang trí là hình tượng bông sen, đài sen hay lá sen cách điệu được khắc nổi hoặc chìm.

+ Xương gốm mỏng, nhẹ, chịu được nhiệt độ lửa cao; nét khắc chìm phủ men đều, bóng, mịn và có độ trong sâu.

+ Dáng nhẹ nhõm, thanh thoát, trau chuốt, mang vẻ đẹp trang trọng, quý phái.

Hoạt động 5

NHẬN XÉT– ĐÁNH GIÁ

– Yêu cầu HS nhắc lại các nét cơ bản về:

+ Chùa Một Cột

+ Tượng A-di-đà.

+ Con rồng thời Lý.

+ Đồ gốm thời Lý.

– GV nhấn mạnh thêm một số nét chính cần lưu ý về các công trình trên.

3. Bài tập về nhà

– Tìm và xem thêm các công trình nghệ thuật thời Lý.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 13. Vẽ tranh
ĐỀ TÀI BỘ ĐỘI

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu, lựa chọn nội dung đề tài *Bộ đội*.

– Hiểu cách vẽ và vẽ được một tranh đề tài *Bộ đội*.

– Thể hiện tình cảm yêu quý anh bộ đội qua tranh vẽ.

II - CHUẨN BỊ

– Một số tranh vẽ đề tài bộ đội của HS và của hoạ sĩ.

– Một số ảnh các binh chủng, các hoạt động khác nhau của bộ đội.

Phương pháp giảng dạy:

– Vấn đáp gợi mở.

– Trực quan.

– Luyện tập – thực hành.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

– GV đặt một số câu hỏi gợi ý để HS tiếp cận tìm hiểu nội dung đề tài:

+ Bạn nào trong gia đình có người là bộ đội?

+ Em biết những binh chủng nào của bộ đội?

+ Em thích binh chủng nào nhất?

+ Em có thể tả lại trang phục của một chú bộ đội thuộc binh chủng mà em thích?

+ Em hãy tả lại một hoạt động của các chú bộ đội mà em biết?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung cho đầy đủ và gợi ý:

+ Đề tài bộ đội rất rộng, rất phong phú với nhiều các hoạt động khác nhau, mỗi hoạt động đều có vẻ đẹp riêng các em có thể lựa chọn để vẽ thành tranh.

+ Các em cần quan sát tranh, ảnh và nhớ lại, tưởng tượng về các hoạt động của bộ đội để lựa chọn hình ảnh, hoạt động cho bài vẽ.

+ Nên lựa chọn nội dung nào mà mình thích nhưng phù hợp với khả năng.

+ Tránh chọn nội dung xa lạ không phù hợp.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ TRANH

– Yêu cầu HS nhắc lại các bước tiến hành bài vẽ tranh đã hướng dẫn ở các bài trước.

– Dựa vào tranh mẫu, lưu ý cho HS khi vẽ bài này cần chú ý:

+ Vẽ hoạt động gì.

+ Động tác, công việc của các chú bộ đội để làm rõ hoạt động đó.

+ Khung cảnh nơi diễn ra hoạt động.

+ Màu sắc của trang phục và màu sắc chung cho bức tranh.

+ Hoạt động của các nhóm xa, nhóm gần.

– Nhắc nhở HS bám sát theo chủ đề đã chọn nhưng cần tìm các bố cục khác nhau và thể hiện rõ hình ảnh anh bộ đội. Nên chọn cách vẽ đơn giản, tránh tham vẽ nhiều hoạt động, nhiều chi tiết trên một bức tranh.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Cho HS xem lại một hoặc hai bức tranh đề tài bộ đội đẹp trước khi cho HS vẽ.

– Lưu ý HS không vẽ ngay mà cần suy nghĩ chọn nội dung phù hợp trước khi vẽ.

– Vẽ một cách thoải mái không gò bó.

– Có thể vẽ hình xong rồi mới vẽ màu hoặc kết hợp vẽ hình và vẽ màu luôn.

– Cân nhắc giữa màu hình và màu nền.

– Khi HS vẽ, GV theo dõi, gợi ý giúp đỡ những HS còn lúng túng, động viên, khen ngợi, nêu gương những HS vẽ tốt để cả lớp làm bài có kết quả.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài vẽ tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét theo các gợi ý:

+ Chọn đề tài.

+ Bố cục.

+ Cách vẽ hình, vẽ màu.

+ Kết quả bài vẽ.

– Có thể xếp loại, đánh giá một số bài vẽ và cho điểm.

3. Bài tập về nhà

– Hoàn thành bài vẽ.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 14. Vẽ trang trí
TRANG TRÍ ĐƯỜNG DIỀM

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu, cảm nhận cái đẹp của trang trí đường diềm và ứng dụng của đường diềm vào đời sống.

– Trang trí được đường diềm theo trình tự và bước đầu biết cách sử dụng màu nóng, màu lạnh.

II – CHUẨN BỊ

– Một số đồ vật có trang trí đường điềm như: bát, đĩa, giấy khen, khăn, áo, diềm trang trí báo tường v.v...

– Một số bài trang trí đường diềm đẹp và chưa đẹp của HS (để so sánh).

– Hình minh hoạ cách vẽ đường diềm.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp – gợi mở.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– Yêu cầu HS quan sát ĐDDH đã chuẩn bị:

+ Đường diềm ở bát đĩa, khay, chén, quần áo, mũ, túi...

+ Đường diềm trang trí nhà cửa, trang trí y phục...

– GV gợi ý để HS nhận biết:

+ Đường diềm làm đẹp cho đồ vật, tăng giá trị của đồ vật.

+ Có vai trò quan trọng trong đời sống con người.

– GV yêu cầu HS tìm ví dụ hoặc quan sát các mẫu đường diềm có trong đời sống thực tế, giúp HS cảm nhận vẻ đẹp của đường diềm và vai trò của chúng trong cuộc sống con người.

– GV cũng có thể giới thiệu thêm các phần như ở SGK để HS hiểu rõ hơn tác dụng của đường diềm, đồng thời chỉ ra cách chọn hoạ tiết, cách sắp xếp hoạ tiết cụ thể trên đường diềm:

+ Hoạ tiết nhắc lại theo chiều dài, chiều cong, theo chu vi được vẽ bằng nhau, cách đều nhau.

+ Hoạ tiết khác nhau sắp xếp xen kẽ.

+ Hoạ tiết giống nhau được vẽ cùng một màu và cùng độ đậm nhạt.

– Để khắc sâu kiến thức, GV có thể yêu cầu HS kể thêm các đồ vật có trang trí đường diềm theo các cách khác nhau: nhắc lại, xen kẽ và vẻ đẹp của đường diềm mà em biết.

– GV nhấn mạnh các yêu cầu cơ bản khi trang trí đường diềm:

+ Cách phân chia khoảng cách;

+ Cách chọn hoạ tiết;

+ Cách sắp xếp hoạ tiết;

+ Cách vẽ màu.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ

– GV yêu cầu HS nhắc lại trình tự cách làm bài trang trí đường diềm.

– GV bổ sung cho đầy đủ và nhấn mạnh:

+ Cách phân chia khoảng cách cho đường diềm.

+ Cách chọn hoạ tiết.

+ Cách sắp xếp hoạ tiết.

+ Cách vẽ màu.

Lưu ý HS:

– Khi vẽ hình:

+ Chọn và vẽ hoạ tiết vào các bài vẽ với nhiều cách.

+ Có thể vẽ hoạ tiết ở ngoài rồi can vào bài vẽ.

– Khi vẽ màu:

+ Quan sát đường diềm có hoà sắc màu nóng và hoà sắc màu lạnh.

+ Quan sát đường diềm có hoà sắc phối hợp màu nóng và lạnh.

+ Chú ý cách vẽ màu hoạ tiết, màu nền để tạo hoà sắc chung cho bài trang trí.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Có thể cho HS vẽ vào vở tập vẽ hoặc vẽ ra giấy A4.

– Yêu cầu HS dùng thước để kẻ đường diềm 20 cm × 5 cm (hoặc 16cm × 4cm cho HS TB và yếu), chia ô theo chiều dài.

– GV yêu cầu HS chọn vẽ hoạ tiết đẹp, đơn giản, phù hợp với khả năng của bản thân.

– Có thể cho HS vẽ nháp trước khi vẽ bài chính thức.

– Trong khi HS làm bài, GV đến từng bàn quan sát và hướng dẫn thêm, giúp đỡ những HS còn lúng túng, khen động viên HS vẽ khá.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNHGIÁ

– Chọn một số bài tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét, đánh giá.

– GV bổ sung nhận xét và nhắc lại những kiến thức cơ bản cần ghi nhớ.

– Nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Làm thêm bài trang trí đường diềm theo ý thích.

– Chuẩn bị bài sau.

Bài ***15.*** Vẽ theo mẫu

MẪU DẠNG HÌNH TRỤ VÀ HÌNH CẦU

(Tiết 1 – Vẽ hình)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu đặc điểm hình dáng, tỉ lệ, đậm nhạt của mẫu.

– Biết cách quan sát mẫu, biết cách ước lượng tỉ lệ để vẽ khung hình, biết cách sắp xếp khung hình cân đối.

– Vẽ được hình gần giống với mẫu.

II – CHUẨN BỊ

– Bộ ĐDDH MT 6.

– Hình hướng dẫn cách vẽ, có cách sắp xếp bố cục ở các vị trí khác nhau.

– Một số bài vẽ của HS.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh, vật mẫu hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– Đặt mẫu vừa tầm mắt để HS nhìn rõ rồi nêu câu hỏi gợi ý để HS quan sát và nhận xét tìm hiểu mẫu. (Có thể đặt hai hoặc ba mẫu để HS quan sát và vẽ theo nhóm):

+ Mẫu bao gồm những hình gì?

+ Vật nào cao, vật nào thấp, vật nào to, vật nào nhỏ?

+ Tỉ lệ chiều cao và chiều ngang của từng vật mẫu?

+ Vật mẫu nào gần, vật mẫu nào xa?

+ Đậm, nhạt chung của mẫu và đậm, nhạt ở từng vật mẫu?

+ Đậm, nhạt của mẫu so với nền?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung cho đầy đủ và lưu ý HS:

+ Quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

+ Lấy một bộ phận hoặc một vật mẫu làm chuẩn để so sánh ước lượng tỉ lệ cho gần với mẫu.

+ Xác định chiều ánh sáng chiếu vào vật mẫu để tìm hiểu đậm, nhạt của mẫu.

+ Không quan sát tách rời từng vật mẫu mà quan sát trong tương quan chung (cả về hình dáng, tỉ lệ và đậm, nhạt).

+ Đặc biệt nhấn mạnh việc quan sát của từng cá nhân từ chỗ ngồi của mình.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ

– Yêu cầu HS quan sát các bài vẽ của HS và nêu câu hỏi gợi ý:

+ Bài vẽ nào có bố cục hợp lí, hình dáng, tỉ lệ, đậm, nhạt gần giống mẫu?

+ Em thích bài vẽ nào, tại sao?

+ Em không thích bài nào, tại sao?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung:

+ Nếu vẽ hình trụ, hình cầu trên đường nằm ngang và cách xa nhau quá làm cho bố cục bài vẽ không cân đối.

+ Nếu vẽ hình trụ và hình cầu trên cùng một đường trục làm cho bố cục bị thu hẹp.

+ Muốn cho bài vẽ đẹp cần phải sắp xếp vật mẫu trong bài vẽ sao cho có khoảng cách hợp lí, có vật trước, có vật sau và có đậm, nhạt rõ ràng.

+ Khi vẽ nên theo các bước:

• Vẽ phác khung hình chung;

• Xác định tỉ lệ của từng vật mẫu và tỉ lệ của các bộ phận ở vật mẫu;

• Vẽ phác hình bằng các nét thẳng;

• Chỉnh sửa hình.

– GV yêu cầu HS xem thêm hình minh hoạ cách vẽ trang 119 SGV.

– GV luôn nhắc HS so sánh tỉ lệ để phác khung hình cho từng vật mẫu:

+ Tìm điểm đặt của hình trụ và điểm che khuất của hình cầu ở hình trụ;

+ So sánh chiều cao hình cầu với hình trụ;

+ So sánh bề ngang của hình cầu với bề ngang của hình trụ.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS không vẽ ngay mà phải quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

– Lưu ý HS:

+ Vẽ khung hình chung cho cân đối với tờ giấy.

+ Vẽ mạnh dạn không gò bó.

– Trong khi HS làm bài, GV đến từng bàn quan sát và hướng dẫn thêm.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– GV chọn một số bài vẽ tốt và chưa tốt để nhận xét.

– Yêu cầu HS tham gia nhận xét về:

+ Bố cục cân đối, chưa cân đối;

+ Tỉ lệ gần với mẫu, sai so với mẫu;

+ Nét vẽ, hình vẽ linh hoạt, có đậm, nhạt hay khô cứng.

– GV bổ sung và nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Sưu tầm và xem kĩ các tranh tĩnh vật màu.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài ***16.*** **Vẽ theo mẫu**

MẪU DẠNG HÌNH TRỤ VÀ HÌNH CẦU

(Tiết 2 – Vẽ đậm, nhạt)

I - MỤC TIÊU

– HS phân biệt được các độ đậm, nhạt ở hình trụ và hình cầu.

– Phân biệt được các mảng đậm nhạt theo cấu trúc của hình trụ và hình cầu.

– Vẽ được đậm nhạt theo mẫu.

II - CHUẨN BỊ

– Tranh minh họa hướng dẫn cách vẽ đậm nhạt.

– ảnh hình trụ và hình cầu hoặc đồ vật dạng hình trụ, hình cầu: chai, lọ, quả dạng tròn.

– Hình vẽ đậm, nhạt của hình trụ và hình cầu.

– Hình vẽ đậm, nhạt của khối lăng trụ.

– Bộ ĐDDH lớp 6.

– Một số bài vẽ của HS.

Phương pháp giảng dạy:

– Vấn đáp – gợi mở.

– Trực quan.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh, vật mẫu hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT ĐẬM, NHẠT Ở HÌNH TRỤ VÀ HÌNH CẦU

– GV treo ĐDDH yêu cầu HS quan sát độ đậm, nhạt ở các hình:

+ ảnh chụp cái hộp và quả;

+ Hình vẽ đậm nhạt ở cái hộp và quả.

+ Hình vẽ đậm nhạt ở hình lăng trụ.

– GV gợi ý:

+ Em quan sát thấy độ đậm, nhạt ở hình 1a như thế nào?

(Độ đậm, nhạt ở hình trụ và quả khó phân biệt ranh giới)

+ Em quan sát thấy độ đậm nhạt ở hình 1b như thế nào?

(Độ đậm, nhạt ở hình trụ và quả tương đối rõ hơn)

+ Em quan sát thấy độ đậm, nhạt ở hình 1c như thế nào?

(Hình 1c là hình lăng trụ, nên đậm nhạt ơ các mặt phẳng rõ ràng, dễ phân biệt ranh giới).

– GV kết luận:

+ Khi vẽ đậm, nhạt ở các bài vẽ theo mẫu, các em không nên vẽ vờn giống như ảnh mà phải phân mảng và vẽ đậm nhạt trong các mảng.

+ Để xác định độ đậm, nhạt của các mảng trên mẫu cần xác định ánh sáng chiếu mạnh từ phía nào.

+ Quan sát để phân biệt độ đậm, đậm vừa, nhạt, sáng ở mẫu và ở từng vật mẫu.

+ Quan sát để phân biệt độ đậm, nhạt giữa mẫu và nền phía sau mẫu.

– GV lưu ý HS: Ngồi ở các vị trí khác nhau sẽ quan sát thấy độ đậm nhạt trên vật mẫu có sự khác nhau.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ ĐẬM, NHẠT

– GV nhấn mạnh: Để vẽ được đậm, nhạt của mẫu cần quan sát kĩ đậm, nhạt của mẫu trước khi vẽ.

– GV giới thiệu và minh hoạ cách vẽ đậm, nhạt ở hình trụ, hình cầu:

(Vẽ bảng hoặc vẽ ra giấy)

+ Xác định chiều mạnh của ánh sáng chiếu vào vật mẫu.

+ Xác định và phân chia các mảng đậm, nhạt trên hình vẽ.

+ Vẽ phác các mảng đậm, nhạt theo cấu trúc của chúng:

• Ở hình trụ: mảng đậm, nhạt dọc theo thân.

• Ở hình cầu: mảng đậm, nhạt theo chiều cong.

• Tuỳ theo ánh sáng mạnh, yếu chiếu tới, ở mỗi vị trí các mảng đậm nhạt không bằng nhau.

+ Dùng nét thưa, dày, đậm, nhạt đan xen để tạo đậm, nhạt:

• Ở hình trụ: dùng các nét thẳng theo chiều cao của thân.

• Ở hình cầu: dùng các nét cong để vẽ đậm, nhạt theo cấu trúc của nó.

+ Diễn tả mảng đậm trước, từ đó tìm ra độ đậm vừa và nhạt.

– GV nhấn mạnh:

+ Khi vẽ luôn nhìn mẫu để so sánh độ đậm, nhạt ở bài vẽ với mẫu.

+ Cần nhấn mạnh đậm hoặc tẩy sáng những chỗ cần thiết cho bài vẽ sinh động hơn.

+ Vẽ đậm nhạt ở nền để bài vẽ có không gian.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS không vẽ ngay mà phải quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

– Lưu ý HS không vẽ đậm ngay mà vẽ từ nhạt đến đậm.

– Nhắc HS khi diễn tả đậm, nhạt cần dùng chì để gạch đan nét từ nhạt đến đậm, không di liền nét đậm, nhạt sẽ bị lì.

– Đến từng bàn để quan sát HS làm bài và hướng dẫn bổ sung.

– Khen ngợi những HS làm bài tốt, động viên HS còn lúng túng.

Hoạt động 4
NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài vẽ tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét về:

+ Cách vẽ đậm, nhạt và tương quan đậm, nhạt giữa 2 vật mẫu.

+ Rõ hình, chưa rõ hình.

+ Đậm, nhạt giữa mẫu và nền.

– Cùng HS đánh giá, xếp loại các bài vẽ.

– Nhận xét chung bài vẽ.

3. Bài tập về nhà

– Quan sát độ đậm, nhạt của các đồ vật quanh em.

– Chuẩn bị bài sau.

Bài ***17.*** **Vẽ tranh**
ĐỀ TÀI TỰ DO
(Bài kiểm tra Học kì I)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu nội dung đề tài được chọn.

– Biết cách thể hiện đề tài tự do.

– Vẽ được tranh đề tài tự do.

II - CHUẨN BỊ

– Một số tranh vẽ các đề tài khác nhau.

– Bộ ĐDDH Mĩ thuật 6.

III – TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

– GV yêu cầu một hoặc hai HS nhắc lại các yêu cầu của bài vẽ tranh đề tài.

– Cho HS xem tranh và gợi ý để HS lựa chọn đề tài mình thích và tìm nội dung cụ thể phù hợp cho việc thể hiện tranh.

– GV nêu yêu cầu của bài: Vẽ môt tranh đề tài tự do. Bài vẽ trên giấy A4 hoặc A3, bằng các loại màu sẵn có.

– Nếu có điều kiện có thể bố trí cho HS làm bài cả 2 tiết liền nhau.

Nếu không, bố trí tiết 1: Vẽ hình, tiết 2: Vẽ màu.

– Cuối giờ, GV có thể nhận xét chung về bài làm của HS và dặn dò, cho bài tập về nhà:

+ Sưu tầm các bài trang trí hình vuông đẹp.

+ Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài ***18.*** **Vẽ trang trí**
TRANG TRÍ HÌNH VUÔNG

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu thêm về vẻ đẹp của trang trí hình vuông và cách trang trí hình vuông cơ bản và ứng dụng.

– Biết lựa chọn và sử dụng các hoạ tiết dân tộc vào trang trí hình vuông.

– Làm được bài trang trí hình vuông hoặc trang trí cái thảm.

II - CHUẨN BỊ

– Một số đồ vật dạng hình vuông có trang trí như: nắp hộp, khay, thảm, khăn vuông, gạch men v.v..

– Một số bài trang trí hình vuông của HS.

– Hình minh hoạ các trình tự trang trí hình vuông.

– Hình minh hoạ trong SGK và ĐDDH MT 6.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp – gợi mở.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh, vật mẫu hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– GV yêu cầu HS quan sát một số hình trang trí hình vuông ứng dụng (viền gạch hoa, cái khay, cái khăn và một vài bài trang trí hình vuông cơ bản) và gợi ý để HS tìm ra sự giống nhau, khác nhau của các cách trang trí hình vuông.

Giống nhau:

+ Đều có dạng trang trí đối xứng và trang trí hình mảng không đều.

+ Trang trí đơn giản, thoáng hoặc trang trí có nhiều mảng hình, hoạ tiết, màu sắc.

Khác nhau:

+ Về cách sắp xếp bố cục, hình vẽ, màu sắc.

+ Về hoạ tiết, màu sắc.

– Cho HS xem thêm một số bài trang trí hình vuông cơ bản và yêu cầu HS tìm hiểu:

+ Vị trí trọng tâm của bài trang trí? (thường ở giữa)

+ Hoạ tiết, màu sắc ở trung tâm? (Rõ, nổi bật)

+ Các hình giống nhau được vẽ như thế nào? (vẽ bằng nhau)

+ Các hình giống nhau tô màu như thế nào? (như nhau hoặc xen kẽ, nhắc lại.)

– GV kết luận: Trong trang trí hình vuông cơ bản, người ta thường kẻ các trục đối xứng để vẽ hoạ tiết cho cân đối và đều, màu sắc được tô nổi rõ ở trọng tâm.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH TRANG TRÍ HÌNH VUÔNG CƠ BẢN

– Yêu cầu HS xem hình minh hoạ trang 123 SGK.

– Gọi một HS nêu các bước trang trí hình vuông.

– Sau khi HS trả lời GV nhấn mạnh các bước:

+ Tìm bố cục bằng cách kẻ các trục đối xứng (trục ngang. trục dọc, trục chéo). Dựa vào trục để vẽ các mảng chính, phụ cho cân đối. Có thể tìm nhiều mảng hình khác nhau.

+ Vẽ hoạ tiết vào các mảng cho phù hợp với hình dáng của chúng: góc vuông, hình tròn...

+ Tìm đậm nhạt bằng chì đen, nhưng cần tránh đậm quá vì bài vẽ sẽ nặng nề hoặc nhạt quá khiến bài vẽ sẽ mờ ảo, không rõ trọng tâm hoặc đậm, nhạt quá tương phản (quá rõ), bài vẽ sẽ bị khô cứng.

+ Tìm màu theo đậm nhạt.

– Nhắc HS:

+ Màu nền đậm thì màu hoạ tiết sáng; Màu nền sáng thì màu hoạ tiết đậm.

+ Xen kẽ màu trung gian giữa hai màu tương phản, màu bổ túc đặt cạnh nhau.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Có thể cho HS làm bài tập theo hướng:

+ Phôtôcoppy hình vuông (một cạnh 15cm) có phác mảng hình rồi phát cho HS và yêu cầu HS tìm hoạ tiết khác với hình minh hoạ trong SGK.

+ HS tự tìm bố cục, tìm hình vẽ và tô màu.

– Trong khi HS làm bài GV đến từng bàn để quan sát và hướng dẫn bổ sung.

– Góp ý cho một số HS vẽ bố cục, về hoạ tiết và màu sắc.

– Nếu HS nào làm bài bài chưa xong có thế mang về nhà làm tiếp.

Hoạt động 4
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– GV chọn một số bài vẽ tốt và chưa tốt để nhận xét.

– Yêu cầu HS tham gia nhận xét về:

+ Cách chọn hoạ tiết: đẹp, chưa đẹp;

+ Sắp xếp hoạ tiết cân đối, chưa cân đối;

+ Màu sắc.

– GV bổ sung và nhận xét chung tiết học.

– Khen HS có bài vẽ đẹp.

3. Bài tập về nhà

– Hoàn thành tiếp bài vẽ.

– Chuẩn bị bài sau.

Bài 19. Thường thức mĩ thuật
TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu nguồn gốc, ý nghĩa và vai trò của tranh dân gian trong đời sống xã hội Việt Nam.

– Bước đầu hiểu giá trị nghệ thuật, tính sáng tạo và vẻ đẹp của tranh dân gian thông qua nội dung và hình thức thể hiện.

II - CHUẨN BỊ

– Bộ ĐDDH MT 6 (Phần *Tranh dân gian*).

– Bộ tranh dân gian Đông Hồ.

– Tập tranh dân gian Việt Nam (NXB Văn hoá thông tin, 1996).

– Sưu tầm các bài viết giới thiệu tranh dân gian Việt Nam.

Phương pháp giảng dạy:

– Hoạt động nhóm.

– Thuyết trình.

– Trực quan.

– Trò chơi.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM HIỂU MỘT SỐ NÉT CƠ BẢN VỀ TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM

– GV chọn treo một vài bức tranh dân gian đẹp, yêu cầu HS quan sát, gọi 2 hoặc 3 HS mô tả nội dung, hình ảnh, màu sắc của bức tranh và đưa ra những nhận xét, đánh giá của mình về bức tranh.

– Sau đó, GV thuyết trình, giới thiệu một số nét khái quát về tranh dân gian Việt Nam.

+ Nằm trong dòng nghệ thuật của Việt Nam, tranh dân gian có từ lâu, đời này truyền qua đời khác và cứ mỗi dịp xuân về, Tết đến lại được bày bán cho mọi người dân treo trong dịp Tết. Vì thế, tranh dân gian còn được gọi là "tranh Tết".

+ Tranh dân gian do một tập thể nghệ nhân dựa trên cơ sở của một cá nhân có tài trong cộng đồng nào đó sáng tạo ra đầu tiên, sau đó, tập thể bắt chước và phát triển đến chỗ hoàn chỉnh.

– GV treo tranh dân gian cần thiết phục vụ cho bài giảng.

– GV vừa Hướng dẫn học sinh xem tranh vừa giới thiệu, chú ý các nội dung sau:

+ Tranh dân gian lưu hành rộng rãi trong nhân dân, do các nghệ nhân vẽ và in để bán vào dip Tết Nguyên Đán hằng năm, được đông đảo nhân dân ưa thích.

+ Tranh dân gian có tranh Tết (treo trong những ngày Tết) và tranh thờ (dùng để thờ cúng). Tranh được làm ra ở nhiều nơi và mang phong cách của từng vùng như: tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), tranh Hàng Trống (Hà Nội), tranh Kim Hoàng (Hà Tây).

+ Tranh dân gian được in bằng ván gỗ hoặc kết hợp giữa nét khắc gỗ và tô màu bằng tay. Màu sắc trong tranh tươi ấm, nét vẽ đôn hậu, hồn nhiên, được quần chúng yêu thích.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU VỀ KĨ THUẬT LÀM TRANH KHẮC GỖ DÂN GIAN VIỆT NAM

– Trên cơ sở tranh của bộ ĐDDH và SGK, GV đặt những câu hỏi đơn giản để HS trả lời, ví dụ:

+ Bức tranh *Gà mái* có bao nhiêu màu? Các mảng màu được ngăn cách như thế nào?

+ Bức tranh *Ngũ Hổ* được vẽ bằng những màu nào?

+ Hai bức tranh trên có điểm gì giống nhau, điểm gì khác nhau?

– Có thể HS chưa trả lời được hoặc trả lời chưa thật đúng, GV hướng HS vào nội dung bài:

+ Bức tranh *Gà mái* và *Ngũ Hổ* đều là tranh khắc gỗ dân gian. Ở bức *Gà mái,* tất cả các màu đều được in bằng các bản gỗ khác nhau (mỗi màu một bản), sau đó in nét viền hình bằng màu đen. Tranh *Ngũ Hổ* chỉ có một bản khắc nét màu đen còn các màu đều được tô bằng bút lông.

+ Bức *Gà mái* thuộc dòng Đông Hồ (sẽ học ở bài sau), còn tranh *Ngũ Hổ* thuộc dòng tranh Hàng Trống. Các màu của tranh *Gà mái* rõ ràng, nét viền đen to, đậm nên màu tươi mà không bi rợ. Còn màu của tranh *Ngũ Hổ* tô bằng tay nên có những chỗ được vờn chồng lên nhau tạo cho tranh mềm mại hơn, tươi mà không chói. Nét viền đen của tranh *Ngũ Hổ* mảnh, trau chuốt và nhiều chỗ lẫn cùng với màu; còn nét viền của tranh *Gà mái* lại thô, tròn lẳn và rất rõ ràng.

– GV kết luận: Để có được một bức tranh ra đời, các nghệ nhân phải thực hiện nhiều công đoạn khác nhau từ khắc hình trên ván gỗ, in và tô màu từng bước một theo một quy trình rất công phu.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU VỀ ĐỀ TÀI TRANH DÂN GIAN

– GV hướng dẫn HS xem tranh trong SGK, ĐDDH rồi đặt những câu hỏi:

+ Các tranh trong SGK vẽ những nội dung gì? *(Gà mái, Ngũ Hổ, Bịt mắt bắt dê...)*

+ Tranh của những đề tài này là gì?

– GV giảng: Tranh khắc gỗ dân gian phục vụ quảng đại quần chúng nên đề cập tới nhiều đề tài khác nhau và rất gần gũi với đời sống của người lao động.

+ Tranh chúc tụng là tranh vẽ về mơ ước một cuộc sống ấm no, hạnh phúc và cầu chúc mọi sự tốt lành: *Gà "Đại Cát", Vinh hoa, Phú quý, Phúc Lộc Thọ, Tứ tôn vạn đạt...*

+ Tranh vẽ đề tài sinh hoạt, vui chơi: *Bịt mắt bắt dê, Đánh vật, Hứng dừa, Múa Rồng...*

+ Tranh về lao động sản xuất: *Đi bừa, Gà mái, Lợn nái, Lợn ăn cây ráy...*

+ Tranh vẽ đề tài lịch sử: *Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Đinh Tiên Hoàng cờ lau tập trận, Phù Đổng Thiên Vương...*

+ Tranh vẽ theo tích truyện thường lấy đề tài từ các truyền thuyết dân gian vốn được đông đảo quần chúng nhân dân yêu thích: *Thạch Sanh, Kiều, Tống Trân Cúc Hoa, Thánh Gióng...*

+ Tranh vẽ mang tính trào lộng, phê phán thói hư tật xấu trong xã hội như: *Đánh ghen, Đám cưới Chuột, Thầy đồ Cóc...*

+ Tranh ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước và tranh phục vụ tôn giáo, để thờ cúng: *Tứ quý, Lý ngư vọng nguyệt* (tả cảnh vật), *Ngũ Hổ* (tranh thờ)...

Hoạt động 4
TÌM HIỂU GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TRANH DÂN GIAN

Trước khi tìm hiểu giá trị nghệ thuật của tranh dân gian, GV kết luận: Tranh dân gian Việt Nam đã được đa số nhân dân yêu thích, là một bộ phận của nền văn hoá dân tộc và của nhân loại. Về giá trị nghệ thuật, GV cần lưu ý một số điểm sau:

+ Tranh dân gian đã chứng tỏ sự thống nhất, hoàn chỉnh trong nếp nghĩ và lao động có truyền thống của một dân tộc; là những sáng tạo tập thể của quần chúng nhân dân lao động, vì thế mang bản sắc dân tộc đậm đà.

+ Dù phản ánh đề tài nào, tranh dân gian cũng hết sức hồn nhiên, trực cảm, tạo ra được cái đẹp hài hoà giữa ý tứ và bố cục, nét vẽ và màu sắc. Do đó, màu sắc tươi tắn mà không lòe loẹt, nét viền đều và thô (tranh Đông Hồ) mà không bị cứng.

+ Hình tượng trong tranh có sức khái quát cao, hình trong tranh vừa hư vừa thực khiến người xem nhìn thuận mắt, nghĩ thuận tình và ngắm mãi không chán.

+ Bố cục tranh theo lối ước lệ, thuận mắt, vì thế nhiều bố cục phong phú, hấp dẫn. Chữ và thơ trên tranh giúp cho bố cục thêm ổn định, minh hoạ thêm cho chủ đề bức tranh.

+ Các nghệ nhân dân gian đã biết khai thác nguyên liệu, hoạ phẩm dễ tìm kiếm trong thiên nhiên (như hoa hoè, cây chàm, than rơm, vỏ sò, phẩm nhuộm...). Với số màu hạn chế nhưng do cách sắp xếp khéo, các nghệ nhân đã tái hiện lại cuộc sống trên tranh một cách đa dạng, phong phú và hấp dẫn.

Hoạt động 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

– GV nêu một số câu hỏi hướng đến trọng tâm:

+ Xuất xứ của tranh dân gian?

+ Kĩ thuật làm tranh khắc gỗ dân gian?

+ Đề tài trong tranh dân gian?

+ Giá trị nghệ thuật của tranh dân gian?

– Sau khi HS trả lời, GV tóm tắt một vài ý chính, tiêu biểu.

3. Bài tập về nhà

– Sưu tầm thêm tranh dân gian Việt Nam.

– Chuẩn bị bài sau.

Bài ***20.*** **Vẽ theo mẫu**
MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT
(Tiết 1 – Vẽ hình)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu hình dáng, tỉ lệ, đậm nhạt,màu sắc của mẫu có hai vật mẫu.

– Cách vẽ mẫu có hai vật mẫu.

– Vẽ được mẫu có hai vật mẫu theo hướng dẫn.

II - CHUẨN BỊ

– Mẫu vẽ theo nội dung bài.

– Hình vẽ minh họa các bước vẽ mẫu có hai vật mẫu.

– Hình minh hoạ cách sắp xếp bố cục.

– Một số bài vẽ của HS.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp – gợi mở.

– Quan sát.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

ĐẶT MẪU, HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– Đặt mẫu vừa tầm mắt để HS ở các vị trí khác nhau đều nhìn rõ rồi nêu câu hỏi gợi ý để HS quan sát và nhận xét tìm hiểu mẫu.

(Có thể đặt hai hoặc ba mẫu để HS quan sát và vẽ theo nhóm.)

+ Mẫu bao gồm những đồ vật gì?

+ Vật nào cao, vật nào thấp, vật nào to, vật nào nhỏ?

+ Tỉ lệ chiều cao và chiều ngang của từng vật mẫu?

+ Vật mẫu nào gần, vật mẫu nào xa?

+ Đậm nhạt chung của mẫu và đậm nhạt ở từng vật mẫu?

+ Đậm nhạt của mẫu so với nền?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung cho đầy đủ và lưu ý HS:

+ Quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

+ Lấy một bộ phận hoặc một vật mẫu làm chuẩn để so sánh ước lượng tỉ lệ giữa các vật mẫu và giữa các bộ phận để cho hình vẽ gần với mẫu.

+ Xác định chiều ánh sáng chiếu vào vật mẫu để tìm hiểu đậm nhạt của mẫu.

+ Không quan sát tách rời từng vật mẫu mà quan sát trong tương quan chung (cả về hình dáng, tỉ lệ và đậm nhạt).

+ Đặc biệt nhấn mạnh việc quan sát của từng cá nhân từ chỗ ngồi của mình. Cụ thể là:

• Cần phân biệt đặc điểm các bộ phận: nắp, thân, tay cầm và đáy; miệng bình rộng hơn đáy, có hình bầu dục (miệng bình rộng hay mặt hộp rộng là do đường tầm mắt quyết định).

• Tay cầm của cái bình sẽ có vị trí và hình dáng khác nhau tuỳ theo vị trí người quan sát.

• Có thể nhìn thấy ba hoặc hai mặt của hình hộp. Các mặt của hình hộp có thể thay đổi hình dáng và kích thước khi quan sát ở các vị trí khác nhau.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ

– Trước khi hướng dẫn cách vẽ, GV yêu cầu HS quan sát các bài vẽ của HS và nêu câu hỏi gợi ý:

+ Bài vẽ nào có bố cục hợp lí, hình dáng, tỉ lệ, đậm nhạt gần giống mẫu?

+ Em thích bài vẽ nào, tại sao?

+ Em không thích bài nào, tại sao?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung:

+ Nếu vẽ hình cái bình và hình cái hộp trên đường nằm ngang và cách xa nhau quá sẽ làm cho bố cục bài vẽ không cân đối.

+ Nếu vẽ bình và hộp trên cùng một đường trục làm cho bố cục bị thu hẹp.

+ Muốn cho bài vẽ đẹp cần phải sắp xếp vật mẫu trong bài vẽ sao cho có khoảng cách hợp lí, có vật trước có vật sau, các vật không bị dính vào nhau, vật trước không che khuất hết vật sau và có đậm, nhạt rõ ràng.

+ Khi vẽ cần theo các bước:

• Vẽ phác khung hình chung;

• Xác định tỉ lệ của từng vật mẫu và tỉ lệ của các bộ phận ở vật mẫu đó;

• Vẽ phác hình bằng các nét thẳng;

• Chỉnh sửa hình.

– GV nhấn mạnh việc so sánh tỉ lệ để phác khung hình cho từng vật mẫu dựa trên khung hình chung:

+ Điểm đặt của cái bình (vị trí của đáy);

+ Chiều ngang của đáy bình so với miệng bình;

+ Chiều ngang của các mặt hộp;

+ Vị trí của tay cầm;

+ So sánh chiều cao hộp với chiều cao của bình;

+ So sánh bề ngang của hình hộp với bề ngang của bình.

– Yêu cầu một vài HS quan sát và nhận xét mẫu theo vị trí của mình.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS không vẽ ngay mà phải quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

– Lưu ý HS:

+ Vẽ khung hình chung cho cân đối với tờ giấy.

+ Vẽ mạnh dạn không gò bó.

– Trong khi HS làm bài, GV đến từng bàn quan sát và hướng dẫn thêm.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– GV chọn một số bài vẽ tốt và chưa tốt để nhận xét.

– Yêu cầu HS tham gia nhận xét về:

+ Bố cục;

+ Tỉ lệ;

+ Nét vẽ, hình vẽ.

– HS phát biểu ý kiến đánh giá và tự xếp hạng bài của bạn theo ý mình.

– GV bổ sung và nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Về nhà em tìm đồ vật có dạng dạng hình trụ và hình hộp tự đặt mẫu và quan sát độ đậm nhạt của các đồ vật đó.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài ***21.*** **Vẽ theo mẫu**

MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT

(Tiết 2 – Vẽ đậm nhạt)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu độ đậm, nhạt của cái bình và cái hộp.

– Biết cách phân mảng đậm nhạt trên mẫu và trên bài vẽ, diễn tả được đậm, nhạt đơn giản với bốn mức độ chính: đậm, đậm vừa, nhạt và sáng.

II - CHUẨN BỊ

– Tranh minh hoạ cách vẽ đậm nhạt mẫu có hai đồ vật (ở ĐDDH).

– Hình minh hoạ thêm các bước vẽ đậm nhạt: đậm, nhạt, sáng.

– Một số bài vẽ của HS.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT ĐẬM NHẠT

– GV đặt lại mẫu ở vị trí như bài 20 và nêu câu hỏi gợi ý:

+ Độ đậm nhạt ở cái bình đựng nước và ở cái hộp có khác nhau không?

+ Phần đậm và nhạt ở thân bình chuyển tiếp như thế nào?

+ Giữa bình và hộp vật nào đậm hơn?

+ So sánh độ đậm nhạt giữa mẫu và nền?

– GV gọi một số HS nhận xét đậm nhạt từ vị trí mình ngồi theo gợi ý.

– GV bổ sung và hướng dẫn thêm để HS biết cách so sánh tương quan đậm nhạt giữa các vật mẫu, trên một vật mẫu và tương quan đậm nhạt giữa mẫu với nền.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ ĐẬM, NHẠT

– GV nhấn mạnh: Để vẽ được đậm nhạt theo mẫu cần quan sát kĩ đậm nhạt của mẫu trước khi vẽ.

– GV minh hoạ gợi ý cách vẽ đậm nhạt ở bình nước và cái hộp:

(Vẽ bảng hoặc vẽ ra giấy)

+ Xác định chiều mạnh của ánh sáng chiếu vào vật mẫu.

+ Xác định và phân chia các mảng đậm nhạt trên bình và hộp.

+ Vẽ phác các mảng đậm, nhạt theo cấu trúc của từng vật mẫu:

• Ở cái bình: mảng đậm nhạt dọc theo thân.

• Ở hình hộp: mảng đậm nhạt theo mặt nằm, mặt đứng.

• Tuỳ theo ánh sáng mạnh, yếu chiếu tới, ở mỗi vị trí các mảng độ đậm nhạt không bằng nhau.

+ Dùng nét chì thưa, dày, đậm, nhạt đan xen để tạo độ đậm nhạt.

+ Diễn tả mảng đậm trước làm chuẩn, từ đó tìm ra độ đậm vừa và nhạt.

– GV nhấn mạnh để HS nhớ:

+ Khi vẽ luôn nhìn mẫu để so sánh độ đậm nhạt ở bài vẽ với mẫu.

+ Cần nhấn mạnh đậm hoặc tẩy sáng những chỗ cần thiết cho bài vẽ sinh động hơn.

+ Vẽ đậm nhạt ở nền để bài vẽ có không gian.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS không vẽ ngay mà phải quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

– Lưu ý HS không vẽ đậm ngay mà vẽ từ nhạt đến đậm.

– Nhắc HS khi diễn tả đậm nhạt cần dùng chì để gạch đan nét từ thưa đến mau, từ nhạt đến đậm, không di liền nét đậm nhạt sẽ bị lì.

– Đến từng bàn để quan sát HS làm bài và hướng dẫn bổ sung.

– Khen ngợi những HS làm bài tốt, động viên HS còn lúng túng.

– GV nhắc HS:

+ Nhìn mẫu để tìm và so sánh các độ đậm nhạt.

+ Các mảng đậm, nhạt ở cái bình chuyển tiếp nhẹ nhàng vì thân bình tròn; ngược lại, đậm nhạt ở cái hộp rõ ràng hơn.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài vẽ tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét về:

+ Cách vẽ đậm nhạt và tương quan đậm nhạt giữa 2 vật mẫu giữa mẫu và nền.

+ Rõ hình, chưa rõ hình.

+ Đậm nhạt giữa mẫu và nền.

– Cùng HS đánh giá, xếp loại các bài vẽ.

– Nhận xét chung bài học.

3. Bài tập về nhà

– Sưu tầm tranh vẽ về đề tài ngày tết, mùa xuân.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài ***22.*** Vẽ tranh
ĐỀ TÀI NGÀY TẾT VÀ MÙA XUÂN

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu đề tài ngày Tết và vẻ đẹp của mùa xuân. Hiểu biết bản sắc văn hoá dân tộc qua các phong tục tập quán ở mỗi miền quê trong ngày Tết và mùa xuân.

– Cách vẽ tranh đề tài ngày Tết và mùa xuân.

– HS vẽ hoặc xé dán được một bức một tranh về đề tài *Ngày Tết và mùa xuân*.

II - CHUẨN BỊ

– Bộ tranh ĐDDH MT6.

– Một số tranh, ảnh đẹp về ngày Tết và mùa xuân gồm:

+ Một số tranh tranh dân gian có nội dung lễ hội, mùa xuân.

+ Một số tranh vẽ đề tài ngày tết, mùa xuân của HS.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp.

– Thuyết trình.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

– GV treo một số tranh đẹp về đề tài *Ngày Tết và mùa xuân*, yêu cầu HS quan sát để tìm hiểu nội dung tranh và tiếp cận nội dung đề tài theo các câu hỏi gợi ý:

+ Em có thích đi chơi tết không?

+ Ngày tết thường có có những hoạt động nào?

+ Em đã xem và tham gia hoạt động nào trong dịp tết?

+ Em thích hoạt động nào nhất?

+ Em hãy mô tả lại nội dung, hình ảnh, màu sắc các hoạt động đó?

+ Nếu vẽ tranh em sẽ chọn hoạt động nào? Tại sao em lại chọn hoạt động đó?

– GV gọi 2 hoặc 3 HS trả lời các câu hỏi, sau khi HS trả lời, GV gợi ý và bổ sung thêm cho đầy đủ nội dung các câu trả lời.

– Yêu cầu HS dành khoảng 2 đến 3 phút đọc phần 1 SGK, sau đó GV gợi mở những chủ đề có thể vẽ tranh về ngày Tết và mùa xuân như đã nêu trong SGK, ngoài ra yêu cầu HS nêu thêm những chủ đề khác mang đặc điểm của địa phương mình.

– GV vừa giảng giải, vừa minh họa chỉ dẫn thêm trên các bức tranh của họa sĩ, tranh dân gian, tranh của HS, giúp các em rõ hơn về nội dung đề tài, về các hoạt động, về màu sắc để các em có thể cảm thụ được vẻ đẹp của các bức tranh thông qua cách sắp xếp bố cục, cách vẽ hình, cách vẽ màu của các bức tranh.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ TRANH

– GV yêu cầu một vài HS nhắc lại các bước vẽ tranh đề tài như hướng dẫn ở nhưng bài trước.

– GV nhấn mạnh một số điểm cần chú ý khi vẽ tranh đề tài ngày Tết:

+ Chọn hoạt động quen thuộc dễ vẽ (Tốt nhất là hoạt động em đã tham gia).

+ Lựa chọn hình ảnh chính tiêu biểu cho trọng tâm bức tranh.

+ Tình hình ảnh hỗ trợ cho hình ảnh chính (hình ảnh phụ).

+ Lựa chọn khung cảnh phù hợp với nơi diễn ra hoạt động.

+ Màu sắc và không khí của hoạt động (tươi vui, tưng bừng, nhộn nhịp).

– GV dùng tranh hoặc vẽ minh hoạ bảng cách phác hình, cách sắp xếp bố cục hình vẽ, cách chỉnh sửa hình (chính, phụ, trước, sau, to, nhỏ, xa gần..) để HS quan sát và ghi nhớ trước khi vẽ.

– GV có thể hướng dẫn thêm cách xé dán giấy màu để tạo nên một bức tranh theo chủ đề này. Lưu ý HS khi xé dán cần:

+ Có thể dùng nhiều loại giấy màu khác nhau.

+ Có thể xé hình theo các hình đã vẽ trước, hoặc xé trực tiếp thành hình luôn.

+ Sắp xếp và dán hình theo mảng chính, phụ.

+ Có thể dùng kĩ thuật vò giấy, xước giấy trước khi dán để cho tranh thêm sinh động.

+ Có thể phối hợp vừa cắt, xé dán vừa vẽ màu trên cùng một bức tranh.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Nhắc HS cân nhắc khi chọn nội dung nên chọn hoạt động phù hợp với khả năng.

– Có thể vừa vẽ bút chì vừa chỉnh sửa cho hoàn chỉnh hình trước rồi vẽ màu.

– Nếu HS nào có khả năng có thể vẽ màu trực tiếp.

– Chú ý diễn tả các dáng hoạt động cho phù hợp với nội dung.

– Chú ý màu sắc cho phù hợp với không khí lễ hội.

– Trong khi HS làm bài, GV đến từng bàn để quan sát và hướng dẫn bổ sung khi thấy cần thiết.

Hoạt động 4
NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét, đánh giá bài vẽ.

– GV gợi ý để HS đánh giá theo các nội dung:
+ Cách chọn đề tài ở từng bài (rõ, chưa rõ).
+ Cách sắp xếp bố cục, hình vẽ (cân đối, chưa cân đối).
+ Cách vẽ màu (phù hợp, chưa phù hợp).
– HS đánh giá và đưa ra nhận xét, GV bổ sung và kết luận.
– GV cần biểu dương. những bài vẽ màu đẹp.

3. Bài tập về nhà

– Sưu tầm những mẫu chữ in hoa nét đều đẹp mà em thích.
– Chuẩn bị bài học sau.

Bài 23. Vẽ trang trí
KẺ CHỮ IN HOA NÉT ĐỀU

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu kiểu chữ in hoa nét đều.

– Biết những đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng của chữ in hoa nét đều và vẻ đẹp của nó.

– Kẻ được một khẩu hiệu ngắn bằng chữ in hoa nét đều.

II - CHUẨN BỊ

– Bảng màu chữ in hoa nét đều (phóng to).
– Một số chữ in hoa nét đều đẹp ở sách, báo, tạp chí,tranh cổ động...
– Một số dòng chữ in hoa nét đều được sắp xếp đúng và chưa đúng.
– Một số con chữ kẻ sai và dòng chữ kẻ sai.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.
– Thuyết trình.
– Vấn đáp.
– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

– GV cho HS xem một vài kiểu chữ rồi giới thiệu:

+ Chữ tiếng Việt hiện nay có nguồn gốc từ chữ La tinh.

+ Có nhiều kiểu chữ: chữ nét nhỏ, chữ nét to, chữ có chân, chữ trang trí, chân phương *v.v...*

+ Chữ có vai trò quan trọng trong trang trí và trong đời sống.

+ Chúng ta sẽ tìm hiểu kiểu chữ in hoa nét đều.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– Yêu cầu HS quan sát và nhận xét các kiếu chữ ở Bộ ĐDDH, trong SGK để HS nhận biết chữ in hoa nét đều.

– GV nêu câu hỏi gợi ý để HS tìm hiểu:

+ Chữ in hoa nét đều là kiểu chữ có các nét như thế nào?

(nét đều và bằng nhau).

+ Dáng chữ in hoa nét đều như thế nào? (chắc khoẻ).

+ Độ rộng hẹp của các chữ có giống nhau không? (Có sự khác nhau về độ rộng, hẹp, ví dụ: chữ M rộng hơn chữ I...)

+ Chữ in hoa nét đều có những đặc điểm gì:

(Có chữ chỉ có nét thẳng như: H, M, N, I, K, T..).

(Có chữ có nét thẳng và nét cong như: D, Đ, R, B, U...).

(Có chữ chỉ có nét cong như: O,C, G, S...).

– GV nhấn mạnh: Chữ in hoa nét đều là loại chữ được dùng phổ biến trong sách vở và các loại văn bản. Trong nghệ thuật, chữ này được cải tiến và cách điệu để phục vụ cho các nội dung trang trí và ấn loát khác nhau nhằm phục vụ yêu cầu về cái đẹp của con người.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH KẺ CHỮ

– GV kẻ nhanh một số con chữ in hoa nét đều lên bảng để minh hoạ cách kẻ chữ có nét thẳng, nét cong v.v..

– GV nêu các yêu cầu về sắp xếp một dòng chữ (khẩu hiệu):

+ Trước khi sắp xếp dòng chữ, ta cần ước lượng chiều dài, chiều cao của dòng chữ để có thể sắp xếp một dòng, hai dòng hay ba dòng sao cho vừa với khổ giấy và phù hợp với nội dung dòng chữ.

+ Khi sắp xếp dòng chữ, ta phải chú ý đến độ rộng, hẹp của các con chữ (chữ M rộng hơn chữ N, I v.v...).

+ Cần chú ý sao cho khoảng cách của các con chữ và các chữ nhìn thuận mắt, dễ đọc.

+ Trong cùng môt dòng, các chữ giống nhau phải kẻ đều nhau.

+ Chú ý câu chữ khi ngắt dòng.

+ Phải có dấu đúng vị trí và phù hợp.

– GV vừa giải thích vừa chỉ dẫn, minh hoạ trên ĐDĐH, hoặc vẽ bảng.

– Yêu cầu một vài HS nhận xét con chữ, dòng chữ, cách trang trí chữ trên ĐDĐH.

– Yêu cầu HS xem hướng dẫn cách sắp xếp dòng chữ, cách kẻ chữ trong SGK.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– GV nêu yêu cầu của bài tập thực hành: Kẻ dòng chữ in hoa nét đều

ĐOÀN KẾT TỐT, HỌC TẬP TỐT.

– Yêu cầu HS:

+ Ước lượng chiều dài của dòng chữ: "Đoàn kết tốt, học tập tốt" vào khổ giấy cho phù hợp.

+ Ước lượng chiều cao của dòng chữ cho cân đối với chiều dài dòng chữ.

+ Chia khoảng cách giữa các con chữ và giữa các từ sao cho vừa với chiều dài của dòng chữ.

+ Vẽ phác hình dáng các con chữ trước khi kẻ chữ hoàn chỉnh.

+ Chọn màu chữ và màu nền để tôn cho dòng chữ nổi bật.

– Lưu ý HS:

+ Sắp xếp bố cục dòng chữ sao cho vừa và đẹp.

+ Có thể dùng thước, êke, thước cong để kẻ chữ.

+ Ngoài kẻ chữ, GV có thể cho HS cắt chữ để bài tập phong phú hơn.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét, đánh giá.

– GV gợi ý để HS đánh giá theo các nội dung:

+ Cách kẻ từng con chữ (đúng, chưa đúng).

+ Khoảng giữa các từ (cân đối, chưa cân đối).

+ Cách vẽ màu (màu chữ, màu nền phù hợp, chưa phù hợp).

– HS đánh giá và đưa ra nhận xét, GV bổ sung và kết luận.

– GV cần biểu dương những bài vẽ đẹp.

3. Bài tập về nhà

– Hoàn thành bài tập ở lớp.

– Tập cắt chữ in hoa nét đều và dán thành khẩu hiệu ngắn.

– Chuẩn bị cho bài học sau: Sưu tầm tranh dân gian Việt Nam.

Bài **24.** Thường thức mĩ thuật
GIỚI THIỆU MỘT SỐ TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu sâu hơn về hai dòng tranh dân gian nổi tiếng là Đông Hồ và Hàng Trống.

– Mở rộng hiểu biết giá trị nghệ thuật thông qua nội dung và hình thức của một số tranh dân gian được giới thiệu.

– Yêu mến, gìn giữ nghệ thuật truyền thống.

II - CHUẨN BỊ

– Bộ ĐDDH MT 6.

– Sưu tầm thêm một số tranh dân gian Đông Hồ, Hàng Trống: *Gà "Đại Cát", Đám cưới Chuột, Bốn mùa, Cá chép trông trăng, Chợ quê, Phật Bà Quan Âm...*

Phương pháp giảng dạy:

– Hoạt động nhóm.

– Vấn đáp.

– Tự học.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, hoặc trò chơi đơn giản tạo tình huống để giới thiệu bài cho hấp dẫn, lôi cuốn HS.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

GV GIỚI THIỆU NHẮC LẠI VÀI NÉT VỀ TRANH DÂN VIỆT NAM

+ Tranh dân gian là loại tranh có từ lâu đời, không rõ năm, tháng ra đời cụ thể, không rõ tên tác giả. Cũng như Văn học dân gian (ca dao tục ngữ), tranh dân gian được truyền từ đời này qua đời khác. Dân tộc nào cũng có nguồn tranh dân gian của mình.

+ Tranh dân gian Việt Nam còn gọi là tranh Tết vì nó thường được bán và mua trong dịp Tết.

+ Tranh dân gian được xuất phát từ nhu cầu về đời sống tinh thần của người dân lao động.

+ Nội dung, đề tài của tranh dân gian phản ánh cuộc sống sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân lao động.

+ Có 2 dòng tranh dân gian tiêu biểu là tranh Đông Hồ và Hàng Trống.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM HIỂU TRANH, TRAO ĐỔI NHÓM

– GV chia lớp theo nhóm học tập, yêu cầu HS đọc SGK và xem tranh để tìm hiểu nội dung các bức tranh (thời gian đọc SGK chừng từ 8 đến 10 phút):

* Tranh Đông Hồ: *Gà "Đại cát", Đám cưới chuột*.

* Tranh Hàng Trống: *Chợ quê, Phật bà Quan âm.*

– Sau khi HS đọc, GV yêu cầu một số HS mô tả lại nội dung, cách sắp xếp các hình ảnh, cách vẽ màu trên bức tranh và nêu nhận xét của bản thân về bức tranh. (Nội dung tranh phản ảnh cái gì? Em thích bức tranh nào? tại sao thích?...).

– GV bổ sung các ý kiến mô tả và nhận xét của HS cho đúng và đầy đủ.

– GV giảng giải thêm để mở rộng kiến thức cho HS:

+ Tranh thuộc dòng tranh Đông Hồ:

Tranh *Gà "Đại Cát"*:

Bức tranh thuộc đề tài *Chúc tụng*. "Đại Cát" có ý chúc mừng mọi người, mọi nhà đón xuân mới "nhiều điều tốt, nhiều tài lộc". Theo quan niệm xưa, 'Gà" trống oai võ, hùng dũng tượng trưng cho sự thịnh vượng và

những đức tính tốt mà người con trai cần có. Gà được coi là hội tụ năm đức tính: văn, võ, dũng, nhân, tín.

- Cái mào đỏ tựa như mũ cánh chuồn trạng nguyên là "Văn".
- Chân gà có cựa sắc nhọn như kiếm để đấu chọi là "Võ".
- Thấy địch thủ dũng cảm, không sợ và đấu chọi đến cùng là "Dũng".
- Kiếm được mồi cùng gọi nhau ăn là "Nhân".
- Hàng ngày, gà gáy báo canh không bao giờ sai là "Tín".

Tranh *Đám cưới Chuột:*

Bức tranh thuộc đề tài trào lộng, châm biếm, phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội. Bức tranh còn có tên khác là *Trạng Chuột vinh quy,* diễn tả một đám rước rất vui với kèn, trống, cờ quạt, mũ mão, cân đai chỉnh tề. "Chuột anh" cưỡi ngựa hồng đi trước, "Chuột nàng" ngồi kiệu theo sau. Đám rước diễn ra trong không khí vui nhộn nhưng thực ra họ nhà Chuột vẫn lo sợ, ngơ ngác, thấp thỏm vì còn có Mèo. Muốn được yên thân, họ nhà Chuột phải dâng cho mèo lễ vật hậu hĩnh, đúng với sở thích của Mèo.

+ Tranh thuộc dòng tranh Hàng Trống:

Tranh *Chợ quê:*

– Bức tranh thuộc đề tài sinh hoạt, vui chơi. Hình ảnh trong tranh là những gì gần gũi, quen thuộc với cuộc sống của người nông dân. Cảnh họp chợ ở một vùng nông thôn sầm uất, nhộn nhịp. Dưới bóng cây đa cổ thụ râm mát là một dãy quán chợ đủ các ngành nghề, những người ở các tầng lớp khác nhau tập trung không khác gì một xã hội thu nhỏ.

– Cách vẽ đường nét tinh tế và kĩ (mảnh nhỏ), diễn tả nhân vật có đặc điểm, có thần thái và màu sắc tươi nguyên của phẩm nhuộm đã tạo nên sự sống động của bức tranh tiêu biểu cho nghệ thuật của dòng tranh Hàng Trống.

Tranh *Phật Bà Quan âm:*

Bức tranh thuộc đề tài tôn giáo, thờ cúng, ngoài nội dung có tính chất tín ngưỡng còn có ý nghĩa khuyên răn mỗi người làm điều thiện theo thuyết của đạo Phật. Bức tranh *Phật Bà Quan âm* là đề tài lấy trong sự tích của Phật giáo, diễn tả Đức Phật ngự trên toà sen tỏa ánh hào quang rực rỡ, đứng hầu hai bên là các đệ tử Tiên Đồng và Ngọc Nữ.

– Bức tranh có màu sắc tươi tắn, cách vẽ màu có vờn đậm nhạt.

Cách sắp xếp (bố cục) cân đối, hài hoà, Đức Phật ngồi xếp bằng trên đài sen, toả ánh hào quang.

– Cách tô màu truyền thống của dòng tranh Hàng Trống, tạo được độ đậm nhạt của màu trong mỗi nét bút nên tranh có độ sâu, huyền ảo của không khí thần tiên. Cách diễn tả nét mềm mại, đặc biệt là nét; cách sắp xếp bố cục nhịp nhàng, cân đối...

– GV kết luận về những điểm nổi bật của hai dòng tranh Đông Hồ và Hàng Trống:

Tranh Đông Hồ

Tranh Đông Hồ được sản xuất hàng loạt bằng những ván gỗ khắc. Gỗ để làm tranh thường là gỗ thị vì thớ gỗ thị dẻo dai và dễ khắc. Mỗi màu có một bản in nên bức tranh có bao nhiêu màu phải có bấy nhiêu bản khắc.

+ Giấy in tranh thường là giấy dó được quét lên một lớp điệp tán nhỏ trộn với hồ nếp.

+ Màu sắc trong tranh được tạo ra từ những vật có sẵn trong thiên nhiên và dễ kiếm như: màu đen lấy từ than lá tre, than rơm; màu đỏ son lấy từ sỏi đỏ tán mịn; màu vàng lấy từ hoa hoè hoặc cây gỗ vang; màu lam lấy từ lá cây chàm; màu trắng lấy từ vỏ sò, vỏ hến hầm, đốt, tán nhỏ trộn với hồ nếp.

+ Cách sắp xếp bố cục trong tranh thuận mắt, hình to, nền thoáng; đường nét đơn giản, chắc khoẻ và dứt khoát đã thể hiện rõ tính cách của người nông dân đôn hậu, phóng khoáng.

Tranh Hàng Trống

+ Tranh Hàng Trống chỉ cần một bản khắc để in nét đen làm đường viền cho các hình vẽ và sau đó tô màu bằng tay.

+ Màu sắc trong tranh là màu phẩm nhuộm nên tươi tắn, sinh động. Do các nghệ nhân vẽ màu bằng tay nên nét tô linh hoạt, kĩ thuật dùng màu ẩn hiện (như trong tranh *Phật Bà Quan âm, Ngũ Hổ)* tạo được không khí hư hư thực thực của các bức tranh thờ.

+ Khuôn khổ tranh có nhiều kích thước khác nhau.

+ Cách sắp xếp bố cục theo lối thuận mắt, đường nét mảnh nhỏ, trau chuốt và rậm rạp, nhiều khi chìm lẫn trong màu sắc thể hiện sự công phu, và tính sáng tạo.

– *GV nói thêm một vài nhận xét về hai dòng tranh*

– Sự sáng tạo nghệ thuật của các nghệ nhân thể hiện ở chỗ họ đã tìm ra những nguyên liệu đơn giản, sẵn có để tạo nên những bức tranh đẹp, giàu tính nghệ thuật.

– Mỗi dòng tranh đều nhằm phục vụ cho một đối tượng cụ thể nên mỗi dòng tranh đều có cách diễn tả riêng:

+ Tranh Đông Hồ phục vụ bà con nông dẫn "ăn chắc mặc bền", tranh có nét viền dứt khoát, đơn giản, hình to, nền thoáng; Đề tài trong tranh Đông Hồ gần gụi với cuộc sống, ước mơ, tình cảm của nhân dân lao động.

+ Tranh Hàng Trống phục vụ tầng lóp thị dân và trung lưu nên đường nét mảnh mai, bay bướm và được gia công một cách tỉ mỉ, công phu; Đề tài trong tranh Hàng Trống thường lấy trong các tích truyện truyền kì, ca ngợi thiên nhiên và các tranh thờ phục vụ cho tôn giáo...

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– GV đặt câu hỏi để kiểm tra nhận thức của HS về hai dòng tranh qua một số bức tranh đã xem, đã phân tích.

– Nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Đọc kĩ bài trong SGK.

– Sưu tầm tranh vẽ về đề tài Mẹ và em.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài ***25.*** **Vẽ tranh**
ĐỀ TÀI MẸ CỦA EM

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu đề tài mẹ.

– Cách vẽ tranh đề tài mẹ của em.

– Vẽ được tranh đề tài về mẹ của em.

II - CHUẨN BỊ

– Bộ ĐDDH MT6.

– Một số tranh của hoạ sĩ, của HS về đề tài người mẹ.

– Tranh minh hoạ các bước vẽ.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

– Treo một vài bức tranh, yêu cầu HS quan sát nhận xét về:

+ Nội dung các bức tranh;

+ Hình ảnh người mẹ trên các bức tranh;

+ Bố cục, màu sắc...

– Từ nhận xét của HS, GV khơi gợi để các em nhớ lại hình ảnh về mẹ trong các hoạt động cụ thể hằng ngày, trong lao động sản xuất, công việc xã hội và gia đình, đặc biệt là tình cảm đối bản thân các em.

– Nêu câu hỏi gợi ý để HS nhớ lại và lựa chọn hình ảnh đẹp về tình cảm và các hoạt động của mẹ có thể vẽ thành tranh:

+ Mẹ em làm nghề gì?

Em biết gì về về công việc ở cơ quan của mẹ?

+ Công việc của mẹ thường ngày ở nhà là gì?

+ Em biết rõ nhất công việc nào của mẹ?

+ Em thích nhất công việc nào, hoạt động nào của mẹ?

+ Em sẽ chọn công việc gì, hoạt động nào của mẹ để vẽ thành tranh?

+ Em nào thích vẽ chân dung mẹ của mình?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Có nhiều công việc, hoạt động của mẹ có thể lựa chọn để vẽ thành tranh.

+ Chọn công việc, hoạt động nào của mẹ mà em thích nhất, biết rõ nhất.

+ Tránh chọn nội dung xa lạ không phù hợp với khả năng.

– Đây chỉ là gợi ý, các em hãy tự chọn nội dung mà mình cảm thấy hứng thú, phù hợp với khả năng để vẽ tranh.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ TRANH

– Yêu cầu một HS nhắc lại các bước tiến hành bài vẽ tranh.

– Sau khi HS trả lời GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Xác định hình ảnh chính cho bức tranh.

+ Cân nhắc ý tưởng, sắp xếp bố cục hình vẽ.

+ Vẽ hình chính trong tranh là mẹ và các hình ảnh khác có liên quan.

+ Chỉnh sửa bố cục, chỉnh sửa các hình ảnh.

+ Vẽ màu tươi tắn, phù hợp nội dung của đề tài.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS chỉ tham khảo, không chép lại các hình vẽ trong SGK.

– Nhắc HS khá giỏi có thể vẽ vào giấy A4 hoặc A3.

– Đến từng bàn để quan sát HS làm bài.

– Giúp những HS yếu kém để các em tự chủ và thoải mái trong khi vẽ tranh.

– Lưu ý HS thêm về cách khai thác nội dung, cách vẽ hình và vẽ màu.

– Có thể yêu cầu HS dừng vẽ để hướng dẫn bổ sung khi thấy cần thiết.

– Động viên HS vẽ yếu, khích lệ HS vẽ tốt kịp thời.

Hoạt động 4
NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn treo một số bài tốt và chưa tốt để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét.

– Gợi ý để HS nhận xét tập trung vào các yếu tố:

+ Chọn nội dung;

+ Sắp xếp bố cục;

+ Màu sắc;

+ Tiến độ bài vẽ (Xong, chưa xong).

– GV bổ sung ý kiến nhận xét của HS, nhận xét, khen ngợi các HS làm bài tốt, động viên những HS chưa làm được bài.

3. Bài tập về nhà

– Sưu tầm mẫu chữ in hoa nét thanh, nét đậm đẹp.

– Tiếp tục hoàn thiên bài vẽ ở lớp.

– Chuẩn bị bài sau.

Bài 26. Vẽ trang trí
KẺ CHỮ IN HOA NÉT THANH NÉT ĐẬM

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu vẻ đẹp của kiểu chữ in hoa nét thanh nét đậm và tác dụng của kiểu chữ này trong cuộc sống.

– Biết đặc điểm của chữ in hoa nét thanh nét đậm và cách sắp xếp dòng chữ.

– Kẻ được một khẩu hiệu ngắn bằng kiểu chữ nét thanh nét đậm và tô màu.

II - CHUẨN BỊ

– Bảng chữ in hoa nét thanh nét đậm.

– Một số tít bìa sách báo, tranh cổ động có chữ in hoa nét thanh nét đậm.

– Hình minh hoạ cách sắp xếp dòng chữ.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan

– Vấn đáp.

– Luyện tập...

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh hoặc đố vui để tạo tình huống dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– GV đưa bảng chữ in hoa nét thanh, nét đậm và yêu cầu HS quan sát nhận xét theo gợi ý:

+ Các nét chữ trong từng con chữ của chữ in hoa nét thanh, nét đậm như thế nào?

+ Các con chữ trong bộ chữ in hoa nét thanh, nét đậm có đặc điểm gì?

+ Chữ in hoa nét thanh, nét đậm thường được dùng ở đâu?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Các nét của các con chữ không đều nhau mà nét thanh nét đậm.

+ Cũng giống như chữ in hoa nét đều, các con chữ in hoa nét thanh, nét đậm có chữ chỉ gồm nét thẳng, có chữ chỉ có nét cong, có chữ gồm cả nét thẳng, nét cong. (chữ nét thẳng: H, M, N, T,E,A, V..., chữ nét cong: O, C, S,U,..., chữ gồm nét thẳng và nét cong: D,B, R, Q,G,P,)

+ Chữ in hoa nét thanh, nét đậm thường dùng trong trang trí sách báo, tranh cổ động, khẩu hiệu...

– GV yêu cầu HS quan sát thêm một số minh hoạ chữ ở bìa sách, đầu báo, khẩu hiệu, giấy khen, bằng tốt nghiệp v.v... để HS thấy được loại chữ này có những đặc điểm như bay bướm, nhẹ nhàng, thanh thoát.

– GV chỉ ra vị trí của nét thanh, nét đậm ở một số con chữ để HS thấy rõ:

+ Ở chữ nét thanh, nét đậm: Thường thì nét kéo từ trên xuống là nét đậm, nét đưa từ dưới lên, nét đưa ngang là nét thanh. Nhưng có một số chữ không theo quy luật này, ví dụ: chữ A, Y, X,V...

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH KẺ CHỮ

– GV lưu ý HS cách sắp xếp dòng chữ in hoa nét thanh, nét đậm về cơ bản giống như cách sắp xếp dòng chữ in hoa nét đều đã học ở bài trước.

– Yêu cầu một HS nhắc lại các yêu cầu về sắp xếp dòng chữ ở bài trước.

– GV bổ sung và nhấn mạnh những điểm chính sau:

– Ước lượng chiều dài của dòng chữ để sắp xếp vào mặt giấy cho cân đối.

– Ước lượng chiều cao, chiều rộng của chữ cho vừa với chiều dài dòng chữ (không thừa, không thiếu).

– Chia khoảng cách giữa các con chữ, giữa các từ cho hợp lí.

– Phác nét chì và chỉnh sửa trước khi kẻ chữ.

– Tô màu chữ và nền.

– Lưu ý HS khi kẻ chữ nét thanh, nét đậm:

+ Nét thanh, nét đậm phải đúng vị trí theo mẫu.

+ Cùng con chữ phải kẻ thống nhất, tránh chữ to, chữ nhỏ.

+ Các nét thanh, nét đậm trong dòng chữ phải đều nhau, tránh chỗ to, chỗ nhỏ.

+ Các chữ trong câu phải cùng màu.

+ Màu chữ và màu nền cần khác nhau, màu nền phải làm rõ chữ.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Cho HS kẻ một dòng chữ in hoa nét thanh, nét đậm ngắn:

MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20 – 11

– Lưu ý HS:

+ Cách chia dòng, phân khoảng chữ, kẻ chữ và trang trí thêm đường diềm hoặc họa tiết cho dòng chữ đẹp hơn.

+ Khi tô màu cần chọn màu cho dòng chữ nổi, rõ (có thể tô màu nền).

+ Tô màu đều, kín hết chữ, kín hết nền, tô từ nhạt đến đậm.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS tham gia nhận xét và đánh giá về:

+ Đúng, chưa đúng mẫu chữ;

+ Cách sắp xếp bố cục;

+ Cách tô màu chữ, màu nền.

– GV bổ sung nhận xét của HS và nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Làm tiếp bài ở lớp (nếu chưa xong).

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 27. Vẽ theo mẫu
MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT
(Tiết 1 – Vẽ hình)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu nâng cao mẫu có hai đồ vật.

– Cách vẽ mẫu có hai đồ vật.

– HS vẽ được hình, đậm nhạt theo mẫu.

II - CHUẨN BỊ

– Mẫu vẽ: Cái ấm đun nước và cái bát.

– Có thể chuẩn bị thêm một số mẫu sau cho HS vẽ theo nhóm:

+ Lọ hoa và quả bưởi hoặc quả cam;

+ Cái phích và quả bóng (loại nhỏ).

– Phóng to hoặc vẽ lên bảng hình 2, trang 145, SGK.

– Bộ ĐDDH MT6.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh vẽ nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– GV giới thiệu mẫu vẽ: Lọ hoa và quả, cái ấm và cái bát, cái phích và quả bóng.

– Cùng HS bày mẫu, có thể bày mẫu vẽ theo nhiều cách (H.I SGV).

– Sau khi đặt mẫu, yêu cầu HS quan sát và nhận xét theo gợi ý:

+ Hình dáng, đặc điểm của từng đồ vật (miệng thân, đáy...).

+ So sánh tỉ lệ chiều cao và chiều ngang ở từng đồ vật (ở ấm, ở bát).

+ So sánh tỉ lệ chiều cao, chiều ngang giữa hai vật mẫu (giữa ấm và bát).

+ So sánh độ đậm, nhạt ở từng đồ vật và giữa hai đồ vật (giữa ấm và bát).

+ So sánh đậm, nhạt giữa vật mẫu và nền.

– Cá nhân hoặc đại diện nhóm trình bày những quan sát và nhận xét được theo gợi ý trên.

– GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Các đồ vật trên đều do các hình cơ bản hợp thành.

+ Chúng khác nhau về kích thước: dài, ngắn, rộng, hẹp và các chi tiết.

+ Nắm được cấu trúc chung có thể vẽ được bất cứ đồ vật nào có hình dạng tương đương.

– GV hướng dẫn HS quan sát cụ thể trên từng mẫu, gợi ý để các em nhận biết:

+ Quan sát mẫu ở vị trí ngồi: vật ở phía trước, vật ở phía sau, phần bị che khuất...

+ Chỗ cao nhất, chỗ thấp nhất của vật mẫu.

+ Vật lớn, vật bé.

+ Tỉ lệ các bộ phận: cao, thấp, rộng, hẹp...

+ Đậm nhạt chung, đậm nhạt trên từng đồ vật.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ HÌNH

– Trước khi hướng dẫn cách vẽ, GV yêu cầu HS quan sát các bài vẽ của HS và nêu câu hỏi gợi ý:

+ Bài vẽ nào có bố cục hợp lí, hình dáng, tỉ lệ, đậm nhạt gần giống mẫu?

+ Em thích bài vẽ nào, tại sao?

+ Em không thích bài nào, tại sao?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung:

+ Nếu vẽ hình cái ấm và hình cái hộp trên đường nằm ngang và cách xa nhau quá sẽ làm cho bố cục bài vẽ không cân đối.

+ Nếu vẽ ấm và bát trên cùng một đường trục làm cho bố cục bị thu hẹp.

+ Muốn cho bài vẽ đẹp cần phải sắp xếp vật mẫu trong bài vẽ sao cho có khoảng cách hợp lí, có vật trước có vật sau, các vật không bị dính vào nhau, vật trước không che khuất hết vật sau và có đậm, nhạt rõ ràng.

+ Khi vẽ cần theo các bước:

* Vẽ phác khung hình chung;

* Xác định tỉ lệ của từng vật mẫu và tỉ lệ của các bộ phận ở vật mẫu đó;

* Vẽ phác hình bằng các nét thẳng;

* Chỉnh sửa hình.

– GV nhấn mạnh việc so sánh tỉ lệ để phác khung hình cho từng vật mẫu dựa trên khung hình chung:

+ Điểm đặt của cái ấm (vị trí của đáy);

+ Điểm đặt của bát;

+ Tỉ lệ chiều ngang của đáy ấm so với miệng ấm;

+ Tỉ lệ chiều ngang của đáy bát so với miệng bát;

+ Vị trí của quai ấm, vòi ấm;

+ So sánh tỉ lệ chiều cao của bát với chiều cao của ấm;

+ So sánh tỉ lệ bề ngang của bát với bề ngang của ấm.

– Yêu cầu một vài HS quan sát và nhận xét mẫu theo vị trí của mình.

– GV giới thiệu cách vẽ ở một mẫu cụ thể (hình minh hoạ hướng dẫn cách vẽ đã chuẩn bị trước hoặc thực hiện lên bảng) theo trình tự chung. Đồng thời, chỉ ra ở những mẫu khác để HS theo dõi dễ dàng hơn:

+ Vẽ phác khung hình chung và khung hình từng vật mẫu.

+ Ước lượng và phác tỉ lệ các bộ phận.

+ Vẽ nét chính và vẽ nét chi tiết (như đã hướng dẫn ở các bài trước).

– GV nhắc HS quan sát mẫu và đối chiếu theo chiều ngang, chiều dọc để tính tỉ lệ bộ phận; Vẽ các nét cong, thẳng cho đúng với mẫu.

– GV có thể vẽ phác lên bảng những hình vẽ (cái chai) khác nhau về tỉ lệ giữa các bộ phận để HS thấy được sự cần thiết của việc quan sát, ước lượng, so sánh trong khi vẽ.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS không vẽ ngay mà phải quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

– Lưu ý HS:

+ Vẽ khung hình chung cho cân đối với tờ giấy;

+ Vừa vẽ vừa quan sát mẫu;

+ Lấy một bộ phận của một vật mẫu làm chuẩn để xác định tỉ lệ các phần khác bằng cách so sánh ước lượng;

+ Vẽ mạnh dạn không gò bó.

– Trong khi HS làm bài GV đến từng bàn quan sát và hướng dẫn thêm.

– Động viên những HS vẽ yếu, khích lệ HS vẽ tốt.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS tham gia nhận xét về:

+ Sắp xếp bố cục (cân đối, chưa cân đối).

+ Tỉ lệ ở bài vẽ so với mẫu (có vẽ được tỉ lệ và đặc điểm của mẫu hay không).

– Bổ sung nhận xét của HS.

– Đánh giá và nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Tự bày mẫu giống như ở lớp rồi vẽ hình như hướng dẫn.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 28. Vẽ theo mẫu
MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT
(Tiết 2 – Vẽ đậm nhạt)

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu cách phân chia các mảng đậm, nhạt theo cấu trúc của mẫu.

– Cách vẽ được đậm, nhạt ở các mức độ: đậm, đậm vừa, nhạt và sáng.

– Vẽ được đậm, nhạt đơn giản theo mẫu.

II - CHUẨN BỊ

– Mẫu vẽ (như *Bài 27).*

– Tranh minh họa cách vẽ phác mảng đậm, nhạt theo cấu trúc của mẫu.

– Tranh minh cách vẽ đậm, nhạt của một bài vẽ theo mẫu.

– Một số bài vẽ theo mẫu hai đồ vật của HS.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh vẽ nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM ĐỘ ĐẬM, NHẠT
VÀ PHÁC MẢNG ĐẬM, NHẠT

– Đặt mẫu đúng như đã đặt ở tiết vẽ trước (điều chỉnh vị trí và ánh sáng cho phù hợp).

– Yêu cầu HS quan sát mẫu và đối chiếu với bài vẽ của mình (có thể chỉnh sửa lại hình vẽ ở bài cho gần với mẫu hơn trước khi vẽ đậm nhạt).

– Gợi ý HS quan sát kĩ mẫu để phân biệt các độ đậm, nhạt:

+ Độ đậm nhất, đậm vừa, nhạt và sáng.

+ Vị trí của các mảng đậm, nhạt ở một vài hướng vẽ khác nhau.

– GV nhấn mạnh: Để vẽ được đậm, nhạt theo mẫu cần quan sát kĩ đậm, nhạt của mẫu trước khi vẽ.

– GV minh hoạ gợi ý cách vẽ đậm nhạt ở cái ấm và cái bát:

(Vẽ bảng hoặc vẽ ra giấy)

+ Xác định chiều mạnh của ánh sáng chiếu vào vật mẫu;

+ Xác định và phân chia các mảng đậm, nhạt trên ấm và bát.

+ Vẽ phác các mảng đậm, nhạt theo cấu trúc của từng vật mẫu:

* Ở cái ấm: mảng đậm nhạt dọc theo thân theo vòi.

* Ở hình bát: mảng đậm nhạt theo thân và miệng.

* Tuỳ theo ánh sáng mạnh, yếu chiếu tới, ở mỗi vị trí các mảng độ đậm, nhạt không bằng nhau.

+ Dùng nét chì thưa, dày, đậm, nhạt đan xen để tạo độ đậm nhạt.

+ Diễn tả mảng đậm trước làm chuẩn, từ đó tìm ra độ đậm vừa và nhạt.

– GV nhấn mạnh để HS nhớ:

+ Khi vẽ luôn nhìn mẫu để so sánh độ đậm nhạt ơ bài vẽ với mẫu.

+ Cần nhấn mạnh đậm hoặc tẩy sáng những chỗ cần thiết cho bài vẽ sinh động hơn.

+ Vẽ đậm nhạt ở nền để bài vẽ có không gian.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS không vẽ ngay mà phải quan sát kĩ vật mẫu trước khi vẽ.

– Lưu ý HS không vẽ đậm ngay mà vẽ từ nhạt đến đậm.

– Nhắc HS khi diễn tả đậm nhạt cần dùng chì để gạch đan nét từ thưa đến mau, từ nhạt đến đậm, không di liền nét, độ đậm nhạt sẽ bị lì.

– Đến từng bàn để quan sát HS làm bài và.hướng dẫn bổ sung.

– Khen ngợi những HS làm bài tốt, động viên HS còn lúng túng.

– GV nhắc HS:

+ Nhìn mẫu để tìm và so sánh các độ đậm nhạt.

+ Các mảng đậm nhạt ở cái ấm chuyển tiếp nhẹ nhàng vì thân ấm tròn, đậm nhạt ở cái bát cũng tương tự như vậy.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài vẽ tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét về:

+ Cách vẽ đậm nhạt và tương quan đậm nhạt giữa 2 vật mẫu giữa mẫu và nền.

+ Rõ hình, chưa rõ hình.

+ Đậm nhạt giữa mẫu và nền.

– Cùng HS đánh giá, xếp loại các bài vẽ.

– Nhận xét chung bài học.

3. Bài tập về nhà

– Đọc trước bài 29.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 29. Thường thức mĩ thuật
SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT THẾ GIỚI THỜI CỔ ĐẠI

I - MỤC TIÊU

– HS làm quen, tìm hiểu nền văn minh Ai Cập, Hi Lạp, La Mã thời kì cổ đại qua tìm hiểu MT thời kì này.

– Hiểu được một số nét cơ bản về sự phát triển của nền MT Ai Cập, Hi Lạp, La Mã thời kì cổ đại.

II - CHUẨN BỊ

– Bộ ĐDDH MT 6.

– Cuốn sách *Nghệ thuật Ai Cập cổ đại,* NXB Giáo dục, tái bản 2000.

– Một số tranh, ảnh các công trình nghệ thuật của các nền văn hoá trên.

– Bản đồ thế giới (to, rõ, dễ quan sát).

Phương pháp giảng dạy:

– Hoạt động nhóm.

– Trực quan.

– Thuyết trình.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

TÌM HIỂU NHỮNG NÉT KHÁI QUÁT VỀ MĨ THUẬT AI CẬP CỔ ĐẠI

– Chia lớp theo nhóm học tập, yêu cầu các nhóm đọc SGK và trao đổi nhóm theo các gợi ý sau:

+ Ai Cập cổ đại nằm ở đâu, cách ngày nay bao nhiêu lâu?

+ Hi Lạp, La Mã cổ đại nằm ở đâu, cách ngày nay bao nhiêu lâu?

– Thời gian trao đổi nhóm từ 5 đến 7 phút.

– Sau đó GV củng cố thêm nhận thức cho HS và nhấn mạnh:

+ Thời kì cổ đại ơ các quốc gia này đã bắt đầu hình thành giai cấp và nhà nước chiếm hữu nô lệ.

+ Ở châu á cũng có các nền văn minh cổ đại như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Nhật Bản...

– Nói đến MT thời cổ đại là nói đến văn hoá Ai Cập và các nước vùng Lưỡng Hà (hai con sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rat) – cái nôi của văn hoá phương Đông cổ đại – cùng với nền văn hoá rực rỡ Hi Lạp, La Mã – cái nôi của văn hoá phương Tây cổ đại. Vai trò của nền MT cổ đại đối với loài người rất to lớn, để lại nhiều tác phẩm vô giá cho đến ngày nay.

– GV tiếp tục giảng giải:

Vài nét về bối cảnh lịch sử

– Ai Cập ở vùng Đông Bắc châu Phi, nằm dọc theo lưu vực sông Nin (con sông có giá tri to lớn, là nguồn nước và phù sa tươi mát, bồi đắp cho những cánh đồng ven sông rất màu mỡ). Ai Cập được chia thành hai miền rõ rệt:

+ Thượng Ai Cập là một dải lưu vực nhỏ, hẹp;

+ Hạ Ai Cập là cánh đồng lớn hình tam giác.

– Vị trí địa lí tạo cho Ai Cập được khép kín, tách ra khỏi biến động của bên ngoài. Do đó, nghệ thuật Ai Cập mang đậm tính dân tộc, ít biến đổi trong suốt 3000 năm tồn tại.

– Khoa học kĩ thuật phát triển sớm, nhất là Toán học và Thiên văn học (người Ai Cập có đại đã biết dùng số Pi = 3,1416 để tính thể tích và diện tích bán cầu). Các thành tựu về làm thủy lợi, phát minh ra đồng hồ nước, đồng hồ mặt trời và những bí quyết về xây dựng Kim tự tháp là những sáng tạo vô giá về nghệ thuật và khoa học để lại cho loài người.

– Về Tôn giáo: Người Ai Cập thời cổ thờ nhiều thần (đa thần giáo và tin ở sự bất diệt của linh hồn. Đây cũng là khởi nguồn nảy sinh một loại hình nghệ thuật phát triển mạnh – nghệ thuật kiến trúc Kim tự tháp, kiến trúc lăng mộ, nơi ở vĩnh hằng của các Pha-ra-ông (vua Ai Cập cổ đại).

Vài nét về mĩ thuật Ai Cập thời kì cổ đại – Các loại hình mĩ thuật

– GV nhắc lại:

+ Do hoàn cảnh địa lí và lịch sử, Ai Cập bị tách khỏi những biến động bên ngoài. Tuy vậy, Ai Cập có những cánh đồng màu mỡ và nhiều loại đá rắn chắc, có màu sắc đẹp (như là đá thạch anh). Đây là nguồn nguyên liệu dồi dào cho kiến trúc và điêu khắc Ai Cập cổ đại phát triển.

+ Do tin ở sự bất diệt của linh hồn nên người Ai Cập cho rằng người chết cũng có cuộc sống của họ. Đây là cơ sở và điều kiện cho nghệ thuật xây cất lăng mộ, tạc tượng, ướp xác... Ai Cập phát triển.

– MT Ai Cập cổ đại mang nhiều nét độc đáo, riêng biệt:

Kiến trúc

Kiến trúc Ai Cập cổ đại tập trung vào hai dạng lớn là: Lăng mộ và đền đài.

– Lăng mộ của các triều vua thuở xưa chính là những kho tàng tư liệu giá trị lưu giữ rất nhiều hiện vật, có hầm mộ chứa đựng hàng trăm thằng nhỏ miêu tả cảnh sinh hoạt, phục dịch nhộn nhịp như khi chủ nhân còn sống (chẳng hạn lăng mộ tể tướng Mê-kê-trê cách đây 4000 năm). Ngoài ra, còn có những pho sách bằng đá, các bức vách chạm khắc, những bức hình chạm nổi hay khắc chìm đã miêu tả những hình ảnh sinh hoạt đời sống xã hội rất sinh động.

+ Điển hình nhất là các Kim tự tháp đồ sộ và có thể nói Ai Cập là đất nước của những Kim tự tháp. Kim tự tháp chính là ngôi mộ trong có đặt xác của vua, thể hiện uy quyền và sự chuyên chế của nhà vua đối với dân chúng (vua Ai Cập cổ đại được gọi là Pha-ra-ông).

+ Hiện nay, trên đất nước Ai Cập còn 67 Kim tự tháp. Kim tự tháp có nghĩa là "Cao chót vót", danh từ này do người sau đặt ra. Người Ai Cập xưa gọi là KHOUT, có nghĩa là rực rỡ, điều đó nói lên sự ngưỡng mộ của nhân loại đối với công trình kiến trúc độc đáo của người Ai Cập cổ đại.

– Kiến trúc Kim tự tháp là một *nền nghệ thuật tổng hợp* và hoàn chỉnh:

+ Kim tự tháp có hình chóp (đáy là hình tứ giác, bốn mặt là bốn hình tam giác cân cùng chung một đỉnh) trông như những quả núi nhân tạo được ghép kín đặc (trừ các phòng hầm mộ và hành lang bên trong) bằng đá khối vạt đẽo kĩ càng, mỗi phiến đá nặng hàng mấy tấn.

– Ngoài các Kim tự tháp, nhiều ngôi đền được xây dựng vĩ đại không kém, như lăng vua Tut-tan-kha-mông với số hiện vật được khai quật chứa đầy cả 11 căn phòng to của bảo tàng Cai-rô. Đền thờ thần ở khu vực Các-nác có kích thước to và đồ sộ, được xây cất cẩn thận (như phòng to giữa đền Các-nác chiếm diện tích khoảng 5000 m^2, 16 hàng cột đỡ trần nhà, những tượng Nhân sư (XPhanh) xếp hàng theo con đường dài 2 km,..*)*. Có ngôi đền thờ được xây dựng hoành tráng bên thành núi đá, mặc dù nay chỉ còn là phế tích vẫn được xếp vào hàng kiệt tác nghệ thuật.

Điêu khắc

– Ngoài việc ướp xác, người Ai Cập cố đại còn tạc tượng để linh hồn người chết nhập vào. Nghệ thuật điêu khắc thời kì này mang phong cách tả thực (dáng người thô mập của cư dân nông nghiệp như các pho tượng *Viên thư lại ngồi* (tượng đá), tượng *ông xã trưởng Sec-ken-bô-lét* (gỗ) rất sống động. Tấm bia chạm nổi hình Pha-ra-ông Nác-me (cuối thế kỉ IV trước

Công nguyên) không những là một tác phẩm nghệ thuật quý giá mà còn là văn tự cổ nhất, ghi nhận sự chinh phục của vua Nác-me từ Nam lên Bắc.

– Nổi bật nhất của điêu khắc có đại Ai Cập là những tượng đá khổng lồ tượng trưng cho quyền năng của thần linh như tượng các Pha-ra-ông và tượng Nhân sư (đầu người, mình sư tử). Chẳng hạn như bức Pha-ra-ông An-men-hô-tép III tạc vị vua ngồi cao 16 ai. Ngoài ra, còn có hàng trăm bức tượng cao gấp hai, ba lần người thật được dựng tại khắp các đền đài.

Hội hoạ

– Hội hoạ gắn với điêu khắc và văn tự một cách hữu cơ, biểu hiện ở nhiều chữ viết luôn đi kèm các bức chạm khắc và các bức vẽ nhiều màu trên vách tường; hình thức phù điêu tô màu khá phổ biến và phong phú, nét vẽ linh hoạt, màu sắc tươi tắn, hài hoà, mô tả khá đầy đủ các cảnh sinh hoạt của hoàng tộc và các gia đình quyền quý.

– Cách vẽ hình của người Ai Cập cổ đại khá đặc biệt. Do bị chi phối bởi những quy định ước lệ như phải nhìn chính diện, đảm bảo sự toàn vẹn của hình tượng nên những hình tượng con người luôn là sự kết hợp của nhiều điểm nhìn ở nhiều góc độ khác nhau: đầu, tay, chân, thân dưới nhìn ngang; chân nhìn ở góc 3/4, còn thân trên và vai nhìn chính diện.

– GV kết luận:

+ MT Ai Cập thời kì cổ đại là một trong những nền nghệ thuật lớn đầu tiên của thế giới loài người (từ thời cộng sản nguyên thuỷ chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ).

+ Những thành tựu của MT Ai Cập thời kì cổ đại sẽ mãi mãi là đài kỉ niệm chứng tỏ tài năng, sức sáng tạo của nhân dân lao động Ai Cập.

+ Hạn chế của MT cổ đại Ai Cập là sự ít biến đổi dù đã trải qua 3000 năm tồn tại, do hoàn cảnh địa lí và sự chi phối nặng nề của những ước lệ tạo hình cổ sơ do tôn giáo quy định.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU KHÁT QUÁT VỀ MĨ THUẬT HI LẠP THỜI KÌ CỔ ĐẠI

– Yêu cầu HS đọc phần II SGK và trao đổi nhóm theo các gợi ý sau:

+ Nêu một số nét khái quát về kiến trúc của Hi Lạp thời kì cổ đại?

+ Nêu một số nét khái quát về điêu khắc và hội hoạ của Hi Lạp thời kì cổ đại?

– Thời gian đọc sách và trao đổi nhóm từ 5 đến 7 phút.

– Sau đó GV củng cố thêm nhận thức cho HS và nhấn mạnh:

– Đất nước Hi Lạp nhìn ra Địa Trung Hải, đối diện với các quốc gia nói tiếng vùng Tiểu Á và Bắc Phi trên vùng biển Ê-giê. Biển Ê-giê giống như một cái hồ lớn tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán.

– Đảo Cre-tơ nằm trên biển Địa Trung Hải từ xa xưa đã có một nền văn minh rực rỡ. Tới thế kỉ XV (trước Công nguyên), đất Hi Lạp trở thành nơi hội tụ của nhiều cộng đồng dân tộc đến từ nhiều miền, trong đó có người đảo Cre-tơ. Cuộc hoà nhập này đã dẫn tới sự hình thành nền văn minh Hi Lạp mà đỉnh cao được ghi nhận vào các thế kỉ III và II trước Công nguyên.

– Sự hình thành nhà nước chiếm hữu nô lệ có sự phân công lao động trên một quy mô rộng lớn giữa công nghiệp và nông nghiệp, và do đó mới có thời kì hưng thịnh nhất của thế giới cổ đại: đó là nền văn minh Hi Lạp.

Vài nét về mĩ thuật Hi Lạp thời kì cổ đại – Các loại hình mĩ thuật

Kiến trúc

– Người Hi Lạp cổ đã tạo được các kiến thức (nguyên tắc), trật tự quy định cho kiểu dáng công trình. Đó là kiểu dáng cột: đô-rích đơn giản, khoẻ khoắn và I-ô-ních nhẹ nhàng, bay bướm. Tiêu biểu cho kiến trúc Hi Lạp cổ đại là đền Pác-tê-nông – công trình kiến trúc đồ sộ, hùng vĩ nhất trên khu đồi Ác-rô-pôn. Ngoài vẻ đẹp kiến trúc, đền còn được trang điểm bằng bức phù điêu chạm nổi dài 276m do nhà điêu khắc vĩ đại Phi-đi-át và các học trò của ông thể hiện làm cho khu đền càng thêm đẹp đẽ, lộng lẫy.

– Ở bước chập chững ban đầu của nghệ thuật kiến trúc Hi Lạp, đô-rích là kiểu cột ra đời sớm nhất, cổ nhất và hình dáng đơn giản nhất. Đó là các hàng cột to, khoẻ với các đường khắc chìm song song chạy suốt từ đầu xuống chân cột; cột đặt thẳng trên mặt đất, chưa có bệ đỡ dưới chân.

Điêu khắc

– GV chú ý nhấn mạnh đến vai trò của điêu khắc trong nghệ thuật Hi Lạp thời kì cổ đại. Nếu trong MT Ai Cập cổ đại, điêu khắc phụ thuộc vào kiến trúc thì ở MT Hi Lạp cổ đại, điêu khắc là những pho tượng có thể đứng độc lập, mang giá tri nghệ thuật và giá tri nhân văn.

– Điêu khắc Hi Lạp thời kì cổ đại có nhiều nhà điêu khắc và tác phẩm nổi tiếng. Ba nhà điêu khắc nổi tiếng nhất là Phi-đi-at, Mi-rông và Pô-li-clét.

Nghệ thuật điêu khắc Hi Lạp thời kì cổ đại đã đạt tới đỉnh cao, với nhiều thành tựu to lớn.

+ Mi-rông với tác phẩm *Người ném đĩa* đã chuyển việc diễn tả tượng từ dáng tĩnh sang dáng động. Tác giả đã chọn được giây phút điển hình khi người lực sĩ dồn hết sức lực để ném đĩa đi xa nhất. Bức tượng có tỉ lệ mẫu mực, vừa hiện thực, vừa có tính thẩm mĩ cao.

+ Pô-li-clét lại nghiên cứu về tỉ lệ tuyệt mĩ của cơ thể người lực sĩ trong tác phẩm *Đô-ri-pho* và *Đi-a-duy-men* (pho tượng lực sĩ quán quân).

+ Phi-đi-át là nhà điêu khắc tiêu biểu nhất với các pho tượng tròn nổi tiếng. Pho tượng *Thần Dớt ở* đền O-lem-pic của ông được coi là một trong những kì quan của thế giới. Ngoài ra, ông còn chỉ đạo thực hiện 92 bức phù điêu cao 120 In trang trí xung quanh đền với đề tài về sự ra đời của nữ thần A-tê-na; đó là những thần thoại đặc biệt nói về lòng tự hào và sự dũng cảm của người dân thành A-ten.

Hội họa – Gốm

Ngoài kiến trúc và điêu khắc, MT Hi Lạp thời kì cổ đại còn có *hội hoạ* và *đồ gốm:*

– Về *hội họa,* những tác phẩm nguyên bản còn lại rất ít, nhưng theo sử sách, thời kì này cũng có các hoạ sĩ nổi tiếng như Đi-ô-xít, A-pen-cơ... và nhiều tác phẩm vẽ về đề tài thần thoại.

– Nói đến MT Hi Lạp thời kì cổ đại không thể không nói đến *đồ gốm* với những hình dáng, nước men và hình vẽ trang trí thật hài hoà và trang trọng.

– GV kết luận:

+ MT Hi Lạp thời kì cổ đại mang tính hiện thực sâu sắc. Các nghệ sĩ đã nghiên cứu và đưa ra được những tỉ lệ mẫu mực về con người mà đời sau còn phải học tập.

+ Nghệ thuật Hi Lạp thời kì cổ đại xứng đáng là một nền văn minh phát triển rực rỡ trước Công nguyên.

Hoạt động 3

TÌM HIỂU KHÁT QUÁT VỀ MĨ THUẬT LA MÃ THỜI KÌ CỔ ĐẠI

– Yêu cầu HS đọc phần III SGK và trao đổi nhóm theo các gợi ý sau:

+ Nêu một số nét khái quát về kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ của La Mã thời kì cổ đại?

– Thời gian đọc sách và trao đổi nhóm từ 5 đến 6 phút.

– Sau đó GV củng cố thêm nhận thức cho HS và nhấn mạnh:

+ Vào thế kỉ VIII trước Công nguyên, La Mã chỉ là một công xã ở miềnTrung bán đảo I-ta-li-a.

+ Vào thế kỉ I trước Công nguyên, từ một quốc gia chiếm hữu nô lệ nhỏ bé trên bờ sông Ti-brơ, La Mã trở thành một quốc gia rộng lớn, một đế quốc hùng mạnh thống trị cả vùng Địa Trung Hải.

+ Vào thế kỉ I trước Công nguyên, La Mã đánh chiếm Hi Lạp. Tuy nhiên, về mặt văn hoá, La Mã lại bị chinh phục và chịu ảnh hưởng của Hi Lạp (giống như người Mông Cổ và người Mãn chinh phục người Hán (Trung Quốc) nhưng lại bị văn hoá người Hán đồng hoá).

+ Tuy bị ảnh hưởng sâu sắc về văn hoá và nghệ thuật Hi Lạp, nhưng trong gần 500 năm phát triển, MT La Mã cùng tạo được những giá trị đặc sắc, chưa tìm thấy ở một nền văn minh nào trước đó.

+ La Mã thời kì cổ đại được hình thành từ hai nguồn ảnh hưởng: MT Hi Lạp và nghệ thuật bản địa, do đó đã tạo được những sáng tạo riêng, đặc biệt là tượng chân dung.

Kiến trúc

Kiến trúc là loại hình MT phát triển nhất và có nhiều sáng tạo đặc sắc. Điều đó thể hiện ở các điểm sau:

– Tạo ra nhiều thể loại kiến trúc phong phú về kiểu dáng và kích thước, sáng chế ra xi măng, gạch nung...

– Các công trình kiến trúc đồ sộ, kích thước to lớn, tráng lệ như *Đấu trường Cô-li-dê, Nhà tắm Ca-ra-ca-la...*

– Kiến trúc đô thị với kiểu nhà mái tôn và cầu dẫn nước về thành phố dài hàng chục cây số.

– Công trình *Khải hoàn môn* (cổng chiến thắng) là sự kết hợp giữa nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc.

Điêu khắc

– Điêu khắc có những sáng tạo tuyệt vời trong mĩ thuật làm tượng chân dung, trong đó có tượng các hoàng đế La Mã. Do phục vụ tín ngưỡng và

thờ cúng nên họ cố làm tượng chân dung chính xác như thực, các tượng tiêu biểu như: *Ô-guýt ở* Pri-ma Pôc-ta, Ca-ra Ca-la...

– La Mã là nơi sinh ra kiểu tượng đài kị sĩ nổi tiếng, tiêu biểu là tượng *Hoàng đế Mác-ô-ren trên lưng ngựa*.

Hội hoạ

– Các bức tranh tường và hình trang trí ở hai thành phố Pom-pê-i và Ec-quy-la-num diễn tả rất đa dạng và phong phú những đề tài thần thoại với một trình độ nghề nghiệp rất cao.

– Các nghệ sĩ La Mã cũng là những người khởi xướng lối vẽ hiện thực. GV tóm tắt nội dung bài một cách ngắn gọn:

– Thành tựu chung của ba nền MT cổ đại trên.

– Giá trị văn hoá, giá tri nghệ thuật của các nền MT trên với nhân loại.

Hoạt động 4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

GV đặt câu hỏi kiểm tra nhận thức của HS.

3. Bài tập về nhà

– Học bài trong SGK và những ghi chép trong tiết học.

– Sưu tầm tranh ảnh, bài viết liên quan đến bài học.

Bài 30. Vẽ tranh
ĐỀ TÀI THỂ THAO, VĂN HOÁ

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu nội dung đề tài Thể thao – Văn hoá.

– Cách vẽ tranh đề tài Thể thao – Văn hoá.

– Vẽ được một bức tranh đề tài *Thể thao, Văn hoá*.

II - CHUẨN BỊ

– Tranh, ảnh về các hoạt động thể thao, văn hoá.

– Một số tranh của hoạ sĩ, của HS vẽ đề tài thể thao, văn hoá.

Phương pháp giảng dạy:

– Tự học.

– Trực quan.

– Vấn đáp – gợi mở.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM VÀ CHỌN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

– GV treo các tranh, ảnh các hoạt động thể thao, văn hoá, yêu cầu HS quan sát, nhận xét:

+ Các hoạt động thể hiện nội dung gì?

+ Hình ảnh nào thể hiện rõ nội dung?

+ Động tác hoạt động, trang phục của các nhân vật trên tranh, ảnh thể hiện cái gì? *(trong cùng một bức tranh).

+ Màu sắc như thế nào?

– Sau khi HS trả lời GV bổ sung cho đầy đủ, sau đó yêu cầu HS đọc SGK và xem tranh tham khảo ở bài 30 SGK.

– Từ việc quan sát tranh, ảnh trên bảng, trong SGK, GV gợi ý để các em nhớ lại và hình dung về các hoạt động văn nghệ, thể thao mà các em đã được tham gia, đã được chứng kiến.

– Nêu câu hỏi gợi ý để HS nhớ lại và lựa chọn hình ảnh đẹp về các hoạt động thể thao, văn nghệ có thể vẽ thành tranh.

+ Em hãy kể một số hoạt động văn nghệ, thể thao mà em biết?

+ Em đã tham gia hoạt động văn nghệ, thể thao nào? Cùng với ai?

+ Hoạt động văn hoá, thể thao đó diễn ra như thế nào?

+ Em có thể nhớ lại và hình dung ra hoạt động đó không?

+ Em thích hình ảnh, công việc nào nhất?

+ Em sẽ chọn công việc gì, hình ảnh nào của hoạt động để vẽ thành tranh?

– Sau khi HS trả lời, GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Có nhiều công việc, hoạt động về văn nghệ – thể thao có thể lựa chọn để vẽ thành tranh.

+ Chọn công việc, hoạt động nào mà em thích nhất, biết rõ nhất.

+ Tránh chọn nội dung xa lạ không phù hợp với khả năng.

– Đây chỉ là gợi ý, các em hãy tự chọn nội dung mà mình cảm thấy hứng thú, phù hợp với khả năng để vẽ tranh.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH VẼ TRANH

– Yêu cầu một HS nhắc lại các bước tiến hành bài vẽ tranh.

– Sau khi HS trả lời GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Xác định hình ảnh chính cho bức tranh.

+ Cân nhắc ý tưởng, sắp xếp bố cục hình vẽ.

+ Vẽ hình chính trong tranh là hoạt động tiêu biểu nổi bật và các hình ảnh khác có liên quan bổ sung, hỗ trợ cho hình ảnh chính.

+ Chỉnh sửa bố cục, chỉnh sửa các hình ảnh.

+ Vẽ màu tươi tắn phù hợp nội dung của đề tài.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS chỉ tham khảo, không chép lại các hình vẽ trong SGK.

– Nhắc HS khá giỏi có thể vẽ vào giấy A4 hoặc A3.

– Đến từng bàn để quan sát HS làm bài.

– Giúp những HS yếu kém để các em tự chủ và thoải mái trong khi vẽ tranh.

– Lưu ý HS thêm về cách khai thác nội dung, cách vẽ hình và vẽ màu.

– Có thể yêu cầu HS dừng vẽ để hướng dẫn bổ sung khi thấy cần thiết.

– Động viên HS vẽ yếu, khích lệ HS vẽ tốt kịp thời.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn treo một số bài tốt và chưa tốt để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét.

– Gợi ý để HS nhận xét tập trung vào các yếu tố:

+ Chọn nội dung;

+ Sắp xếp bố cục;

+ Màu sắc;

+ Thể hiện đề tài (rõ, chưa rõ);

+ Tiến độ bài vẽ (Xong, chưa xong).

– GV bổ sung ý kiến nhận xét của HS, nhận xét, khen ngợi các HS làm bài tốt, động viên những HS chưa làm được bài.

3. Bài tập về nhà

– Sưu tầm một số chiếc khăn hình vuông hoặc hình chữ nhật có trang trí đẹp.

– Tiếp tục hoàn thành bài vẽ ở lớp (nếu chưa xong).

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài ***31.*** Vẽ trang trí
TRANG TRÍ CHIẾC KHĂN ĐỂ ĐẶT LỌ HOA

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu vẻ đẹp và ý nghĩa của trang trí ứng dụng.

– Cách trang trí một chiếc khăn để đặt lọ hoa.

– Trang trí được chiếc khăn đặt lọ hoa.

II - CHUẨN BỊ

– Một vài lọ hoa có hình dáng đẹp.

– Hai, ba cái khăn trải bàn có hình trang trí đẹp.

– Một số bài vẽ của HS năm trước.

Phương pháp giảng dạy:

– Trực quan.

– Vấn đáp – gợi mở.

– Luyện tập.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH QUAN SÁT, NHẬN XÉT

– GV gợi ý để HS tìm hiểu:

+ Nhà em có nhiều lọ cắm hoa không?

+ Hàng ngày, hay vào dịp nào thì nhà em cắm hoa?

+ Em có thích nhà mình thường xuyên cắm hoa không?

+ Em thường thích cắm loại hoa nào?

+ Em có biết cách làm thế nào để lọ cắm hoa đẹp hơn không?

– Sau khi HS trả lời GV bổ sung và nhấn mạnh:

+ Lọ hoa có vai trò quan trọng trong đời sống gia đình, gia đình nào cũng thường có những ngày vui: sinh nhật, ngày lễ, tết, ngày vui họp mặt, mừng thọ v.v... Những ngày đó không thể thiếu lọ hoa. Nếu lọ hoa được đặt trên một chiếc khăn có trang trí thì trông sẽ đẹp hơn rất nhiều.

– GV đặt một lọ hoa trên bàn không phủ khăn, một lọ hoa trên bàn có phủ khăn và có thêm khăn trang trí đặt dưới lọ hoa. GV nêu câu hỏi để HS quan sát nhận xét:

+ Trong hai lọ hoa, em thích lọ nào hơn?

+ Tại sao thích?

– Sau khi HS trả lời GV nhấn mạnh:

+ Lọ hoa đặt ở bàn có phủ khăn và đặt trên khăn có trang trí sẽ có bố cục và màu sắc thay đổi tạo sự chú ý của mỗi người.

+ Chiếc khăn trang trí sẽ làm tôn vẻ đẹp của lọ hoa tạo nên sự hấp dẫn và trang trọng.

– GV thay đổi lọ và thay đổi khăn nền để HS quan sát và thấy được mỗi cách sắp xếp đều có vẻ đẹp riêng.

– Yêu cầu HS xem thêm các hình minh hoạ trong SGK trước khi chuyển sang ***Hoạt động 2***.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN HỌC SINH CÁCH LÀM BÀI

– Yêu cầu HS chọn giấy để làm hình trang trí cho phù hợp với đáy lọ (không to, không nhỏ quá).

– Gợi ý HS chọn hình chiếc khăn (Có thể chọn một trong các hình): Hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn...

– Lưu ý HS:

+ Cách trang trí chiếc khăn theo các bước gần giống như cách làm các bài trang trí cơ bản. (trang trí hình vuông, hình tròn, trang trí hình chữ nhật, đường diềm...)

+ Cần lựa chọn các hoạ tiết đơn giản, mềm mại, đẹp, dễ vẽ.

+ Không nên vẽ nhiều màu và màu quá sặc sỡ.

+ Màu sắc phù hợp với lọ, với khăn trải tràn.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI

– HS làm bài theo hướng dẫn trong SGK hoặc làm bài theo ý thích.

– Cân nhắc khả năng khi lựa chọn hình dáng của khăn.

– Có thể lựa chọn các hình sau đây:

+ Hình chữ nhật kích thước: 20cm × 12cm;

+ Hình vuông, cạnh là 16cm;

+ Hình tròn, đường kính là 16cm.

– Nhắc HS sau khi chọn hình cần kẻ trục, tìm bố cục, mảng hình để vẽ hoạ tiết, cố gắng vẽ đơn giản, không vẽ cầu kì phức tạp.

– Trong khi HS làm bài, GV đến từng bàn để quan sát và hướng dẫn thêm.

Hoạt động 4

NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

– Chọn một số bài tốt và chưa tốt treo để nhận xét.

– Yêu cầu HS cùng tham gia nhận xét, đánh giá.

– GV bổ sung nhận xét và nhắc lại những kiến thức cơ bản cần ghi nhớ.

– Nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

– Hoàn thành bài tập ở lớp (nếu chưa xong) đọc trước bài 32.

– Chuẩn bị cho bài học sau.

Bài 32. Thường thức mĩ thuật
MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA MĨ THUẬT AI CẬP, HI LẠP, LA MÃ THỜI KÌ CỔ ĐẠI

I - MỤC TIÊU

– HS tìm hiểu một số công trình tiêu biểu của nền mĩ thuật cổ Ai Cập, Hi Lạp, La Mã.

– Cảm nhận vẻ đẹp và thấy được giá trị lịch sử của các công trình này.

II - CHUẨN BỊ

– Bộ ĐDDH MT 6.

– *Nghệ thuật Ai Cập cổ đại*, NXB Giáo dục, tái bản 2000.

– Một số tranh phiên bản tác phẩm điêu khắc và công trình kiến trúc khác giới thiệu giai đoạn này.

Phương pháp giảng dạy:

– Hoạt động nhóm.

– Vấn đáp, gợi mở.

– Tự học.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Giới thiệu bài

Dùng tranh, ảnh nêu câu hỏi tạo tình huống để dẫn dắt HS vào bài.

2. Các hoạt động cụ thể

Hoạt động 1

TÌM HIỂU KIM TỰ THÁP KÊ-ỐP (AI CẬP)

– Chia thành các nhóm theo tổ học tập.

– Yêu cầu các thành viên trong nhóm đọc phần I SGK và trao đổi trong nhóm.

– GV đặt câu hỏi gợi ý để các nhóm trao đổi:

+ Em hãy mô tả những nét chính về Kim tự tháp Kê-ốp?

– Dành thời gian từ 4 đến 5 phút để HS đọc SGK và trao đổi nhóm.

– Hết thời gian trao đổi, đại diện các nhóm lên trả lời câu hỏi

– GV bổ sung, giảng giải và nhấn mạnh các nội dung chính:

* Kim tự tháp Kê-ốp là lăng mộ của Pha-ra-ông Kê-ốp được xây dựng vào khoảng năm 2900 trước Công nguyên và kéo dài trong vòng 20 năm.

* Kim tự tháp Kê-ốp có hình chóp, cao 138m, trông như một quả núi nhân tạo được ghép kín đặc, đáy là hình vuông có cạnh dài 225m, bốn mặt là bốn hình tam giác cân chung một đỉnh.

* Đường vào Kim tự tháp ở hướng bắc hẹp, chỉ có một cửa vào. Trong lòng Kim tự tháp có các khoảng trống chứa một loại cát không có ở những vùng xung quanh. Chính nhờ các khoảng cát này mà Kim tự tháp không bị ảnh hưởng bởi các trận động đất và tồn tại đến ngày nay.

* Kim tự tháp được xây dựng bằng đá vôi. Người ta đã phải dùng đến 2 triệu phiến đá, có những phiến đá nặng gần 3 tấn.

* Ngoài giá trị nghệ thuật, Kim tự tháp Kê-ốp còn là một công trình khoa học chứa đựng nhiều bí ẩn chưa được giải đáp rõ ràng. Ví dụ như: Có một ống thông gió từ đỉnh Kim tự tháp xuống đường hầm, trong một năm, đúng vào một giờ nhất định, mặt trời sẽ chiếu thẳng vào lòng tháp qua ống thông gió này. Một điều bí ẩn nữa mà các nhà khoa học hiện nay chưa lí giải thoả đáng, đó là: Làm thế nào mà người Ai Cập cổ đại có thể vận chuyển và đưa các phiến đá nặng hàng tấn lên cao để xây các phần trên Kim tự tháp.

– GV kết luận:

+ Kim tự tháp Kê-ốp được xếp là một trong bảy kì quan của thế giới.

+ Kim tự tháp Kê-ốp là một di sản văn hoá vĩ đại không những của Ai Cập mà còn là của cả nhân loại.

Hoạt động 2
TÌM HIỂU VỀ TƯỢNG NHÂN SƯ (AI CẬP)

– Tiếp tục hoạt động nhóm.

– Yêu cầu các thành viên trong nhóm đọc phần 1(nhỏ) trong phần II SGK và trao đổi trong nhóm.

– GV đặt câu hỏi gợi ý để các nhóm trao đổi: Em hãy mô tả những nét chính về tượng Nhân sư (Ai Cập)?

– Dành thời gian từ 4 đến 5 phút để HS đọc SGK và trao đổi nhóm.

– Hết thời gian trao đổi, đại diện các nhóm lên trả lời câu hỏi.

– GV bổ sung và giảng giải nhấn mạnh các nội dung chính:

+ Nhân sư (hay còn gọi là Phanh) là tượng đầu người, mình sư tử:

* Đầu người tượng trưng cho trí tuệ và tinh thần.

* Mình sư tử tượng trưng cho quyền lực và sức mạnh.

+ Tượng *Nhân sư* khổng lồ này được tạc từ một tảng đá hoa cương rất lớn vào khoảng năm 2700 trước Công nguyên.

+ Tượng được đặt trước Kim tự tháp Kê-phơ-ren (cạnh Kim tự tháp Kê-ốp) và có những đặc điểm sau:

* Chiều cao khoảng 20 m, thân dài 60 m, đầu cao 5 m, tai dài 1,4 m và miệng rộng 2,3 m.

* Mặt nhìn về phía mặt trời mọc nên trông rất oai nghiêm, hùng vĩ.

– GV kết luận:

Tượng *Nhân sư* là một kiệt tác của điêu khắc cổ đại còn tồn tại đến ngày nay. Các nghệ sĩ đang nghiên cứu cách xây dựng tượng và cách tạo hình của người Ai Cập cổ đại để đưa vào điêu khắc tượng đài hiện đại.

Hoạt động 3
TÌM HIỂU VỀ TƯƠNG VỆ NỮ MI-LÔ (HI LẠP)

– Tiếp tục hoạt động nhóm.

– Yêu cầu các thành viên trong nhóm đọc phần 2 (nhỏ) trong phần II SGK và trao đổi trong nhóm.

– GV đặt câu hỏi gợi ý để các nhóm trao đổi:

+ Em hãy mô tả những nét chính về tượng Vệ nữ Mi-lô (Hi Lạp)?

– Dành thời gian từ 4 đến 5 phút để HS đọc SGK và trao đổi nhóm.

– Hết thời gian trao đổi, đại diện các nhóm lên trả lời câu hỏi.

– GV bổ sung và giảng giải nhấn mạnh các nội dung chính:

* Mi– lô là tên một hòn đảo trên biển Ê-giê (Hi Lạp). Năm 1820, người ta đã tìm thấy pho tượng phụ nữ cao 2,04m tuyệt đẹp, với thân hình cân đối, tràn đầy sức sống tuổi thanh xuân: Người ta đã đặt tên bức tượng là tượ *Vệ nữ Mi-lô*.

* Pho tượng được diễn tả theo phong cách tả thực hoàn hảo và có vẽ đẹp lí tưởng. Nét mặt được khắc hoạ kiên nghị nhưng lại có vẻ lạnh lùng, kín đáo. Nửa trên của bức tượng tả chất da thịt mịn màng của người phụ nữ được tôn lên với cách diễn tả các nếp vải nhẹ nhàng, mềm mại ở phía dưới. Đáng tiếc là người ta không tìm thấy hai cánh tay bị gãy. Tuy nhiên, vẻ đẹp của bức tượng không vì thế mà bị giảm đi.

Hoạt động 4

TÌM HIỂU TƯỢNG Ô-GUÝT (LA MÃ)

– Tiếp tục hoạt động nhóm.

– Yêu cầu các thành viên trong nhóm đọc phần 3 (nhỏ) trong phần II SGK và trao đổi trong nhóm.

– GV đặt câu hỏi gợi ý để các nhóm trao đổi:

+ Em hãy mô tả những nét chính về tượng Ô-guýt (La Mã)?

– Dành thời gian từ 4 đến 5 phút để HS đọc SGK và trao đổi nhóm.

– Hết thời gian trao đổi, đại diện các nhóm lên trả lời câu hỏi.

– GV bổ sung và giảng giải nhấn mạnh các nội dung chính:

* Nét đặc sắc của điêu khắc La Mã thời kì cổ đại là tượng chân dung và các tượng đài kị sĩ.

* Tượng *Ô-guýt* là một trong những tượng toàn thân tiêu biểu của loại hình nghệ thuật này.

* Ô-guýt là người thiết lập nền đế chế La Mã, trị vì từ năm 30 đến năm 14 trước Công nguyên.

* Đây là pho tượng toàn thân đầy vẻ kiêu hãnh của vị hoàng đế, tạc theo phong cách hiện thực. Tuy nhiên, pho tượng đã được diễn tả theo hướng lí tưởng hoá Ô-guýt với nét mặt cương nghị, bình tĩnh, tự tin và cơ thể cường tráng của một vị tướng hùng dũng.

* Đây còn có thể được coi là một nhóm tượng, vì ngoài tượng Ô-guýt còn có tượng thần tình yêu A-mua cưỡi cá đô-phin nhỏ dưới chân. Sở dĩ có

pho tượng này là vì theo tục truyền, dòng họ Ô-guýt bắt nguồn từ thần Vệ nữ và để nhấn mạnh dòng dõi thần thánh của Ô-guýt, họ đã tạc tượng con của thần Vệ nữ dưới chân phải hoàng đế.

– GV kết luận:

Tượng *Ô-guýt* là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách diễn tả của điêu khắc La Mã cổ đại:

+ Tôn trọng hiện thực, cố gắng tạo ra các tác phẩm chân dung như thật, sống động.

+ Thị hiếu của người La Mã thời kì cổ đại thích đồ sộ, hùng mạnh, cao cả khác hẳn phong cách thanh lịch, tao nhã, nhẹ nhàng của người Hi Lạp cổ đại.

– GV kết luận chung:

– Nền MT Ai Cập, Hi Lạp, La Mã thời kì cổ đại tuy khác nhau về quá trình hình thành và phong cách thể hiện nhưng có điểm chung là có vai trò to lớn đối với nhân loại, để lại nhiều tác phẩm vô giá cho tới ngày nay.

– Là những cái nôi của nghệ thuật thế giới, đại diện cho phương Đông là Ai Cập; đại diện cho phương Tây là Hi Lạp và La Mã.

– Rất nhiều công trình MT Ai Cập, Hi Lạp, La Mã thời kì cổ đại được xếp vào hàng các kì quan của thế giới như: *Kim tự tháp Kê-ốp, tượng Thần Dớt...*

Hoạt động 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.

– GV nhắc lại câu hỏi kiểm tra nhận thức của một vài HS.

– Nhận xét chung tiết học.

3. Bài tập về nhà

Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết về MT Ai Cập, Hi Lạp, La Mã thời kì cổ đại.

Bài ***33 – 34.*** **Vẽ tranh**

ĐỀ TÀI QUÊ HƯƠNG EM

I - MỤC TIÊU

– Ôn tập và củng cố kiến thức, kĩ năng vẽ tranh đề tài.

– Đánh giá kết quả học mĩ thuật ở lớp 6.

II – CHUẨN BỊ

– Đề bài kiểm tra: *Vẽ một bức tranh đề tài quê hương em.*

– Một số tranh của HS vẽ đề tài Quê hương.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

– GV chép đề bài lên bảng: *Vẽ một bức tranh đề tài quê hương em.*

– Nêu yêu cầu của bài:

+ Lựa chọn nội dung hoạt động theo ý thích.

+ Vẽ trên khổ giấy A4 (Em nào có khả năng có thể vẽ trên giấy A3)

+ Chất liệu màu: Tuỳ chọn.

– GV nhắc thêm:

+ Đây là bài kiểm tra học kì II đồng thời là bài kiểm tra đánh giá cả năm học nên các em phải tập trung làm bài và thể hiện hết khả năng của mình để đạt kết quả cao nhất.

– Cho HS làm bài trong 2 tiết liền nhau (nếu có điều kiện).

– Nếu không có điều kiện, cho HS làm bài theo cách:

Tiết 1, Vẽ hình. Tiết 2, Vẽ màu.

– HS vẽ tại lớp, không mang bài về nhà.

– Đánh giá: GV thu bài về chấm ở nhà. Treo bài khi trả bài.

Bài 35

TRƯNG BÀY KẾT QUẢ HỌC TẬP TRONG NĂM HỌC

I - MỤC ĐÍCH

– HS thấy được kết quả học tập của cả năm học.

– Học tập lẫn nhau qua các sản phẩm được trưng bày.

– Giúp HS tự đánh giá, rút ra bài học cho năm học tiếp theo.

II - HÌNH THỨC TỔ CHỨC

– Chọn các bài vẽ của HS trong cả năm học để trưng bày.

– Trưng bày sản phẩm của 3 phân môn.

– Trưng bày theo lớp.

– Yêu cầu HS cả lớp tự chọn tranh của mình trước, sau đó GV sẽ chọn các bài đẹp, tiêu biểu để trưng bày.

– Nên tổ chức trưng bày như một triển lãm nhỏ, (các bức tranh được chọn phải được đặt vào khung kính hoặc dán vào bìa cứng theo từng chủ đề, có tiêu đề rõ ràng sao cho đẹp và trang trọng).

– Tổ chức cho HS xem, sau đó trao đổi, đánh giá, chọn ra các bài vẽ xuất sắc để trao thưởng và để động viên tinh thần học tập của HS.

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 3
A. PHẦN CHUNG 2
B. PHẦN THIẾT KẾ BÀI DẠY MĨ THUẬT 6 7
Bài *1*. Vẽ trang trí:: CHÉP HOẠ TIẾT TRANG TRÍ DÂN TỘC 7
Bài *2*. Thường thức mĩ thuật: SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT VIỆT NAM THỜI KÌ CỔ ĐẠI.. 10
Bài *3*. Vẽ theo mẫu: SƠ LƯỢC VỀ LUẬT XA GẦN 15
Bài *4*. Vẽ theo mẫu: CÁCH VẼ THEO MẪU 18
Bài *5*. Vẽ tranh: CÁCH VẼ TRANH ĐỀ TÀI 21
Bài *6*. Vẽ trang trí: CÁCH SẮP XẾP (BỐ CỤC) TRONG TRANG TRÍ 24
Bài *7*. Vẽ theo mẫu: MẪU CÓ DẠNG HÌNH HỘP VÀ HÌNH CẦU (Vẽ hình) 28
Bài *8*. Thường thức mĩ thuật: SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT THỜI LÝ (1010 – 1225)........ 31
Bài *9*. Vẽ tranh: ĐỀ TÀI HỌC TẬP 36
Bài *10*. Vẽ trang trí: MÀU SẮC 39
Bài *11*. Vẽ trang trí: MÀU SẮC TRONG TRANG TRÍ 44
Bài *12*. Thường thức mĩ thuật: MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA MĨ THUẬT THỜI LÝ 46
Bài *13*. Vẽ tranh: ĐỀ TÀI BỘ ĐỘI 50
Bài *14*. Vẽ trang trí: TRANG TRÍ ĐƯỜNG DIỀM 53
Bài *15*. Vẽ theo mẫu: MẪU DẠNG HÌNH TRỤ VÀ HÌNH CẦU (Tiết 1 – Vẽ hình) 56
Bài *16*. Vẽ theo mẫu: MẪU DẠNG HÌNH TRỤ VÀ HÌNH CẦU (Tiết 2 – Vẽ đậm, nhạt) . 59
Bài *17*. Vẽ tranh: ĐỀ TÀI TỰ DO (Bài kiểm tra Học kì I) 62
Bài *18*. Vẽ trang trí: TRANG TRÍ HÌNH VUÔNG 63
Bài *19*. Thường thức mĩ thuật: TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM 66
Bài *20*. Vẽ theo mẫu: MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT (Tiết 1 – Vẽ hình) 70
Bài *21*. Vẽ theo mẫu: MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT (Tiết 2 – Vẽ đậm nhạt) 74
Bài *22*. Vẽ tranh: ĐỀ TÀI NGÀY TẾT VÀ MÙA XUÂN 77
Bài *23*. Vẽ trang trí: KẺ CHỮ IN HOA NÉT ĐỀU 80

Bài *24.* Thường thức mĩ thuật: GIỚI THIỆU MỘT SỐ TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM... 84
Bài *25.* Vẽ tranh: ĐỀ TÀI MẸ CỦA EM... 89
Bài *26.* Vẽ trang trí: KẺ CHỮ IN HOA NÉT THANH NÉT ĐẬM................................... 92
Bài *27.* Vẽ theo mẫu: MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT (Tiết 1 – Vẽ hình) 95
Bài *28.* Vẽ theo mẫu: MẪU CÓ HAI ĐỒ VẬT (Tiết 2 – Vẽ đậm nhạt) 99
Bài *29.* Thường thức mĩ thuật: SƠ LƯỢC VỀ MĨ THUẬT THẾ GIỚI THỜI CỔ ĐẠI 101
Bài *30.* Vẽ tranh: ĐỀ TÀI THỂ THAO VĂN HOÁ 110
Bài *31.* Vẽ trang trí: TRANG TRÍ CHIẾC KHĂN ĐỂ ĐẶT LỌ HOA 113
Bài *32.* Thường thức mĩ thuật: MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA MĨ THUẬT AI CẬP, HI LẠP, LA MÃ THỜI KÌ CỔ ĐẠI 116
Bài *33 - 34.* Vẽ tranh: ĐỀ TÀI QUÊ HƯƠNG EM 121
Bài *35* TRƯNG BÀY KẾT QUẢ HỌC TẬP TRONG NĂM HỌC 122

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: ĐINH NGỌC BẢO
Tổng biên tập: LÊ A

Chịu trách nhiệm nội dung:
CÔNG TY TNHH SÁCH GIÁO DỤC HẢI ANH

Biên tập nội dung: LÊ NGỌC BÍCH

Kĩ thuật vi tính: THÁI SƠN

Trình bày bìa: THU HƯƠNG

Mã số: 02.02.85/91ĐH2008

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 6

In 1000 cuốn, khổ 17 × 24 cm, tại Công ty TNHH in Hà Anh.
Số đăng kí xuất bản: 244–2008/CXB/85–09/ĐHSP ngày 21/3/08.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2008.